

B.S : LÊ NGUYỄN KHÁNH - L.Y : NGUYỄN THIÊN QUYÊN



KINH NGHIỆM BÍ TRUYỀN

CỦA CÁC ÔNG LANG
BẢ MẸ MIỀN NÚI



NHÀ XUẤT BẢN VĂN HÓA DÂN TỘC

Bác sĩ LÊ NGUYỄN KHÁNH -
Lương y NGUYỄN THIÊN KHUYẾN
Biên Soạn và Bình Luận

NHỮNG BÀI THUỐC
KINH NGHIỆM BÍ TRUYỀN
CỦA CÁC ÔNG LẠNG BÀ MẸ MIỀN NÚI

TẬP I

NHÀ XUẤT BẢN VĂN HÓA DÂN TỘC
Hà Nội 1994

Lời nói đầu

Nhân làm cố vấn chuyên môn ở tỉnh Hà Sơn Bình (tức Hà Tây, Hòa Bình ngày nay) trong những năm 1989, 1990, 1991, theo gương Hải Thượng Lãn Ông ở thế kỷ XVIII có ghi chép lại các bài thuốc kinh nghiệm quý trong dân gian, soạn thành 2 cuốn "Hành giản trân nhu" (Những phương thuốc đơn giản mà cần thiết) và "Bách gia trân tàng" (Những phương thuốc quý của trăm nhà) đây là bước đầu chúng tôi có tập hợp và chọn lọc được 90 bài thuốc kinh nghiệm của các ông lang bà mẹ miền núi ở 2 tỉnh Hòa Bình và Hà Tây đã lần lượt cống hiến cho hội y học dân tộc của 2 tỉnh đó trong những năm qua.

Dưới nguyên bản của từng bài thuốc cống hiến (từ họ tên, địa chỉ người cống hiến đến lịch sử, công thức, cách dùng, kết quả điều trị của bài thuốc v.v.....), chúng tôi đều có lời bình luận rõ ràng cụ thể giúp các bạn đọc thêm phần sáng tỏ phạm vi tác dụng của từng bài thuốc cống hiến để các bạn sử dụng được đến nơi đến chốn khi cần thiết.

Chúng tôi rất mong cuốn sách này đem lại cho các bạn được nhiều ích lợi, rất thuận tiện trong nhiều trường hợp, nhất là khi xa thầy thuốc.

Tác giả : B.s. Lê Nguyên Khánh

CÁC BÀI THUỐC CHỮA NẮN BÓ GÃY XƯƠNG

1- Bài thuốc của cụ Hà Văn Trường, lương y bệnh viện huyện Mai Châu tỉnh Hòa Bình.

Nắn bó gãy xương, dập xương, bong gân, sai khớp, gãy kín, gãy hở, đều dùng bài sau đây :

Công thức :

- Lá bưởi non : 1 nắm
- Lá đại by : 1 nắm
- Củ sả : 10 củ
- Gạo nếp : 10 gam
- Muối : 10 gam
- Gà con mới nở : 1 con (có thì càng hay; không thì thay bằng đầu tằm ăn : 1 nắm)

Cách chế - cách dùng - xử lý kịp thời :

- Các thứ lá trên - củ sả gà con rửa sạch tán tươi ra thật nhừ rồi đem phơi khô, sàng lọc ra, đem rây thành bột, cất vào lọ kín. Khi nào có bệnh nhân, bất kỳ đến lúc nào, thì khám qua bệnh nhân, nghiên cứu xem vết thương gãy kín hay hở; đoạn chuẩn bị nước sôi để nguội, rửa vết thương; sau lấy thuốc hòa nước vào, chưng trong song con để cho sệt sệt.

đoạn lấy vải dày che kín mắt bệnh nhân để bệnh nhân không thấy thầy thuốc; sau hãy nắn xương vào vị trí cũ. Nếu là gãy tay thì thầy thuốc lấy áo lót nách bệnh nhân rồi lấy chân đạp vào nách và lấy tay luồn vào vị trí cũ. Nếu đùi bị gãy hoặc cẳng chân cũng thế, thì lấy chăn mỏng lót vào hậu môn hay bộ sinh dục bệnh nhân; đoạn thầy thuốc lấy chân đạp vào hậu môn rồi kéo vào vị trí cũ.

- Chú ý khi xử lý như vậy nên điều chỉnh cho cân đối bằng nhau và cho đắp vào vết thương thuốc kể trên; lấy băng quấn vào để giữ thuốc khỏi rơi ra và cho nẹp cố định; sau mới quấn băng cố định.

- Trường hợp này hay xảy ra ở trẻ em từ 6 tuổi đến 12 tuổi nam hoặc nữ trèo cây, vật nhau, nhảy cao, bị ngã vì cưỡi trâu. Theo cách chữa này thì nữ độ 9 ngày là lành, sẽ tháo băng; nam thì độ 11 ngày là tháo băng.

Nếu khỏi thì thôi; nếu chưa khỏi hẳn thì bỏ lại theo bài trên, nhưng nữ độ 9 ngày, nam độ 7 ngày hãy tháo băng.

Kiêng kỵ : - tôm tép, mắm tôm, trâu trắng, bò đen, thịt chó, bí xanh, ốc hến.

Phản ứng : Không.

Kết quả : Đã chữa hằng 500 người đều khỏi cả (Cụ thể - Em Hà Văn Thăng, 12 tuổi, xóm Niên, xã Chiềng Yên, huyện Mộc Châu - Em Lò Văn Yên, 20 tuổi, xóm Vàng, xã Chiềng Cai, huyện Mai Châu)

BÌNH LUẬN

Lá đại bi : Vị cay, đắng, mùi thơm nồng, tính ấm, sát trùng, tán huyết, trong chấn thương thường giã lá đắp hoặc ngâm rượu xoa bóp.

Lá bưởi : Vị đắng, the, mùi thơm, tính ấm, tán khí, thông hành kinh lạc, hoạt huyết, tiêu sưng, dẫn gân giảm đau. Nhân dân thường dùng lá bưởi non nướng chín để nắn, xoa bóp chỗ đau cho tan máu ứ, trong các trường hợp sưng tấy khớp, bong gân, gãy xương do ngã, bị đánh đập, sau đó lấy lá khác giã nát bỏ lên.

Củ sả : Vị the, mùi thơm, tính ấm, thông kinh lạc, giảm đau, trấn kinh, thông khí, lợi tiểu (đầu sả dùng để xoa muối, khử mùi hôi tanh).

Muối : Vị mặn, tính lạnh, tán ứ, tiêu sưng. Người ta thường giã muối với hành băng các chỗ sưng ứ máu. Muối sát trùng rất tốt.

Tóm lại, công thức bài thuốc chữa gãy xương kể trên gồm những vị thuốc mà tách riêng từng vị, nhân dân đã dùng chữa ngoài thường thấy tốt. Với công thức bài thuốc trên, cụ Trường đã chữa khỏi được 500 người mà không một người nào bị phản ứng thuốc. Do đó chúng tôi thấy nên phổ biến rộng rãi kinh nghiệm nắn bó gãy xương bằng bài thuốc kể trên để nhiều người biết mà dùng khi cần thiết.

2- Bài thuốc của ông Hoàng Văn Tứ, trạm xá xã Ninh Bản, huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình.

A- THUỐC BÓ GỠ XƯƠNG KÍN

- Công thức :

Lá lốt : 1 nắm to (tùy theo chỗ gãy xương đùi hay tay chân to hoặc nhỏ mà dùng lá lốt nhiều hay ít). Lấy lá lốt non và búp non rửa sạch bằng nước muối, giã nát hoà với bột gạo

nếp đắp và băng lại hơi chặt, độ 2 ngày tháo ra một lần; kiểm tra lại vết thương và bó miếng khác.

Chú ý : Trước khi bó phải khử trùng bằng nước muối rửa sạch, cố định vết thương cho thật tốt.

Nếu trường hợp gãy xương kín mà có triệu chứng xuất huyết trong thì gia thêm :

- Lá hẹ : (tùy theo vết thương to hay nhỏ mà dùng nhiều hay ít).

Tính dược của lá hẹ : khử trùng tán huyết tại chỗ rất mạnh.

Tính dược của lá lốt : Khử trùng, hành huyết, hàn vết thương chóng lành.

THUỐC UỐNG :

- Lá huyết dụ (hoạt huyết)8 gam
- Rễ cỏ xước (bổ gân xương)20 gam
- Củ bùi béo (bổ cơ)16 gam
- Hạt muồng tức quyết minh tử (bổ thần kinh, giảm đau)16 gam.
- Cát sâm (bổ cơ thể)24 gam.
- Hy thiêm (bổ thần kinh, bổ huyết)24 gam.

Cách chế và cách dùng :

- Các vị thuốc thái mỏng đều, phơi khô, riêng thảo quyết minh là phải sao vàng.

- Bỏ các vị vào ấm đất, cho 6 bát nước đun cạn lấy 3 bát, chia ra uống 3 bữa : sáng, trưa, chiều hay tối, mỗi bữa 1 bát. Bữa sau lại uống thang khác. Tiếp tục uống cho đến khi lành vết thương thì thôi.

B- THUỐC BÓ GÂY XƯƠNG HỚ

Công thức :

- Lá lốt (cũng lấy như trên), giã nát lấy nước nguyên chất, không pha nước lã.

- Lòng đỏ trứng gà luộc chín : tùy theo vết thương to hay nhỏ mà dùng 1, 2 hay 3 quả.

- Gà con mới nở đem luộc chín giã nát.

- Cách chế và cách dùng : Các thứ trên giã lẫn với nhau, luyện với hồ gạo nếp cho vừa dẻo. Nếu chảy máu nhiều thì gia thêm : tóc rối (1 nắm) đốt cháy tán nhỏ hòa lẫn với 3 thứ trên (tùy theo vết thương to, nhỏ mà dùng thuốc nhiều hoặc ít).

Ghi chú : - Lòng đỏ trứng gà : Sinh cơ xương.

- Gà con : Tính chất sinh cơ.

- Thuốc uống : Theo công thức bài thuốc chữa gãy xương kín.

- Cách bó gãy xương hở :

Rửa sạch vết thương bằng nước lọc sạch, đoạn đặt gạc lên trên rồi mới đắp thuốc, ở ngoài băng lại.

Chú ý : Cố định vết thương cho tốt, cứ 2 ngày lại tháo ra, rửa sạch vết thương và đắp thuốc khác.

Thời gian : - Gãy xương chân : Người lớn từ 20 đến 25 ngày thì chóng gầy đi được.

Nếu ở tay thì sẽ cầm được vật gì hoặc giờ thẳng lên được.

- Nếu là trẻ em :

1. Gãy xương kín : Trẻ em từ 15 tuổi trở xuống, thời gian rất ngắn : từ 15 đến 25 ngày là khỏi hẳn.

2. Gãy xương hở : Trong vòng 1 tháng là khỏi hẳn.

Kiên kỵ : Cá không vảy, các chất nếp vì sợ mưng mủ, các thứ cay nóng.

Kết quả : Chữa hàng trăm ca khỏi hoàn toàn. (Trong số đó. năm 1969, Bệnh viện Huyện Lạc Sơn tỉnh Hoà Bình có giới thiệu đến chữa 28 bệnh nhân bị gãy xương hở và gãy xương kín).

BÌNH LUẬN

Bài thuốc trên chủ yếu dùng lá lốt.

Lá lốt : Vị cay, mùi thơm (tính rất ấm), trừ thấp (tác dụng thấu đến xương), trừ hơi tạnh, chống đau nhức, là một loại thuốc thông dụng trong chữa phong thấp, đau nhức xương.

Lá hẹ : Vị the hơi chua, mùi hăng (tính bình) có tác dụng tán ứ, tiêu viêm, tiêu độc, cầm máu.

Tóc rói : Vị đắng, mùi khét, tính hơi ấm, tác dụng cầm máu, hoà huyết.

- Cách chữa nắn bó gãy xương của ông Hoàng Văn Tứ có kèm theo bài thuốc uống trong hồ trợ thêm cho thuốc đắp ngoài. Nhất là đối với những bệnh nhân bị gãy xương kín hoặc hở mà cơ thể vốn không được khỏe mạnh, khí huyết suy kém thì ngoài thuốc đắp để nắn bó gãy xương, chúng tôi thiết tưởng nên cho dùng thêm thuốc uống trong thì có thể tốt hơn.

Cả bài thuốc nắn bó gãy xương của cụ Hà Văn Tường vừa kể trên cũng nên kèm theo thuốc uống trong giống như của ông Hoàng Văn Tứ để chữa những trường hợp bệnh nhân bị gãy xương mà cơ thể xưa nay vẫn thuộc loại yếu.

3- Bài thuốc của mế Lịch ở xã Chiềng Châu, huyện Mai Châu tỉnh Hòa Bình.

Công thức :

1. Co hú quang (tức cây mã đề)
2. Co hán xan lấy củ (tức gừng gió bó gãy xương).
3. Co ngừu (lấy vỏ) (tức cây gạo).
4. Co mạt (tức cây đại bi)

Cách chế : tất cả 4 thứ giã nhỏ sào nóng đắp vào băng chỗ đau.

Cách dùng : Đắp thuốc ngày 2 lần, dùng thanh tre nẹp ở ngoài để cho xương liền được thẳng đứng như cũ.

Kiểm kỵ : Thịt gà, trâu trắng, bò đen, tôm, cua, ốc, mè.

Kết quả : Mế Lịch đã chữa cho 10 người khỏi bệnh.

BÌNH LUẬN

Mế Lịch chưa hướng dẫn cụ thể liều lượng của mỗi vị trong bài thuốc là bao nhiêu. Theo ý chúng tôi trong 4 vị thuốc đó vỏ cây gạo tức mộc miên bi là vị chủ yếu của bài (vị quân) rồi đến đại bi (vị thần). Vỏ cây gạo được dùng từ lâu để chữa gãy xương. Lãn Ông đã ghi trong "Lĩnh nam bản thảo" là : "mộc miên tức gọi là cây gạo; ngọt bình, không độc, tính thuần thay; huyết lậu, mụn, dờm, bị thương gãy; hoặc vỏ, hoặc hạt dùng đều hay". Vì thế liều lượng của vỏ gạo (tức "co ngừu") ít nhất phải gấp đôi và có thể gấp 3 liều lượng của mã đề, gừng gió; liều lượng "đại bi" có thể gấp đôi gừng gió, liều lượng của gừng gió và mã đề có thể ngang nhau (thí dụ mã đề, gừng gió mỗi thứ một nắm, "đại bi" 2 nắm, nhưng vỏ gạo phải là 2 hoặc 3 nắm.

CÁC BÀI THUỐC CHỮA BỎNG

1- Bài thuốc của ông Trần Đình Sơn

Công thức :

- Đại hoàng : 1 củ to.
- Sữa người : 1 chén con.

Cách chế, các dùng : Trước khi boils thuốc lấy độ 1 đến 3 kg với cục (tùy theo vết thương nhỏ thì lấy ít, to thì lấy nhiều với) cho từ 2 đến 10 lít nước vào cái thùng cho với đánh tan ra để với lắng xuống, gạn lấy nước trong (nước ở lò với cũng được). Rửa sạch vết thương rồi boils thuốc vào.

Từ lần sau trở đi chỉ boils thuốc mà không phải rửa nước với nữa.

Thuốc uống : Bệnh nhân nhẹ (không ngất) lấy 1 cốc nước tiểu của trẻ em (khỏe) cho một thìa đường hòa tan cho uống.

Nếu bệnh nhân nặng (ngất) thì lấy 1 bát nước tiểu trẻ em hòa với 4 thìa đường cho uống để trừ hỏa độc chạy vào tim.

Kiêng kỵ : Khi chưa khỏi bệnh không được ra gió và không ăn trứng, tôm, thịt bò.

Kết quả : Bài này đã chữa cho hàng hai trăm người khỏi (cụ thể con cô Chu là Đình Công Phủ 3 tuổi ở suối Chử và con anh Tá thuộc hợp tác xã Thuận Hòa, thị xã Hòa Bình đều bị bỏng nước nặng được chữa khỏi cả).

Ghi chú : Nếu không có đại hoàng thì lấy củ và cây chút chút, rửa nước muối thật sạch, già nhỏ, vắt lấy nước, hòa

với sữa bôi cũng được (chữa ngay thì dùng chút chút tươi, nếu để lâu thì phơi khô, sao vàng tán bột đựng vào lọ kín).

BÌNH LUẬN

Đại Hoàng : Vị đắng, tính mát, tả thực nhiệt ở phần huyết, thông thường uống có tác dụng nhuận tràng, tẩy, chữa táo bón. Đại hoàng còn có tác dụng diệt khuẩn (ly, thương hàn, staphylococcus). Về chữa ngoài có nơi người ta dùng đại hoàng chữa hắc lao (đại hoàng 10 gam, dấm 5 ml rượu 50 ml ngâm chung 10 ngày lấy ra bôi lên các vết hắc lao đã rửa sạch), ở đây dùng đại hoàng chữa bỏng, do đại hoàng có tính mát, lạnh, tả thực nhiệt, trị hỏa thương, đồng thời không cho vi trùng đột nhập vào vết thương bỏng.

Chút chút : vị đắng, hơi chua, tính mát, thanh nhiệt, lương huyết, sát trùng, thường dùng ngoài chữa lở ngứa, chốc đầu, tiêu ú huyết sưng đau. Cũng như đại hoàng, người ta dùng chút chút chữa hắc lao (như là : dùng bột rễ chút chút 100 g, rượu 60 độ 500 ml ngâm 10 ngày, lọc lấy rượu thuốc bôi vào vết hắc lao đã rửa sạch). Vì vậy mà ông Trần Đình Sơn trong chữa bỏng, nếu không có đại hoàng có thể dùng chút chút thay thế; vị chút chút cũng có tính mát, thanh nhiệt, diệt khuẩn như đại hoàng. Người ta thường dùng nước tiểu (đồng tiện) để chữa choáng váng, cảm nắng, trúng phong vì đồng tiện bổ âm, giáng hỏa, mát huyết, tiêu ú, trừ phong, sát trùng. Dùng nước tiểu trẻ em từ 2 đến 12 tuổi tốt hơn cả, hứng lấy đoạn giữa, bỏ đầu và bỏ cuối dùng lúc còn ấm.

Cách chế bột đại hoàng cũng tương tự như cách chế bột chút chút kể trên. Muốn cấp cứu ngay tức khắc (bị ngất) thì châm hoặc bấm huyết "nhân trung" hoặc "thập tuyền".

2- Bài thuốc của lương y Nguyễn Văn Thiết áp dụng tại phòng nghiên cứu Đông y thị xã Hòa Bình.

- Công thức :**
1. Nghệ vàng 0,5 kg.
 2. Lá dâu non 0,5 kg.
 3. Lá dây khoai lang 0,5 kg.

Cách chế : Các thứ thuốc trên phơi khô tán bột trộn đều cho vào lọ kín.

Cách dùng : Mỗi lần 40 g hòa với dầu vừng, rửa sạch chỗ đau; bôi thuốc này vào chỗ đau ngày 3 lần : sáng, trưa, tối cho đến khi khỏi.

Kiêng kỵ : Không ăn các loại trứng, thịt chó, thịt gà.

BÌNH LUẬN

Y học cổ truyền thường dùng rễ củ nghệ vàng (còn gọi là uất kim) và thân rễ nghệ vàng (còn gọi là khương hoàng) vị cay, đắng, tính ôn vào 2 kinh can và tỳ, công dụng phá ác huyết, huyết tích và sinh cơ.

Nhân dân thường dùng nghệ bôi lên các mụn mới khởi để đỡ sọc và giúp lên da non. Lá dâu có tác dụng khu phong, thanh nhiệt, lương huyết, thường dùng chữa "phong ôn biểu chứng". Kinh nghiệm nhân dân dùng lá dâu sao vàng tán nhỏ rắc vào mụn đã rửa sạch. Lá dây khoai lang vị ngọt tính bình, nhuận tràng, bổ tỳ vị. Y học hiện đại lại cho biết tinh dầu nghệ vàng có tác dụng diệt nấm và sát trùng. Trong lá dâu có chất tanin kèm theo các sinh tố A, B, C. Nghệ vàng và lá dâu đã được nhân dân dùng có kinh nghiệm trong chữa mụn, ngoài da. Nghệ vàng, lá dâu và lá dây khoai lang lại được y học hiện đại cho biết chứa những chất có thể ít nhiều tác dụng trong chữa bỏng ngoài da (như diệt nấm, khuẩn, chất tanin cùng

các sinh tố). Tuy nhiên theo ý chúng tôi thì bài thuốc này chủ yếu dùng chữa các vết bỏng nước, bỏng lửa nhẹ vừa vừa thôi. Còn về bỏng nặng và rất nặng thì nên gấp chuyển tới bệnh viện để xử lý cấp cứu kịp thời bằng mọi phương pháp và trang bị hiện đại mà bệnh viện có thể có được.

3- Bài thuốc của lương y Hà Văn Tường ở bệnh viện huyện Mai Châu thuộc tỉnh Hòa Bình.

Công thức :

- Bồ kết 3 quả.
- Lá pọt pào 1 nắm (còn gọi là Roi kiến).
- Vôi tôi rỗi 4 gam.
- Lá thề 1 nắm.

Cách chế, cách dùng : Các thứ trên nhúng nước sôi và nát ra thành bột, đoạn gạt bột đó vào chỗ bị bỏng là sẽ khỏi.

- Nhẹ thì độ 1 ngày là khỏi.
- Nặng thì độ 1 tuần là khỏi.

Kiêng kỵ : Mắm tôm, thịt chó, trâu trắng, bò đen, bí xanh, rau bí, ớt.

Phản ứng : Khi bôi bột đó vào vết thương có thể bị ngứa một lúc rồi sẽ khỏi, tuyệt đối không được gãi khi thấy ngứa vì gãi làm cho loét da.

Kết quả : Đã chữa hàng nghìn người khỏi (trong đó có nữ được sĩ U-Lan ở bệnh viện huyện Mai Châu bị bỏng nước sôi 2 lần đều chữa khỏi cả, nữ hộ sinh Ngọc ở bệnh viện huyện Mai Châu bị nhiều lần bỏng nước sôi đều chữa khỏi cả).

BÌNH LUẬN

Bồ kết vị cay, mặn, tính ấm, hơi có độc. Có tác dụng thông khiếu, tiêu đờm, sát trùng (y học hiện đại qua nghiên cứu thực nghiệm cũng nhận thấy bồ kết có tác dụng chống một số siêu vi trùng, vi khuẩn và ký sinh trùng đồng thời có tác dụng làm giảm đau). Lá pọt pào (hay roi kiến) là lá của một loại dây leo, tính mát, tiêu viêm, sát trùng, nhân dân ở vùng thượng du Hòa Bình dùng trong chữa bỏng, chữa khí hư bạch đới ở phụ nữ, mùa hè thường vò lá pọt pào tắm cho trẻ em để tránh rôm sảy. Vôi tôi rồi vị cay mùi nồng, tính ấm, sát trùng, tiêu thịt thối; y học cổ truyền dân tộc hay dùng vôi tôi rồi trong trị chấn thương chảy máu, ung nhọt, lở, bỏng nước, bỏng lửa. Lá thè (tức lá đừa đại) tính mát, lợi tiểu, lương huyết, tiêu đờm, tiêu độc.

Tóm lại chỉ dùng bột của 4 vị thuốc vò nát đó đủ làm êm dịu chỗ da bị bỏng vì cả bài thuốc có tính chất lương huyết, tiêu viêm, giảm độc, sát trùng (đuy sau khi bôi bột thuốc vào chỗ bỏng có thể bị ngứa một lúc). Nhưng theo ý chúng tôi thì ở một số trường hợp nặng (bỏng sâu hoặc lan rộng nhiều nơi) thì nên chuyển bệnh nhân đến bệnh viện để sẵn sàng có nhiều trang bị hiện đại xử lý cấp cứu được nhanh chóng kịp thời hơn.

CÁC BÀI THUỐC CHỮA PHONG THẤP

1 Bài thuốc của ông Trần Đình Sơn, thị xã Hòa Bình :

Lịch sử bài thuốc: Bài này do cụ Lê Văn Lữ, xã Phú Tài (Đầu Đọ) huyện Bình Lục tỉnh Nam Hà truyền lại.

Công thức :

- Vương tôn : 100 g (tính ấm, bổ khí huyết và mạnh gân, xương).
- Cát bối : 100g (tính ấm, trừ phong tê thấp, làm cho khí huyết lưu thông, gân mềm dần dần duỗi ra được).
- Huyết đằng : 200g (tính ôn, bổ tâm can, bổ máu).
- Búi béo (cam đằng) : 200g (tính ấm, bổ khí huyết, kiện tỳ, tiêu thực, ăn khô).
- Hoài Sơn : 200g (tính ôn, bổ tâm thận).
- Thiên niên kiện : 100g (tính nóng, khu phong, trừ thấp, mạnh gân xương).
- Gừng khô : 50g (tính ấm, khu phong, tán hàn, tiêu uất khí).
- Cốt toái bổ : 100g (tính ấm, làm mạnh các cơ và bắp thịt).
- Câu tích : 100g (tính ấm, làm cho huyết chạy đều).
- Cỏ xước : 200g (tính ấm, làm cho gân cốt hạ bộ mạnh mẽ).
- Đậu đen (sao cháy) 200g (tính ôn, bổ tâm thận, sinh huyết mới).
- Chân hoẵng, nai, lợn lòi (trong 3 thứ lấy 1 thứ) 4 cái chân (tính ôn) bổ khí huyết (hữu tình).

Cách chế : Các thứ thuốc đều lấy bằng cây và rễ, rửa sạch thái nhỏ, phơi khô, sao vàng. Chân nai hay hoẵng thì nấu

nước sôi rồi cho vào ngâm 1/2 giờ đồng hồ, đem rửa sạch, tắm nước phèn chua, đem sấy cho thịt khô, chặt khúc nhỏ. Cho 3 lít nước đun còn lại 1 lít thì thôi, bỏ các vị thuốc trên vào nước đó và cho thêm độ 3 lít nước nữa đem đun kỹ còn lại độ 1,5 lít thì gạn lấy nước cho bệnh nhân uống.

Cách dùng: uống thuốc buổi sớm và buổi trưa, đến 9 giờ tối (trước khi ngủ) uống lần nữa. Tất cả uống thuốc làm 3 lần.

Liều lượng: Mỗi lần uống 1 bát ăn cơm nguyên thuốc, riêng buổi tối thì cho thêm 1 chén "bạch định" rượu trắng vào thuốc hòa tan rồi uống.

Phản ứng: Khi uống thuốc vào thì ăn ngủ được, không có phản ứng.

Kiêng kỵ: Không ăn thịt trâu, cua, ốc, cá chuối, cá chép, và các thức ăn nguội.

Tác dụng: Khu phong trừ thấp, tán hàn, tiêu thực, kiện tỳ và hoạt lạc, thư cân.

Kết quả: Đã chữa được hàng trăm người khỏi (trong đó có ông Trần Văn Tho ở Thị xã Hòa Bình là anh ông Trần Đình Sơn và bà Ninh Chấn là Việt kiều ở Cầu Dền, thị xã Hòa Bình bị bệnh 4 năm chữa 3 tháng thì khỏi).

Nói chung bài thuốc này chữa cấp tính và mãn tính đều có kết quả tốt. Ví dụ cụ thể 1 bệnh nhân được chữa khỏi có những triệu chứng như sau :

Vong: Dạ vàng, người gầy còm, chân tay co quắp, sưng các khớp xương, các cơ chân tay đều teo, không đi lại được.

Vấn: Tiếng nói khẽ và thường khi có rên rĩ.

Vấn: Ăn ngủ kém, đại tiện táo bón, tiểu tiện bình thường; trước khi mắc bệnh người bị sốt (nóng, rét) âm ỉ một thời gian dài, dần dần thành bệnh nặng (đã chữa tây y 18 tháng ở bệnh viện tỉnh không khỏi).

Thiết mạch: Trâm trì, vô lực.

Chẩn đoán: Tây y cho là thấp khớp. Chúng tôi cho là hàn thấp nhập nội tạng (âm can tý phế thận) nên khí huyết hư tổn mới sinh ra bệnh trên.

BÌNH LUẬN

Bài thuốc này từ cụ Lê Văn Lữ ở Nam hà truyền lại cho ông Trần Đình Sơn ở thị xã Hòa Bình đem dùng cho bệnh nhân Trần Văn Thọ là anh ông thấy có kết quả và ông Sơn cũng đã dùng chữa được nhiều người khỏi nên mới đem công bố như trên. Tuy ông nói là bài thuốc này chữa được cấp tính và mãn tính, nhưng qua công thức bài thuốc và y án mà ông nêu lên như trên thì chúng tôi thấy bài thuốc này dùng chủ yếu cho trường hợp "hàn thấp". Bài thuốc này chỉ sử dụng ở vùng rừng núi có nhiều nai, hoẵng, lợn lòi thường săn bắt được, ở vùng xuôi thì việc áp dụng bài thuốc này có phần vất vả do thú rừng kể trên không phải là dễ kiếm. Dẫu sao như người ta thường nói : "có bệnh thì vái tứ phương" nhất là đối với các loại phong thấp có nhiều trường hợp rất khó chữa nên chúng tôi cứ phổ biến để nhiều người biết mà dùng khi có điều kiện.

2 - Bài thuốc của ông Nguyễn Văn Rội tức Bó Núi ở xóm Đầm, xã Dân Chủ huyện Kỳ Sơn tỉnh Hòa Bình.

Công thức :

a) Bài ngâm rượu (trong ống ngoài xoa).

- Hạt hồng bì 300g.
- Vỏ cây rụt 300g. Đem tán nhỏ.
- Thiên niên kiện 250g.
- Quế 150g.

Cách chế, cách dùng :

- Ngâm rượu 3 ngày đêm thì dùng được.
- Sáng uống 10cc. Tối đi ngủ uống 10cc.

Kiêng kỵ: Tránh phòng dục. Kiêng ăn tôm, thịt chó, trâu, bò, cua, ốc, ếch. Riêng nữ phải kiêng thêm thịt gà; không được tắm nước lã. Khi cần tắm, lấy bã thuốc phơi khô đun lên mà tắm.

b) Bài đun uống :

- Giây chia vôi 350g.
- Rễ lá lốt 250g.
- Xương sồng 300g.

Nếu có đau lưng thì gia thêm :

- Lá hồi 400g.

Nếu có sốt có rét thì gia thêm :

- Lá sả 100g.
- Lá tre 200g.

Cách chế, cách dùng: Các thứ thuốc trên thái nhỏ, phơi khô đem sắc uống thường xuyên, uống như chè vôi, cứ 2 ngày uống một thang.

Kiêng kỵ : Như bài trên.

Phản ứng : Ban đầu uống thuốc này có thể đau tăng lên; nhưng sau đó một vài ngày thì đau sẽ dịu dần.

Kết quả : Đã chữa nhiều người khỏi (trong đó có chị Cúc ở trường y tế tỉnh, chị Oa ở Yên Thủy trong tỉnh).

BÌNH LUẬN

Hồng bì (còn gọi là hoàng bì) dùng làm thuốc trong chữa ho. Riêng hạt hồng bì có dùng để chữa rần cắn bằng cách nhai nát hạt hồng bì nuốt lấy nước còn bã đắp lên nơi rần cắn; ở đây hạt hồng bì dùng chữa phong tê thấp nhằm tác dụng tiêu độc làm chủ yếu. Vô cây rụt vị đắng, tính lạnh, thông kinh, tiêu đờm, giải độc. Thiên niên kiện (còn gọi là sơn thực) vị đắng cay, mùi rất thơm, tính ấm, là vị thuốc thường dùng phổ biến trong chữa phong tê thấp, đau tay chân và các khớp xương, nhức mỏi, tê dại. Quế vị cay ngọt, mùi thơm, tính ấm, phát tán phong hàn, giảm tê đau ở các khớp tay chân. ở đây dùng quế cành (tức quế chi).

Bốn vị thuốc ngâm rượu này với cách dùng trong thuốc ngoài xoa có để ý nhiều đến tiêu độc trong chữa phong tê thấp. Nhất là có thể làm dịu bớt được các cơn đau nhức trong thời gian bệnh trở nên cấp tính.

Đây chia vôi còn gọi là "bạch phấn đằng" vị đắng chua, hơi the, tính lạnh, tiêu độc, thông huyết, thư cân, sát trùng, lợi tiểu, thường vẫn thông dụng trong chữa phong thấp sưng tấy. Rễ lá lốt trị phong thấp, đau lưng, mỏi gối (tác dụng thấu đến xương). Xương sông vị the, mùi thơm, tính mát, thanh nhiệt, trừ đờm, thông kinh lạc, nhân dân Việt Nam ta thường dùng trong chữa ho, chữa cảm; mà nhân dân Malaisia thường dùng giã nát, xào nóng chườm vào những nơi đau nhức, thấp khớp. Lá hồi vị cay, mùi thơm, tính ấm, vào 4 kinh can, thận, tỳ, vị, trừ hàn, khu phong, sát trùng, giải độc, trị tay chân nhức mỏi, bụng đầy chướng. Lá sả vị cay, mùi thơm, tính ấm, giúp cho ra mồ hôi, thông tiểu, thường dùng trong chữa cảm sốt, trừ phong, thông kinh lạc. Lá tre vị ngọt

nhật, tính mát, thanh nhiệt, tả can hỏa, trừ phong, thường dùng trong chữa cảm sốt.

Ngoài bài thuốc ngâm rượu dùng thường xuyên liên tục có thêm bài thuốc uống (2 ngày một thang) để tấn công thêm mạnh vào chứng bệnh vì phong tê thấp thường gây đau dai dẳng năm này qua năm khác rất khó chữa có những trường hợp gây thành cố tật, nếu không tích cực chạy chữa. Hơn nữa, bài thuốc này có gia giảm tùy theo bệnh tình từng lúc (như là không sốt không rét thì thôi lá sả, lá tre, không đau lưng thì có thể bớt lá hồi); vì thế dùng cách sắc uống mới thuận tiện.

3 - Bài thuốc của ông Thiết ở phòng nghiên cứu Đông Y thị xã Hòa Bình.

Công thức:

- Cây tâm xuân 2 kg.
- Hạt cốt khí 1 kg.
- Dây tơ hồng 1 kg.
- Chàm gửi cây ruối 1 kg.
- Chàm gửi cây bưởi 1 kg.
- Lá đơn mặt trời 0,2 kg.

Cách chế: Các thứ thuốc trên thái nhỏ, phơi khô, tán bột, hồ làm viên to bằng hạt ngô, phơi khô cho vào lọ kín.

Cách dùng: Mỗi lần uống 15 viên, chiêu với nước chè vối. Ngày uống 3 lần : sáng, trưa và tối.

Kiêng kỵ : Rượu, ớt, các chất tanh, tôm, cua, ốc, ếch v.v...

BÌNH LUẬN

Cây tầm xuân vị đắng, tính lạnh, dùng chữa phong thấp tê mỏi. Hạt cốt khí ông Thiết dùng thuốc cây cốt khí muông với tên khoa học là *Cassia occidentalis* để chữa phong tê thấp; nếu không có hạt của cây cốt khí muông thì dùng rễ của cây cốt khí củ với tên khoa học là *Poligonum cuspidatum*, liều lượng bằng liều lượng hạt cốt khí muông. Lá đơn mặt trời (còn gọi là đơn tía, đơn lá đỏ) dùng chữa thấp khớp có sưng nóng, đỏ, đau. Dây tơ hồng chữa gân xương đau nhức. Châm gửi cây ruối và châm gửi cây bươi có tác dụng hỗ trợ 4 vị thuốc trên thêm phân hiệu lực trong chữa phong tê thấp.

4- Bài thuốc của cụ Hoàng Xuân Tứ, phó chủ tịch tỉnh Hội Đông y tỉnh Hòa Bình.

Khu trú ở 2 chân (2 chân, buồn mỏi hăm hấp, khó chịu, cứ ra mồ hôi dầm dấp, đi giầy thì 2 chân tỏa mùi hôi thối).

Công thức: Độc vị lá lốt. 0.5kg một ngày.

Phương pháp sử dụng: Hàng ngày cứ khoảng 8 giờ tối, lấy 5 lạng lá lốt bỏ vào một cái xoong to, đổ đầy nước, đun sôi một lúc thì lấy ra một bát con để khi còn hơi ấm thì uống. Sau khi lấy ra 1 bát thuốc rồi thì dùng chăn che thật kín hai chân đặt trên nồi nước lá lốt mà xông; một khi thấy còn tỏa rất ít hơi nóng ở nồi lá lốt thì bỏ chăn ra lấy khăn lau hai chân cho thật khô. Tiếp theo là đổ nước lá lốt trong nồi ra một chậu thau và cho thêm vào một nhúm muối; rồi cho hai chân vào ngâm cho đến khi thấy nước nguội hẳn thì đem

nước đó rửa sạch chân để đi ngủ. Cứ làm như vậy thường xuyên hàng ngày cho được một tháng sẽ thấy bệnh lui hẳn.

BÌNH LUẬN

Đây là ông Tứ áp dụng kinh nghiệm lâu đời trong nhân dân về cách dùng lá lốt điều trị tê thấp, đở mồ hôi tay, chân uống thuốc sắc rồi sau đó ngâm chân hoặc tay thường bị đở mồ hôi. Theo hướng dẫn của ông Tứ dùng thuốc liên tục suốt một tháng thì hiệu quả càng tốt vì lá lốt vị cay mùi thơm tính rất ấm, trừ hôi, tanh, trừ "thấp" tác dụng thấu đến xương.

5 - Bài thuốc của lương y Khuất Văn Giảng, phó ban y tế xã Tích Giang, huyện Ba Đình tỉnh Hà Tây.

Công thức: - Sinh hoàng nàn : 2 lạng
- Đại hồi : 5 đồng cân.
- Quế chi : 5 đồng cân.
- Thảo quả : 1 lạng

Cách chế, cách dùng: tán nhỏ, cho vào rượu ngâm dùng xoa bóp ngoài da.

Đặc biệt chú ý: Cấm kỵ không được uống.

BÌNH LUẬN

Sinh hoàng nàn là hoàng nàn sống, còn gọi là vỏ đoãn là một loại dây mọc leo ở huyện Ba Vì trong tỉnh Sơn Tây cũ, người ta khai thác lấy vỏ của toàn cành cây làm thuốc.

Hoàng nàn vị rất đắng, tính ấm, rất độc. trừ phong hàn thông kinh lạc, giảm đau, được sử dụng trong chữa phong tê thấp, đau nhức lưng, mình, chân tay. Hết sức lưu ý hoàng nàn là vị thuốc rất độc, chế biến phải cạo hết vỏ vàng bên ngoài, ngâm rửa kỹ. Khi dùng phải hết sức thận trọng vì rất dễ bị ngộ độc, nguy hiểm. Hoàng nàn sống thuộc loại thuốc độc bảng A cho nên nếu phối hợp với các vị thuốc khác để uống trong thì liều dùng người lớn ngày uống chỉ giới hạn từ 0,02g đến 0,05g mà liều tối đa của hoàng nàn chế là 1 lần 0,10g, 24 giờ là 0,40g. Trẻ em dưới 3 tuổi không nên dùng. Trẻ em từ 3 tuổi trở lên nếu cần thiết phải dùng thì liều lượng cho phép là 0,002g cho mỗi tuổi. Vì sinh hoàng nàn độc như thế (được học hiện đại có phân chất thấy tỉ lệ ancoloit toàn phần của hoàng nàn là 5,25% mà trong đó strychnin chiếm 2,43% và bruxin 2,81%) cho nên với liều lượng 2 lượng sinh hoàng nàn ngâm vào rượu dùng xoa ngoài da, lương y Khuất Văn Giảng mới *cấm kỵ nghiêm ngặt là không được uống*. Đại hồi vị cay ngọt, mùi thơm tính ấm, trừ hàn, khai vị, kiện tỳ, tiêu thực, trừ phong, sát trùng, thường dùng ngâm làm rượu thuốc trị chân tay nhức mỏi. Quả chi vị cay ngọt, mùi thơm, tính ấm, phát tán phong hàn, ẩm kinh lạc, giảm tê, đau, nhức, thường dùng trong chữa ngoại cảm phong hàn, chữa tê đau nhức khớp tay chân thuộc hàn. Thảo quả còn gọi là quả đồ ho, vị cay, mùi thơm, tính ấm, vào 2 kinh tỳ và vị, có tác dụng ráo thấp, khử hàn, trừ đờm, tiêu thực hóa tích, kiện tỳ, giải độc. Phàm âm huyết không đủ mà không mắc thực tà hàn thấp thì không nên dùng thảo quả.

Mắc chứng phong tê thấp là do sức đề kháng bên ngoài của hai khí vinh vệ không kín đáo, bị ba khí : phong, hàn và thấp kết hợp lại theo chỗ sơ hở của "tấu lý" mà xâm nhập cơ thể, rồi lan tràn đến kinh lạc và các khớp làm cho huyết

mạch ngừng trệ, khí huyết không lưu thông mà gây thành bệnh. Chứng phong tê thấp còn gọi là bệnh "tý" tương đương với bệnh thấp khớp bên y học hiện đại. Đó là một loại bệnh rất hay gặp trên lâm sàng, biểu hiện chủ yếu của bệnh này là đau nhức sưng tấy hoặc nóng đỏ ở các khớp xương hay cơ gân nhiều chỗ hay một chỗ, có khi kèm cả tê dại nặng nề; bệnh tình thường liên miên ngoan cố, gặp khi khí hậu thay đổi, thường phát nặng hơn. Vì bệnh tình dai dẳng, ngoan cố như thế nên ngoài dùng thuốc uống trong (thí dụ như bài thuốc uống trong của cụ Lê Văn Lữ ở Nam Hà truyền lại cho lương y Trần Đình Sơn ở thị xã Hòa Bình đã có phổ biến trong tập sách này ở bài thứ 4 nên phối hợp dùng thêm rượu thuốc xoa bóp như bài thuốc xoa bóp của lương y Giảng đây thì chữa phong tê thấp càng thêm tốt hơn.

CÁC BÀI THUỐC CHỮA HEN XUYỄN

1- Bài thuốc của cụ Nguyễn Hữu Triệu, lương y nông trường sông Bôi huyện Lạc Thủy Hòa Bình (chữa hen xuyễn lâu năm).

- Công thức :
- Sâm hổ chính (sao gừng) 28 g
 - Củ rễ quạt (xạ can) nướng trong tro nóng, tẩm dấm phơi khô 18 g.
 - Lá tai voi : sao qua 1 lần, lại tẩm nước tiểu 3 giờ, sao khô; lại tẩm đất lòng bếp (phục long can) sao khô 40 g.
 - Hồ tiêu (sao qua) 3 g.
 - Cóc vàng (đốt thành than đen) 10 g.
 - Thần sa 1 g.

Liều lượng : Các thứ trên cộng thành 100 g là một liều.

Cách chế : Khi chế biến, chia làm 2 phần : 3 vị trên làm thuốc sắc, 3 vị dưới tán dùng, thần sa làm áo (thần sa lẫn với hồ viên đủ để làm áo viên với than cóc và bột hồ tiêu).

Cách sắc : 3 vị đầu : sâm hổ chính, củ rễ quạt, lá tai voi đổ nước ngập thuốc sắc còn 1/2 bát (độ 60 ml) sắc như vậy 2 lần, rồi cô làm thành 1 bát (độ 120 ml) chia làm 2 ngày uống, ngày 1 lần vào lúc đi ngủ và nuốt với thuốc hoàn tán làm như sau.

Cách hoàn thuốc viên : 3 vị sau (bột hồ tiêu, than cóc vàng viên bằng hạt đậu đen với thần sa (đã tán bột) lẫn hồ làm áo. Số thuốc hoàn cùng uống với thuốc sắc trên làm

thang (chia làm 2 ngày uống mỗi ngày 1 lần). Uống mỗi đợt là hai liều. Nếu chưa khỏi thì lại nghỉ hai ngày rồi uống tiếp hai liều nữa (mỗi liều uống hai ngày) là hai đợt. Người nặng phải uống đợt 3, nhưng phải nghỉ 3 ngày sau sẽ uống.

Kiên kỵ : Cá có vảy, còn các thứ cá khác thì ăn được nhưng phải nấu với nghệ hoặc gừng thì tốt hơn, tôm, cua, ốc, ếch, nhộng (chỉ kiên trong thời gian uống thuốc).
Tránh phòng dục trong 1 năm

Phản ứng : Không

Kết quả : Đã chữa nhiều người khỏi.

Chú ý : Cóc phải đốt tồn tính bằng than.

BÌNH LUẬN

Cóc thiêu tồn tính vị đắng, tính mát, tiêu ung nhọt, trừ phong; trong dân gian vẫn có nơi sử dụng toàn bộ con cóc bọc đất thiêu tồn tính để chữa hen suyễn. Chọn được cóc to càng tốt, cóc da vàng hay da đen đều dùng được (theo cụ Triệu là chọn cóc vàng) nhưng tránh dùng loại cóc mắt đỏ. Lá tai voi còn gọi là "thu hải đường" mọc hoang ở rừng núi, dân tộc Thái thường gọi là "cỏ vạc đông" có tác dụng chữa phù và sưng tấy. Về đất lòng bếp (tức phục long can) thì nên tìm những bếp đất thường nấu và nấu đã lâu bằng củi hoặc bằng rơm rác đào chính giữa lòng bếp, lấy một khối đất đóng cứng như đá, mẫu đồ tía, tán bột mà dùng. Củi rẻ quặt vị đắng, tính bình, thanh hòa, giải độc, tán huyết, tiêu đờm, tiêu viêm, thường dùng chữa cổ họng sưng đau, ho tức. Hồ tiêu vị cay, tính rất ấm có tác dụng làm ấm bụng, hạ khí, tiêu đờm, tiêu thực. Thần sa vị ngọt, hơi hàn với cách dùng làm bột bao thuốc viên chống mốc vốn có tác dụng an thần, trấn kinh, giải độc (thần sa tức là chu sa sản phẩm ở Thần Châu (Trung Quốc)

tốt nhất gọi là thần sa). Sâm bổ chính còn gọi là "sâm báo" vị ngọt, tính mát (bổ trung ích khí) có tác dụng sinh tân dịch làm cho khỏi khát, mát phổi, lợi tiểu. Tóm lại bài thuốc mà cụ Triệu dùng chữa hen suyễn lâu năm nhằm chủ yếu vào tác dụng tiêu viêm, tiêu đờm, hạ khí, làm cho mát phổi, nhưng cách bào chế từng vị thuốc phải thật cẩn thận, phải tuân thủ theo đúng lời hướng dẫn của cụ Triệu.

2- Bài thuốc của ông Hoàng Văn Tứ, chi hội trưởng chi hội đông y xã Bình Đàm.

Triệu chứng : Khó thở, sau thở gấp, ít ho, mỗi lần lên cơn suyễn từ 3 đến 5 ngày mới hạ.

Xử lý suyễn ngay : Lấy ổ kiến mối (chỉ lấy tổ không thôi) sau cuộn vào giấy thuốc lá mà hút độ 2 phút thì cất cơn ngay.

Xử phương : Bồi dưỡng cơ thể, chủ yếu chân thủy cho thăng bằng với chân hỏa.

Công thức :

- Sên con	200 g.
- Bồ kết (3 hoặc 4 quả đem nướng cháy vàng)	

Ghi chú : Bồ kết chọn thứ không vẹo quả, bồ kết phải bỏ hết hạt.

- Táo tàu (bỏ hạt)	50 quả
- Cam thảo	20 g

Cách chế và cách dùng : Tất cả 4 thứ trên đều đem tán viên bằng hạt ngô, uống mỗi ngày 50 viên chia làm 2 lần (sáng và chiều)

Kết quả : Đã chữa nhiều người khỏi. Cụ thể cô Quách Thị Chung xóm Chiêng, xã Lạc Dương, huyện Yên Thủy; cô Hoàng Thị Sáu giáo viên nông trường Đồng Giao (Ninh Bình).

Kiên kỵ : Các thứ cay nóng.

BÌNH LUẬN

Bài thuốc chữa hen suyễn của ông Tứ có dùng sên con là một vị thuốc hiện nay chưa được mấy ai dùng (cụ thể là các cuốn dược điển đông y phổ biến trong nước hiện nay không thấy nói đến con sên). Tuy nhiên các đại danh y Việt Nam xưa kia đã dùng sên chữa bệnh rất thành thực. Trong sách "Lĩnh nam bản thảo" (trang 62) có nói đến sên đã dùng để chữa "phong tà méo lệch, kinh co rút" thì không thể không tác dụng ít nhiều đến hen suyễn do khí nghịch gây khó thở. Bồ kết (tạo giác) vị cay, mặn, tính ấm, thông khí, tiêu hàn đờm, trừ phong, trị kinh giãn, đờm suyễn. Ông Tứ có hướng dẫn cách chế và cách dùng, nhưng chưa thật chi tiết cụ thể; theo chúng tôi, muốn tán được 4 vị thuốc trên thì tất nhiên 4 vị thuốc đó đều phải được sấy hoặc nướng cho thật khô giòn.

3- Bài thuốc của cụ Bùi Văn Long, lương y bệnh viện huyện Tân Lạc tỉnh Hòa Bình

Công thức : 1. Hạnh nhân 20 g (bỏ vỏ và đầu nhọn)

2. Bách hợp 40 g. 3. Cam thảo 12 g (thứ cam thảo sống)

Tất cả các vị trên sắc uống, khi uống nằm ngửa uống từ từ.

BÌNH LUẬN

Hạnh nhân vị đắng, tính ấm, trừ đờm, tán phong hàn ở phổi, chữa đau cổ họng, sưng thờ. Bách hợp (còn gọi là tỏi rừng) vị nhạt tính mát, vào 2 kinh tâm và phế, có tác dụng nhuận phế, trừ ho, định tâm, an thần, thanh nhiệt, lợi tiểu. Cam thảo cụ Long dùng ở đây là cam thảo bắc, vị ngọt, tính bình, giải độc tiêu khát, thanh nhiệt. Cam thảo để sống chữa ho, viêm cổ họng, bỏ tỳ vị. Chúng tôi nhận thấy bài thuốc của cụ Bùi Văn Long nhằm chữa ho sưng khó thờ trong phạm vi do viêm phế quản mãn tính thể nhẹ thôi và nhất là do viêm họng mãn tính nên cụ mới hướng dẫn cách dùng là nằm ngửa uống từ từ để cho thuốc sắc được ngấm kha khá vào cổ họng.

4- Bài thuốc do tỉnh Hội Đông y Hòa Bình công hiến.

Công thức :

- Lá cà độc dược : thái như thuốc lào rồi phơi khô.
- Vỏ cây sắn thuyền : Cũng thái nhỏ phơi khô.

Cách dùng : Trộn lẫn 2 vị thuốc trên với nhau, lấy giấy cuộn lại như điều thuốc lá mà hút thì sẽ dịu cơn hen.

BÌNH LUẬN

Cà độc dược vị cay, tính ôn, có độc, vào kinh phế; có tác dụng khử phùng thấp làm dịu cơn hen. Sắn thuyền có tác dụng tiêu viêm, sát trùng. Bệnh viện Việt Tiệp có nghiên cứu

thực nghiệm trên tai thỏ thấy sản thuyên có tác dụng làm dẫn mạch tai của thỏ. Tác dụng làm dịu được cơn hen của 2 vị thuốc nói trên là giảm sự co bóp của phế quản khiến cho bệnh nhân dễ thở hơn trước. Liều lượng 2 vị thuốc đó nên bằng nhau và nên cuộn thành nhiều điều để dùng được nhiều lần khi cần thiết.

CÁC BÀI THUỐC CHỮA ĐAU DẠ DÀY

1- Bài thuốc của mẹ Hà Thị Chấn xã Chiềng Châu, huyện Mai Châu, tỉnh Hòa Bình.

Lịch sử bài thuốc : Do mẹ Chấn tự nghiên cứu và đã chữa được nhiều người khỏi.

Công thức : 1. Lá và dây xi măng (dây giun).

2. Lá và dây dạ cầm.

Cách chế, cách dùng : Mỗi thứ 6 nắm tay mang về rửa sạch, thái nhỏ, phơi nắng, nấu uống thay nước hàng ngày.

Kiêng cử : Không ăn cá chép, măng, trâu trắng, bò đen, thịt chó, mắm tôm, ớt, mè.

Kết quả bài thuốc : Đã chữa khỏi 6 người, trong đó có anh Lò Văn Thắng ở xã Chiềng Châu, huyện Mai Châu. Lúc 25 tuổi đã đau đến 2 năm, đi chữa nhiều nơi cả thuốc tây không khỏi, về uống thuốc của mẹ 3 thang trong 6 ngày là khỏi hẳn, sau đó đi bộ đội.

BÌNH LUẬN

Dạ cầm vị ngọt, hơi đắng, tính bình, thanh nhiệt, giải độc, chỉ thống (làm dịu cơn đau), tiêu viêm. Từ chỗ thấy kinh nghiệm dân tộc ở Việt Bắc dùng dạ cầm chữa viêm loét ở lưỡi rất tốt (cỏ đó dạ cầm còn có tên là cây loét mồm) nên ngành y tế Lạng Sơn có áp dụng dạ cầm vào điều trị viêm loét dạ dày và phổ biến dùng rộng rãi trong nước trong thập kỷ 1960. Cây dạ cầm có nhiều thứ, thường dùng thứ cây lá

nhiều lông. Cây xi măng (còn gọi là cây giun hay sử quân) thường được người ta lấy nhân của quả và rễ cây để chữa trẻ em cam tích, bụng ồng da vàng có giun, đau bụng, kém ăn. Nhân của quả sử quân vị ngọt, béo, tính ấm, có tác dụng bổ tỳ vị, sát trùng. Mé Hà Thị Chấn công hiến bài thuốc này vào giữa năm 1968 cũng là thời gian cây dẻ cầm đang được thịnh hành trong chữa viêm loét dạ dày tá tràng (ty y tế Lạng Sơn chế biến thành cao dẻ cầm từ 1962, khoa dược liệu trường đại học dược khoa Việt Nam chế thành cao mềm dẻ cầm từ năm 1967). Vì vậy mé Chấn dùng lá và cây dẻ cầm cùng với lá và dây xi măng (dây giun) chữa khỏi được 6 người đau dạ dày là có thể tin được. Duy về cây xi măng (tức cây giun) thì mé Chấn chỉ phổ biến dùng lá và dùng dây thôi, có thể để tránh bớt phó tác dụng của việc dùng hạt xi măng (tức sử quân tử) ở liều cao dễ gây ra nấc, hoa mắt, nôn mửa, đau bụng.

2- Bài thuốc của cụ Bùi Văn Long, lương y bệnh viện huyện Tân Lạc tỉnh Hòa Bình công hiến.

Lịch sử bài thuốc : Bài này do cụ Long trích trong cuốn "Hành giản thân nhu" của đại y công Hải thượng Lãn Ông.

Công thức, cách chế :

1. Hương phụ : (củ gấu) phơi khô bỏ vào cối, giã cho hết vỏ đen, rồi lấy toàn củ 3 lượng, tẩm bằng dầu mè một đêm, rang vàng, tán thành bột, rây để riêng.

2. Lương khương : (củ riềng) thái mỏng, phơi khô rồi sáo rượy 7 lần, tán thành bột, rây để riêng (3 lượng).

Cách uống : Mỗi ngày 2 lần : uống vào 8 giờ sáng và 4 giờ chiều uống với nước nóng vừa. Nếu bệnh hàn thì hương phụ 1 phần, lương khương 2 phần; nếu bệnh nhiệt thì hương phụ 2 phần, riêng 1 phần. Hai thứ trộn lẫn mà uống, mỗi lần uống cả hai thứ là năm đồng cân.

Kiêng kỵ : Những đồ cứng rắn. Nên ăn cháo thường xuyên.

Kết quả : Đã chữa khỏi 1 đồng chí bộ đội tên là Nguyễn Văn Vương trước ở hợp tác xã khai hoang ở xã Quy Mỹ, huyện Tân Lạc, tỉnh Hòa Bình.

BÌNH LUẬN

Đây là một cách vận dụng bài thuốc xưa của cụ Bùi Văn Long. Để tiện tham khảo, chúng tôi xin ghi lại toàn bộ lời của Lãn Ông về bài thuốc này ghi trong chương : "Khí thống" thuộc cuốn : "Hành giản trần nhu" của Lãn Ông ở mục : "Tâm tý thống" như sau : "Phàm người nào mà ở chỗ thít mềm trước ngực có một diêm đau, phần nhiều bởi khí và hàn hoặc đau suốt đời hoặc mẹ truyền cho con, tục gọi tâm khí thống là không đúng, đó là cuống dạ dày bị trệ, duy chỉ có bài độc bộ tán này là chữa rất hay. Hương phụ tẩm dấm, sao qua tán thành bột. Củ riêng ầm rửa rượu và sao 7 lần tán thành bột. Đau vì hàn thì lấy riêng ầm 2 đồng cân, hương phụ 1 đồng cân. Đau vì khí thì hương phụ 2 đồng cân, riêng 1 đồng cân. Đau vừa bởi khí và bởi hàn lẫn lộn thì hai vị đều nhau, lấy nước cơm cho vào nước gừng và một tí muối hòa lẫn uống 7, 8 lần khỏi hẳn" (Xem bản dịch "Hành giản trần nhu" của Lãn Ông do Nhà xuất bản y học xuất bản - chương "khí thống" - trang 93). Công thức bài thuốc gồm 2 vị chữa đau dạ dày ở trường hợp cuống dạ dày bị ngưng trệ như Lãn

Ông nói, nhưng liều lượng lại dùng trái ngược nhau giữa thể đau vì hàn và thể đau về khí là vì sao vậy ?

Riềng ẩm (còn gọi là cao lương khương) vị cay, mùi thơm, tính rất ẩm, làm cho ẩm bụng, trị bụng lạnh đau, tiêu thực nên ở trường hợp đau do vì hàn ngưng trệ thì dùng lương khương hai phần mà hương phụ 1 phần. Hương phụ còn gọi là củ gấu vị cay, hơi đắng, mùi thơm, tính bình có tác dụng điều "khí", giải uất, thông kinh nên ở trường hợp đau do vì "khí" ngưng trệ thì cần dùng liều lượng hương phụ gấp đôi liều lượng "riêng ẩm". Cũng vì vậy mà Lãn Ông còn hướng dẫn cho chúng ta là dùng liều lượng của 2 vị thuốc ấy ngang nhau, nếu gặp trường hợp đau vừa bởi khí và bởi hàn lẫn lộn. Về liều lượng 2 vị thuốc dùng mỗi lần thì cụ Bùi Văn Long có cho dùng nhiều hơn Lãn Ông xưa kia, cái đó cũng tùy theo từng trường hợp đau nhiều hoặc đau ít mà sử dụng mỗi lần 3 đồng cân hay 5 đồng cân cả 2 thứ hoặc trên dưới 5 đồng cân cũng được (mỗi đồng cân tương đương với 4 g).

3- Bài thuốc của ông Hà Công Lịch xã Chiềng Lại huyện Mai Châu tỉnh Hòa Bình.

Lịch sử bài thuốc : Đã được mẹ đẻ truyền lại cho ông Lịch khi còn nhỏ và ông Lịch đã nghiên cứu để chữa cho một số bệnh nhân có kết quả tốt, đã được bệnh viện Mai Châu mời ông Lịch đến chữa cho các bệnh nhân ở loại bệnh kinh niên.

Công thức :

1. Cây lá khô nhung 1 nắm.
2. Cây khô sâm 1 nắm.

3. Cây máu chó 1 nắm.
4. Cây hoàng đằng 1 nắm.
5. Cây hoàng bá 1 nắm.
6. Nam mộc hương 1 nắm.

Cách chế, cách dùng : Tất cả 6 thứ kể trên mang băm nhỏ, phơi khô sao vàng, nấu uống thay nước chè, uống thường xuyên.

Kiên kỵ : Kiên thịt chó, bò đen, mắm tôm, mỡ, các chất chua.

Kết quả : Đã chữa được cho 30 người, trong đó có ông Xa Văn Nguyên ủy ban huyện Đà Bắc đã từng chữa nhiều nơi, nhưng không thấy khỏi; đến khi về chữa tại ông Lịch thì khỏi hẳn.

BÌNH LUẬN

Khôi nhung (còn gọi là độc lực) vị đắng nhạt, hơi chua, tính mát, có tác dụng tiêu viêm, giảm đau. Kinh nghiệm dân tộc thiểu số vùng Hòa Bình. Thanh Hóa dùng cây khôi nhung chữa đau bụng nhưng thường kết hợp với một số vị thuốc khác, nhất là thường với khổ sâm. Có nhiều thứ cây khôi khác nhau, kinh nghiệm nhân dân chỉ dùng loại có lá mặt trên xanh như nhung, mặt dưới tím (chính là loại cây khôi nhung dùng trong bài thuốc của ông Lịch được mẹ truyền lại). Khổ sâm vị đắng, mùi hơi hắc, tính mát, có tác dụng tiêu độc, sát trùng, y học cổ truyền thường dùng trong chữa kiết lỵ và chữa đau dạ dày thuộc thể nhiệt. Máu chó thường dùng hạt : vị chát, hơi the, tính ấm, tiêu độc, sát trùng, bôi ngoài da để chữa lở ghẻ. Bài thuốc này dùng cả cây máu chó sắc với các vị thuốc khác để uống chứ không dùng hạt máu chó. Hoàng

đẳng (còn gọi là vàng giang) vị đắng, tính lạnh, thanh nhiệt, giải độc, sát trùng. Hoàng bá hoặc hoàng nghiệt là một cây thuốc Trung Quốc, ta có di thực trồng ở Sa-pa, thường dùng vỏ cây vị đắng, tính mát thanh nhiệt, ráo thấp, giải độc. Trong bài thuốc này không ghi rõ là hoàng bá nam nhưng bài thuốc đã sử dụng từ thời mẹ đẻ ông Lịch nên chúng tôi định ninh cây hoàng bá nói đây là cây hoàng bá nam, tức là cây núc nác vị đắng, tính lạnh, giải nhiệt, tiêu độc, sát trùng, thường nhân dân dùng thay vị hoàng bá Trung Quốc. Nam mộc hương tức là vỏ rứt hay bùi tía vị đắng chát, thông kinh, tiêu thực, tiêu đờm, giải độc, rất thông dụng trong chữa đau bụng đầy bụng, khó tiêu. Tóm lại bài thuốc do mẹ ông Lịch truyền lại cho ông chủ yếu nhằm thanh nhiệt, tiêu viêm, dùng chữa đau dạ dày thể thực nhiệt, người đau dạ dày thể hư hàn, đại tiện lỏng không nên dùng.

4- Bài thuốc của ông Quách Đình Tín xóm Bãi Tre, xã Trung Bỳ, huyện Kim Bôi tỉnh Hòa Bình

Lịch sử bài thuốc : bài thuốc này do bà mẹ đẻ ra ông Tín truyền lại cho ông khi ông mới 16 tuổi.

- Công thức :
1. Lá khôi nhung
 2. Lá khôi bưng
 3. Lá khôi com
 4. Lá khôi sâm
 5. Lá bồ công anh (rau diếp dại)
 6. Cờ kèo (sạ can)
 7. Đậu ván tía

Cách chế, cách dùng :

1. Nếu đau mạnh, bị thổ mửa thì lấy các lá thuốc vò với nước lã uống mỗi ngày 3 lần, mỗi lần một bát.

2. Nếu đau kinh niên, lúc đau lúc không thì đem các vị thuốc nói trên về băm phơi khô sắc uống hàng ngày (cả về ban đêm) thay cho nước chè và thêm vào 2 thứ :

- Chàm gửi cây khong (cây vả)

- Giấy khôi cuộn ở trên núi

Kiêng kỵ : Không được ăn lươn, trạch, cua, ốc, không được ăn mặn.

Kết quả : Từ năm 1967 đến 1968 đã chữa được trên 100 người già, trẻ, nam, nữ mắc bệnh đã đến 2 - 3 năm (trong đó có anh Bùi Văn Khon ở xóm Mối Mỏ, thời gian chữa một năm thì khỏi bệnh).

BÌNH LUẬN

Có thể nói đây là một bài thuốc độc đáo về chữa đau dạ dày, tuy trong bài thuốc có 3 vị được phân hội đông y Thanh Hóa cũng phổ cập cho nhân dân dùng thuốc chữa đau dạ dày như sau :

- Lá khôi 80g

- Lá bồ công anh 40g

- Lá nam khô sâm 12g (ba thứ lá đó phơi khô thái nhỏ, nấu như nấu nước chè uống vào lúc đói). Có nhiều thứ cây khôi khác nhau, có thứ cho lá mặt trên màu xanh mịn như nhung, mặt dưới tím (là thứ lá khôi dùng phổ biến để làm thuốc như phân hội đông y Thanh Hóa đã sử dụng) có thứ 2 mặt lá đều xanh v.v... Chỗ độc đáo của đơn ông Tín là ngoài lá khôi nhưng còn dùng thêm lá khôi com, lá khôi bùng và ở trường hợp đau kinh niên còn hướng dẫn dùng thêm giấy khôi cuộn.

Lá khô nhưng vị đắng lénh mát, tiêu viêm, giảm đau. Lá bồ công anh mà ông Tín có dùng thêm là rau diếp dại tức là lá bồ công anh mũi mác (có nơi còn gọi đơn giản là lá mũi mác) vị đắng, tính mát, thanh nhiệt giải độc, tiêu nhũn độc. Lá khổ sâm vị đắng, tính mát, thanh nhiệt, tiêu độc, sát trùng. Ngoài 3 vị thuốc nói trên được phổ biến dùng ở nhiều tỉnh để chữa đau dạ dày, bài thuốc của ông Tín do mệ đẻ ra ông truyền lại còn gia thêm sạ can tức rễ quạt, đậu ván tía để tăng thêm tác dụng thanh nhiệt, tiêu viêm, giải độc và cũng vì nhằm đẩy mạnh thêm tác dụng như vậy, nên bài thuốc gồm 7 vị nói trên chữa chủ yếu các cơn đau dạ dày cấp tính (tức đau mạnh, bị thổ mửa) với cách dùng là vò các lá tươi với nước lã. Còn về trường hợp mãn tính *lúc đau lúc không) ông Tín cho biết là bài thuốc phải cho thêm chàm gửi cây khong và dây khô cuốn mà tất cả các vị thuốc đó không dùng tươi mà đều dùng khô mới thật thích hợp. Riêng về liều lượng từng vị ông Tín chưa hướng dẫn cụ thể. Theo ý chúng tôi nếu là tươi thì lá khô nhưng 80g, lá bồ công anh 40g, lá khổ sâm, sạ can, đậu ván tía cũng như lá khô bình, lá khô cơm mỗi thứ đều 12g. Về chàm gửi cây khong và giấy khô cuốn thì mỗi thứ 40g. Nếu là thuốc phơi khô thì liều lượng mỗi thứ đều có thể giảm bớt đi 1/4 (thí dụ lá khô nhưng phơi khô 60g, lá bồ công anh khô 30g v.v...)

5 - Bài thuốc áp dụng hàng ngày của ông Nguyễn Văn Thiết tại phòng nghiên cứu đông y ở thị xã Hòa Bình.

Công thức : 1. Củ nghệ vàng chế 2kg

2. Ngải cứu 0,5kg
3. Sa nhân 0,1kg
4. Vỏ quýt (trần bì) 0,2kg
5. Cao lương khương (củ riềng gió) 0,5kg

Cách chế, cách dùng : Các thứ phơi khô, sao vàng, tán bột dùng mật ong và hồ làm viên to bằng hạt ngô, phơi khô cho vào lọ kín. Ngày uống 30 viên chia làm 3 lần : sáng, trưa, tối. Mỗi lần 10 viên chiêu với nước chè vối.

Kiêng kỵ : Thịt vịt, ốc, ếch và các thứ ăn lâu tiêu.

BÌNH LUẬN

Nghệ vàng vị cay, hơi đắng, tính ấm, có tác dụng hành khí phá ú, thông kinh, tiêu thực, chữa đau bụng, ăn chậm tiêu. Ngải cứu vị đắng mùi thơm, tính hơi ấm, bỏ hòa, trợ dương, trục hàn thấp, giảm đau, điều hòa khí huyết, chữa đau bụng, kinh nguyệt không đều, động thai ra máu. Sa nhân vị cay, mùi thơm, tính ấm hành khí, tiêu thực, giảm đau, trị khó tiêu, đầy bụng, đau bụng đi tả, trị động thai đau bụng. Vỏ quýt vị cay, hơi đắng, the, mùi thơm, tính ấm, điều khí, hóa đờm, ráo thấp, trị đầy bụng đau bụng. Cao lương khương vị cay, mùi thơm, tính rất ấm, tán hàn, tiêu thực, trị bụng lạnh đau, cảm lạnh, ỉa chảy.

Ông Thiết tập trung 5 vị thuốc tính ấm, tán hàn, hành khí ráo thấp, tiêu thực, sao vàng tán bột, dùng mật ong bỏ tỷ vị thêm lực hoàn với thuốc làm viên để có thể chữa đau bụng ở một phạm vi rộng, chữa được đau ở ruột cũng như chữa được đau ở dạ dày mà cũng có thể dùng để chữa được cả đau bụng tại bộ phận sinh dục phụ nữ trong khi thấy kinh hoặc đau bụng xảy ra giữa lúc đang mang thai. Dầu phạm vi điều

trị như thế nào, nhưng vẫn đóng khung trong điều trị đau bụng nói chung thuộc thể hư hàn mới có thể có công dụng tốt được.

6- Bài thuốc của lương y Khuất Văn Giảng, phó ban y tế xã Tích Giang huyện Ba Vì tỉnh Hà Tây chữa đau dạ dày (viêm loét) thể nhiệt.

Công thức :	- Độc lực	5 đồng cân.
	- Khô sâm điệp	3 đồng cân.
	- Thổ phục	3 đồng cân.
	- Chỉ thực	3 đồng cân.
	- Ý dĩ	5 đồng cân.
	- Sinh cam thảo	1 đồng cân.
	- Nga truật	2 đồng cân.
	- Uất kim	2 đồng cân.
	- Thổ tam thất	1 đồng cân.

Cách dùng : Thái nhỏ tất cả các vị trên đem phơi khô (không sao) sắc đặc uống; uống mỗi ngày một thang (từ 1 đến 10 ngày). Nếu không khỏi thì tiếp tục uống thêm.

Lời của lương y Khuất Văn Giảng ghi chú : bài thuốc này tôi làm từ năm 1959 ở trong tổ hợp tác đông y Hùng Tiến xã Tích Giang, ban đầu đem theo cả dược liệu góp cổ phần trong tổ chữa chạy cho bệnh nhân đau dạ dày thể nhiệt, sau đó tiếp tục phổ biến sử dụng trong ban y tế xã Tích Giang. Bài thuốc đó có công năng tiêu viêm chỉ thống lại làm mạnh thêm tỳ vị.

BÌNH LUẬN

Độc lực (còn gọi là cây khô) dùng lá phơi khô, vị đắng nhạt kèm hơi chua, tính mát, tiêu viêm, giảm đau vẫn dùng chữa đau loét dạ dày. Khổ sâm điệp là khổ sâm cho lá vị đắng, mùi hơi hắc, tính mát, thanh nhiệt, tiêu độc, sát trùng, ngoài chữa sang lở cũng dùng trong chữa viêm loét dạ dày, hành tá tràng. Thổ phục (còn gọi là củ khúc khắc) vị ngọt nhạt, chất, tính bình, lợi thấp, giải độc chống đau nhức. Chỉ thực còn gọi là quả chấp non, vị the đắng mùi thơm, tiêu thực, hạ khí, trừ đờm, giúp tiêu hóa, đẩy hơi tích trệ. Ý dĩ (còn gọi là bo bo) dùng hạt vị ngọt nhạt, tính mát, lợi tiêu, làm mạnh tỳ vị. Sinh cam thảo là cam thảo sống vị ngọt, tính bình, thanh nhiệt, giải độc, bổ tỳ vị. Nga truật (còn gọi là nghệ đen) vị đắng, cay, tính ấm, hành khí, hóa thực, giúp tiêu hóa, chữa đau bụng. Uất kim là củ dái nghệ, vị cay, đắng, hành khí, giải uất, thông huyết, phá ứ. Thổ tam thất tiêu viêm, giải độc (dùng nhằm thổ tam thất mà tên khoa học là *gynura pinnatifida* với sâm tam thất mà tên khoa học là *panax pseudo ginseng wall*). Phân tích từng vị thuốc trên càng làm cho chúng ta thêm thấy rõ công năng cả bài thuốc trên của lương y Giảng là chủ yếu nhằm vào tiêu viêm chỉ thống (ngăn chặn đau) trong đau dạ dày thuộc thể nhiệt. Tính chất đau dạ dày thể hàn thường là đau lâm thâm, khác với đau dạ dày thể nhiệt thường là đau nhiều, có khi đau dữ do hòa uất hoặc do khí trệ hay huyết ứ. Nói cho thật cụ thể thì ngoài tác dụng tiêu viêm đã đành, bài thuốc trên chống lại tính chất đau dạ dày thể nhiệt qua tác dụng giải uất, phá ứ, hành khí thông huyết, đồng thời cũng có giúp đỡ tiêu hóa, bổ thêm cho tỳ vị qua các vị : ý dĩ, sinh cam thảo, chỉ thực.

CÁC BÀI THUỐC CHỮA KHÍ HƯ

1- Bài thuốc của cụ Bùi Văn Long lương y bệnh viện huyện Tân Lạc - tỉnh Hòa Bình

Công thức : Lấy độ 200 g cây dâm bụt hoa trắng rửa sạch, băm nhỏ sao vàng sắc uống là khỏi. Uống độ 3 ấm là kết quả.

Kiên kỵ : Các chất chua, cay, nóng.

Phản ứng : Không.

Kết quả : Chữa hàng trăm người khỏi.

BÌNH LUẬN

Chúng tôi cho rằng cây dâm bụt hoa trắng mà cụ Bùi Văn Long nêu ra đây là cây hồng cận biếc có hoa màu trắng hồng khác với cây dâm bụt hoa màu đỏ.

Dâm bụt hoa màu đỏ còn gọi là bông bụt (miền Nam thường gọi là búp) tên khoa học là *hibiscus rosa sinensis*, là một cây nhỡ cao từ 1 đến 2 mét, lá đơn, mọc cách có lá kèm, phiến lá khía răng cưa, hoa to mọc đơn độc, màu đỏ. Dâm bụt này vị đắng nhạt, tính mát, có tác dụng thanh nhiệt, nhuận táo, sát trùng, tiêu viêm. Nhân dân thường dùng chữa xích và bạch lỵ, chữa xích bạch đới hạ (lấy rễ dâm bụt phơi khô sao vàng sắc uống, ngày dùng từ 4-12 g).

Tại Trung Quốc và ở nước ta cũng có nơi dùng cây hồng cận biếc hay mộc cận (tên khoa học là *hibiscus syriacus* với cùng một công dụng. Cây này là một cây nhỡ cao 3-5 m, lá

hình trái xoan, 3 thùy, cấu không đều, phía trên có răng cưa, dài 8 cm rộng 6 cm. Hoa đơn độc, màu trắng hồng, tím hoặc tía. Như thế thì không có đâm bụi hoa trắng thì dùng đâm bụi hoa đỏ hoặc ngược lại vì trong nhân dân đã dùng hai thứ đó đều nhận thấy có công dụng ngang nhau.

2- Bài thuốc của cụ Bùi Văn Long, lương y bệnh viện huyện Tân Lạc, chữa khí hư bạch đới.

Lịch sử bài thuốc : Bài thuốc này do cụ Long trích trong cuốn sách : "Hành giản trần nhu" (nghĩa là cuốn "Những đơn thuốc giản dị mà cần thiết") của Đại y tông Hải thượng Lãn Ông.

Công thức :

- Vũ dư lương (củ lâu) nướng khô tán bột.
- Xích thạch chi nướng tán bột.
- Mẫu lệ (vỏ sò) nướng tán bột.
- Ô tặc cốt (mai mực) rang vàng.
- Phục long can (đất giữa lòng bếp).

Cách chế cách dùng : 5 vị nói trên đều mỗi thứ một lượng, đều tán bột dầy thật nhỏ, nuốt với nước đun sôi để còn hơi ấm, khi uống phải pha thêm một chén rượu, mỗi ngày hai lần nuốt : 8 giờ sáng 1 lần, 4 giờ chiều 1 lần.

Kiêng kỵ : Thịt gà, tôm, cua, ếch.

Kết quả : Đã chữa được nhiều người, trong đó có chị Nguyễn Thị Lan ở xã Quy Mỹ huyện Tân Lạc tỉnh Hòa Bình.

BÌNH LUẬN

Bài thuốc trên đúng là bài thuốc cụ Bùi Văn Long thừa kế người xưa ở tập "Hành giản trần nhu" của lãn Ông thuộc

mục : "Bệnh đới hạ" nhưng đại y tông Hải thượng Lãn Ông còn gia thêm vị "quế tâm" vào bài thuốc. Lãn Ông ghi rõ như sau : "chữa đới hạ ra màu xanh, vàng, đỏ, trắng và chứng băng trung, lậu hạ, bị băng huyết rồi sau cứ rỉ giọt khiến cho không có con". "Vũ dư lương nướng chín nghiền ra, xích thạch chi, mẫu lệ đều nướng nghiền ra, ô tặc cốt, phục long can (sao) đều bằng nhau. Gia quế âm tán nhỏ, uống với rượu".

"Xích thạch chi" còn gọi là "Cao lãnh thổ" là loại "Thạch chi" màu đỏ sẫm. Lãn Ông đã từng trải xử dụng vũ dư lương kèm với mẫu lệ trong chữa bệnh "đới hạ". Cũng trong mục "bệnh đới hạ" Lãn Ông còn ghi thêm "một phương kinh nghiệm" nữa về "xích bạch đới" với cách sử dụng hai vị thuốc đó như sau :

Vũ dư lương nướng chín, tãi vào dấm, giã ra. Khô sấm 2 lạng mẫu lệ 5 phân tán nhỏ, lấy 1 cái dạ dày lợn đực nấu cho nhừ hòa với thuốc mà viên uống với rượu. Đến nay cụ Bùi Văn Long đã thừa kế bài thuốc của Lãn Ông chữa khí hư bạch đới được nhiều người. Vì vậy chúng ta cần nên lưu ý áp dụng khi cần thiết. Duy ở bài thuốc của Lãn Ông ghi xưa cũng như bài thuốc của cụ Bùi Văn Long phổ biến chưa thấy nói rõ liều lượng dùng thuốc mỗi lần là bao nhiêu. Theo ý chúng tôi thì tùy theo từng bệnh nhân mà có thể mỗi lần dùng 1-2 thìa đầy (thìa lớn) nếu là thuốc tán hoặc mỗi lần dùng 10-20 viên bằng hạt ngô nếu là thuốc viên. Về liều lượng rượu uống kèm theo thì cũng tùy theo từng người có thể dùng được nhiều rượu hay ít rượu mà dùng mỗi lần từ nửa chén đến một chén rượu (chén con, chén hạt mít) pha vào với thuốc để uống.

3- Bài thuốc của cụ Khuất Văn Học ở Cổ Động - Ba Vị Hà Tây.

Công thức : - Tỳ giải 5 lạng.
 - Khiêm thực 4 lạng.

Cách chế, cách dùng : 2 vị sao ròn, tán thành bột, mỗi lần uống 5 đồng cân; uống 3 lần trong ngày; uống trước khi ăn cơm (hòa thuốc bột vào trong nước cơm, pha thêm đường cho dễ uống).

BÌNH LUẬN

Tỳ giải vị đắng, tính bình, có tác dụng trừ phong thấp, phân thanh khử trọc, bổ can thận, tiêu viêm, có dùng trong chữa khí hư bạch đới. Khiêm thực vị ngọt nhạt, hơi chát, tính bình, bổ tỳ thận, có tác dụng trấn tĩnh, dùng trong các bệnh đau nhức dây thần kinh, cũng thường được dùng trong chữa khí hư bạch đới. Tính vị, quy kinh cùng là công dụng của hai vị thuốc này được dùng liên tục lâu ngày sẽ làm bớt dần khí hư do âm hộ, âm đạo bị viêm bởi nấm hoặc khuẩn trichomonas hay tụ cầu, liên cầu, trực khuẩn coli gây ra.

NHỮNG BÀI THUỐC CHỮA PHỤ NỮ KINH NGUYỆT KHÔNG ĐỀU, KHI HÀNH KINH BỊ ĐAU BỤNG

1- Bài thuốc của ông Khuất Văn Học ở Cổ
Động - Ba Vì, Hà Tây

Công thức :

- | | |
|-----------------|-------------|
| - Mã tiên thảo | 8 đồng cân. |
| - Ích mẫu thảo | 5 đồng cân. |
| - Hương phụ | 5 đồng cân. |
| - Lá bạc thau | 4 đồng cân. |
| - Hy thiêm thảo | 4 đồng cân. |
| - Đào nhân | 10 hạt. |

Cách dùng : Đổ 5 bát nước đun cạn còn 2 bát, bỏ bã. Lấy 2 bát nước thuốc chia làm 2 lần uống : sáng và chiều. Mỗi ngày uống một thang, với liều lượng như trên. Dùng thuốc uống hàng ngày liên tục cho đến khi hành kinh đều thì thôi.

BÌNH LUẬN

Mã tiên thảo (còn gọi là cỏ roi ngựa) vị đắng, tính hơi mát, thông kinh, thanh nhiệt, giải độc, sát trùng, thường dùng trong chữa kinh nguyệt hoặc chữa bệnh ngứa ở hạ bộ. Lá bạc thau (còn gọi là lá bạc sau) vị đắng, tính mát, thanh nhiệt, tiêu độc, sát trùng, tiêu viêm, thường dùng trong chữa bạch đới hoặc đĩnh nhọt sang lở. Ích mẫu thảo vị đắng, tính mát, hoạt

huyết, tiêu máu ứ, giảm đau là một vị thuốc rất thông dụng trong chữa kinh nguyệt không đều. Hương phụ (còn gọi là củ gấu) vị the, hơi đắng, mùi thơm, thông khí, giảm đau, làm mạnh tỳ vị. Hương phụ là một vị thuốc thường dùng đi kèm với ích mẫu thảo trong chữa kinh nguyệt không đều. Hy thiêm thảo vị đắng, tính mát, hoạt huyết, dùng chữa chứng phong thấp, đau lưng mỏi gối, kinh nguyệt không đều. Ngải cứu vị đắng, mùi thơm, tính hơi ấm, điều hoà khí huyết, thông kinh, giảm đau, an thai, thông dụng trong chữa đau bụng, kinh nguyệt không đều, rong huyết, động thai. Đào nhân vị đắng, mùi hăng, tính bình, tán ứ huyết, là một vị thuốc chuyên trị bệnh huyết, dùng để thông kinh nguyệt (phụ nữ có thai không nên dùng).

Phụ nữ kinh nguyệt không đều, khi hành kinh bị đau bụng do nhiều nguyên nhân gây ra : có thể do huyết hàn, cũng có thể do huyết nhiệt, huyết ứ, lại có thể do khí uất mà còn có cả thể do khí hư, huyết hư v.v... Căn cứ vào đa số thuốc ông Học dùng ở đây có vị đắng, tính mát, phần nhiều thông kinh, giảm đau do công dụng thanh nhiệt, thông khí, hoạt huyết, tiêu máu ứ, tiêu viêm, giải độc, sát trùng mà lại dùng liều cao: liều cao hơn cả là vị mã tiên thảo 8g rồi đến ích mẫu thảo, hương phụ, lá bạc thau ... Nên theo ý chúng tôi thì bài thuốc này dùng thích hợp trong chữa kinh nguyệt không đều do huyết ứ (thường kinh tới sau kỳ) do huyết nhiệt (kinh tới trước kỳ) do khí uất (kinh tới trước hoặc sau kỳ không nhất định) mà không thích hợp với các thể do huyết hàn hoặc do huyết hư hay do khí hư. Nếu là thể do huyết ứ thì lượng máu thường ra ít, sắc bầm đen, có hờn cục, bụng dưới đau nắn không chịu được, nước tiểu thường vàng mà ít, lưỡi hồng sẫm, mạch trầm sáp. Nếu là thể do huyết nhiệt

thì lượng máu thường ra nhiều, sắc hồng sẫm hoặc có cục hờn, mùi hôi, có khi miệng khô ráo, lưỡi đỏ rêu vàng, mạch đi hơi nhanh hoặc to mạnh. Nếu là thể do khí uất thì lượng máu thường ra ít mà có khi có hờn cục, tinh thần không thư thái, trước khi kinh tới thường vú căng đau, kinh tới thì bụng dưới đau, rêu lưỡi trắng mỏng, mạch huyền. Nếu gặp những triệu chứng như vừa kể trên thì dùng bài thuốc trên uống hàng ngày liên tục sẽ thấy có tác dụng tốt.

2- Bài thuốc của cụ Nghĩa Sơn ở thị xã Sơn Tây (Hà Tây) chữa phụ nữ kinh nguyệt không đều (bất luận là thuộc thể "hàn" hay thể "nhiệt" đều dùng được cả)

Công thức : Dùng độc vị "ích mẫu" làm thành "ích mẫu cao hoàn".

Cách làm : Lấy ích mẫu tươi, tức lấy nguyên hoa, lá, ngọn non, đem giã nhỏ hòa nước lã vào, múc ra rá, lọc lấy nước đặc, còn bã đem vắt cho thật kỹ để lấy thêm nước. Lại đem giã lần nữa : về lần thứ 2 này, đem nắm lấy nước là được. Dùng cả hai lần nước ích mẫu đặc vào chậu, đem phơi nắng, (hoặc sấy) cho khô, mỗi ngày trộn lên một vài lần. Khi nào thấy nước ích mẫu trở thành dẻo đặc có thể viên bằng hạt ngô là được; tất cả các viên ích mẫu làm ra đó đem phơi khô để dùng.

Cách dùng và liều dùng : bắt đầu dùng thuốc mỗi lần thấy có báo hiệu hành kinh và trong những ngày hành kinh, dùng liên tục hàng ngày cho tới khi thấy sạch hẳn kinh thì

thời. Mỗi ngày uống thuốc 3 lần, mỗi lần uống 15 viên ích mẫu (đã chế biến như trên) chiêu bằng nước sôi hay nước chè cũng được.

BÌNH LUẬN

Đây là một phương thuốc độc vị "ích mẫu" chữa được kinh nguyệt không đều, bất luận là thuộc thể "hàn" hay thể "nhiệt". Đó là do nhìn vào khả năng trực ứ huyết, sinh huyết mới, hoạt huyết điều kinh của "ích mẫu". Phương pháp chữa này quả là giản tiện nên chúng tôi thấy nên phổ biến, trừ trường hợp nào dùng thuốc này lâu ngày mà thấy tác dụng chậm thì nên chuyển sang dùng phương thuốc khác gồm nhiều vị chuyên chữa riêng thể "hàn" hay riêng thể "nhiệt".

CÁC BÀI THUỐC HÀNH KINH BỊ ĐAU BỤNG

1- Bài thuốc của ông Khuất Văn Hoạt ở trạm xá Tích Giang, huyện Ba Vì tỉnh Hà Tây.

Công thức : - Hương phụ 4 lạng.
- Uất kim 2 lạng.
- Khô phèn 1 lạng.

Cách chế, cách dùng : đem tán bột 3 vị thuốc trên, hồ hoàn làm viên to bằng hạt ngô. Mỗi lần dùng 10 viên, uống với nước sôi ngày uống 3 lần.

BÌNH LUẬN

Hương phụ (hay là củ gấu) vị the, hơi đắng, mùi thơm, thông khí, điều kinh, giảm đau, mạnh tử vị, rất hay được dùng trong chữa kinh nguyệt không đều, thấy kinh bị đau bụng, các bệnh phụ nữ trước và sau khi sinh đẻ, do hương phụ có tác dụng chuyên trị như thế nên trong bài thuốc này chữa hành kinh bị đau bụng, ông Hoạt dùng "hương phụ" vì "quân" (liều lượng sử dụng gấp đôi "uất kim" và gấp 4 lần "khô phèn"). Uất kim tức củ dái nghệ vị cay, đắng, mùi hăng, tính mát, giải uất, hành khí, thông huyết, phá ứ, dùng chữa khí huyết uất trệ, đau sườn, đau bụng nguyên nhân do máu ứ. "Uất kim" vẫn được sử dụng phổ biến đi đôi với "hương phụ" để cộng đồng tăng cường tác dụng thông khí, giảm đau của nhau trong chữa hành kinh bị đau bụng. Trong bài thuốc của ông Hoạt có dùng thêm vị "khô phèn" (hay phèn phi) nhằm thêm tác dụng giải độc, sát trùng ở máu ứ, huyết trệ, một trong những nguyên nhân gây ra hành kinh bị đau bụng.

CHỮA ĐAU BUỒNG TRỨNG VÀ ĐẠ CON VÀ TRÉ EM ÍT NGỦ

Bài thuốc của mế Lịch (xã Chiềng Châu huyện
Mai Châu tỉnh Hòa Bình)

Công thức : Cây thảo quyết minh.

Cách chế cách dùng : Thái nhỏ, phơi khô, sắc uống hàng
ngày uống thay nước chè vối.

Kiêng kỵ : Kiêng ăn mỡ, cua, ốc, thịt chó, trâu, bò, vịt.

Kết quả : Đã chữa nhiều người khỏi.

BÌNH LUẬN

"Thảo quyết minh" tức là cây muồng thường hay dùng
trong chữa mất ngủ, làm dịu đau đầu, chữa đau mắt đỏ,
nhuận tràng với lĩnh mát, bình "can" thanh "nhiệt" của nó.
Thuốc dùng rất thích hợp trong điều trị trẻ em ít ngủ. Phải
chăng do có tác dụng về chữa đau bụng "nhiệt" nói chung làm
cho nhuận tràng nên uống "thảo quyết minh" vào khiến cho
buồng trứng và dạ con nằm trong ổ bụng đau theo thể "thực
nhiệt" cũng được dịu bớt đi chăng ? Đây là một kinh nghiệm
đặc biệt của mế Lịch, chúng ta cũng nên chú ý theo dõi thêm
trong áp dụng.

CHỮA BẰNG HUYẾT RONG KINH KÉO DÀI

Bài thuốc của ông Nguyễn Văn Thiết ở phòng nghiên cứu đông y Hòa Bình.

Công thức :

1. Lá và dây thài lài	
tía phơi khô	1.0 kg.
2. Hoa mào gà đỏ	0,5 kg.
3. Rau má	0,5 kg.
4. Cỏ nhọ nổi	0,2 kg.
5. Lá huyết dụ	0,2 kg.
6. Mộc tặc	0,1 kg.

Cách chế, cách dùng : Các thứ phơi khô sao vàng hạ thổ, tán nhỏ, hồ làm viên to bằng đầu ngón tay, mỗi lần uống 3 viên; ngày 3 lần uống vào sáng, trưa, chiều.

Kiêng kỵ : Các thứ cay đắng, nóng, tôm, cua, ốc, ếch.

BÌNH LUẬN

Mộc tặc còn gọi là cây tháp bút, vị ngọt, tính bình, phát tán phong nhiệt, cầm máu, bổ can. Lá huyết dụ vị hơi đắng, tính bình, cầm máu, sát trùng, thanh đởm hỏa (có 2 loại huyết dụ : loại lá đỏ hai mặt và loại lá một mặt đỏ, một mặt xanh, cả 2 loại đều được dùng làm thuốc, nhưng dùng thứ lá 2 mặt đều đỏ thì tốt hơn). Cỏ nhọ nổi (còn gọi là cỏ mực) vị ngọt, hơi chua, hơi mặn, tính mát, bổ thận âm, cầm máu, giải độc. Rau má vị đắng, tính mát, thanh huyết, giải nhiệt, nhuận gan, cầm máu, sát trùng, tiêu độc (nhân dân thường dùng rễ rau má làm

thuốc bổ trẻ em). Hoa mào gà đỏ còn gọi là kê quan hoa, đã được Lãn Ông ghi rõ trong "Lĩnh nam bản thảo" như sau

"Kê quan hoa là hoa mào gà, khí vị ngọt lành, tính êm hòa; chứa chứng tràng phong và trĩ lậu; băng huyết, kiết lỵ phải nên gia". Đó là một vị thuốc thu liễm, cầm máu khá phổ biến, có khi chỉ cần dùng độc vị để chữa rong kinh như dùng hoa mào gà đỏ khô 10 g (nếu tươi dùng 25-30 g) sấy khô, tán nhỏ chia nhiều lần uống trong ngày. Thài lài tía còn gọi là rau trai tía vị ngọt, tính lạnh, thanh nhiệt, mát huyết, tiêu độc, tiêu viêm.

Ông Thiết đã tập trung các vị thuốc cầm máu đồng thời có chú ý cả về mặt sát trùng, tiêu viêm, giải độc với vị thài lài tía vị "quận". Tuy nhiên, bài thuốc này gồm nhiều vị tính mát nên chủ yếu thích hợp với băng dong huyết ở thể "huyết nhiệt" và nếu do tử cung xuất huyết thì chữa về tử cung xuất huyết cơ năng là chính. Trường hợp băng kinh dạng huyết do u xơ tử cung hay do u ác tính gây ra chẳng hạn. Ngay cả đến dong huyết nặng, băng kinh ô ạt thì nên chuyển bệnh nhân đến bệnh viện có đủ trang bị cấp cứu nội khoa và khi cần thiết phải sử dụng đến ngoại khoa phẫu thuật.

CHỮA SUNG VÚ

Bài thuốc của cụ Nguyễn Hữu Triệu lương y nông trường Sông Bôi.

Công thức : Đắp rau ngót với muối (làm tan sung vú).

BÌNH LUẬN

Theo Tạp chí "Y học thực hành" của Bộ Y tế (xuất bản tháng 2-1960 và tháng 10-1961), có người chỉ giã nhỏ lá rau ngót đắp vào gan bàn chân để chữa sốt rau ở người sản phụ. Từ khi đắp lá ngót đến lúc rau ra khoảng trên dưới nửa giờ đồng hồ. Hướng hồ đắp rau ngót lại còn kèm thêm muối là một vị sát trùng mạnh thì ít nhiều cũng có tác dụng đối với sung vú vì lá rau ngót vị ngọt bùi, tính mát tiêu độc, hoạt huyết mát huyết. Duy cụ Triệu chưa hướng dẫn rõ cách chế. Theo chúng tôi thì trước khi đắp rau ngót cần được giã nát với muối (liều lượng tùy theo sung nhiều hay ít) thông thường dùng 50 g lá rau ngót giã với 10 g muối; không đổ thêm nước; cứ thế đắp vào vú sưng rồi lấy gạc băng lại. Ngày hôm sau bỏ lần đắp cũ mà đắp lại lần mới; cách làm như lần thứ nhất cho đến khi hết hẳn sung vú.

CHỮA TẮC SỮA Ở VÚ BẰNG CHÂM CỨU

Kinh nghiệm của cụ Nguyễn Hữu Triệu, lương y nông trường Sông Bôi. Châm bổ các huyết : kiên tỉnh, hợp cốc, chiên trung và cứu nhũ căn.

Kết quả : Đã chữa hàng trăm người khỏi.

BÌNH LUẬN

Huyết "Nhũ căn" ở trên bờ trên xương sườn 6, thẳng đầu núm vú xuống, cách mạch "nhâm" 4 thốn, đẩy vú lên để lấy huyết. Mỗi lần cứu khoảng 10-15 phút. Huyết "chiên trung" còn gọi là huyết "Đào trung" lấy ở điểm gặp nhau của đường dọc giữa xương ức với đường ngang qua bờ trên 2 khớp ức - sườn thứ 5 (tức là huyết nằm chính giữa đường nối 2 núm vú ở đàn ông). Châm "chiên trung" là luồn kim dưới da, mũi kim hướng xuống bụng, châm sâu khoảng 3-5 phân, không nên châm kim thẳng góc với mặt da vì châm vào xương ức sẽ gây cảm giác đau buốt. Huyết "Hợp cốc" lấy ở chỗ lõm giữa xương ngón tay cái và ngón trỏ. Cách châm "Hợp cốc" là châm kim thẳng góc với mặt da, sâu khoảng 3-5 phân. Huyết "Kiên tỉnh" lấy ở điểm gặp nhau của đường thẳng ngang qua núm vú với đường ngang nối huyết "Đại chùy" (ở dưới đốt sống cổ VII) với điểm cao nhất của đầu ngoài xương đòn, ấn vào có cảm giác ê tức. Châm khoảng 4 đến 6 phân; tránh châm sâu vì có thể làm tổn thương phổi. Kinh nghiệm nhiều nơi cho biết : chỉ riêng huyết "Kiên

lĩnh" mà châm đúng kỹ thuật (sau khi châm "đắc khí", từ huyết châm, bệnh nhân có cảm giác lan truyền xuống vú) thì cũng đã có thể làm thông sữa. Ở đây cụ Triệu dùng phương pháp "Bổ": như thế thường thích hợp nhiều với sản phụ sức yếu hoặc dùng châm cứu vào thời tiết giá lạnh.

CHỮA VÚ TẮC SỮA BẰNG THUỐC UỐNG

Bài thuốc của cụ Nguyễn Hữu Triệu, Lương y nông trường Sông Bôi.

Công thức : - Củ riềng ảm già vắt lấy nước nấu với nếp cho ăn.

BÌNH LUẬN

- *Riềng ảm* (còn gọi là "Cao lương khương") vị cay mùi thơm, có tính chất làm cho tiêu tán (tán hàn, tiêu thực) thường dùng để chữa đau bụng nôn mửa. Ở đây cụ Triệu dùng chữa vú tắc sữa do tính chất "Hạ khí" của riềng ảm. Tính chất "Hạ khí" của Cao lương khương được Lãn Ông ghi rõ trong "Lĩnh nam bản thảo" (L.N.B.T - trang 181) "ấy cây riềng ảm gọi Lương Khương, tính nhiệt nhưng mà hạ khí phương". Theo ý chúng tôi, củ riềng ảm càng to càng tốt. Lượng nếp dùng tùy theo sức ăn của từng sản phụ. Phép chữa này của cụ Triệu thích hợp cho các sản phụ hư nhược mà không ưa chữa bằng châm cứu.

CHỮA TỨC VÚ DO CAI SỮA

Phương pháp điều trị của mẹ Bùi Thị Bền tức mẹ Hậu ở xã Tú Sơn, huyện Kim Bôi tỉnh Hòa Bình.

- Chỉ lấy 1 cái quần đùi của người chồng hơi nóng lên và áp vào 2 vú cho kín; đắp 2 - 3 lần là khỏi.

BÌNH LUẬN

Đây là thủ thuật "vu y" phối hợp với chườm nóng. Riêng chườm nóng nhiều lần liên tiếp cũng có thể làm cho đỡ tức đàn vú sữa. Dùng quần đùi của người chồng là thêm tác dụng vào thần kinh tâm thần của người vợ, thúc đẩy hiệu quả của chườm nóng thêm nhanh và thêm tốt hơn.

CHỮA PHỤ NỮ CÓ THAI 2 THÁNG ĐAU BỤNG VẶT, MẮT MỜ

Bài thuốc của ông Núi ở xã Dân Chủ, huyện Kỳ Sơn tỉnh Hòa Bình.

Công thức :

- Lá hồi	200g	- Lá đơn đỏ	100g
- Lá dứa ăn quả	50g	- Lá húng quế	100g
- Vỏ khế	150g	- Vỏ cây nữ trinh	200g
- Kê huyết đằng	100g	- Vỏ cây mít	300g

Cách chế, cách dùng: Các thức băm nhỏ, rửa sạch, phơi khô, trộn đều; mỗi lần dùng 200 g đem sắc uống hàng ngày như chè với (2 ngày uống một thang).

Phản ứng: Không.

Kiêng kỵ: Tránh phòng dục.

Kết quả: Đã chữa cho nhiều người khỏi (trông số đó có bà Tuất, bà Bích ở Mặt trận Tổ quốc tỉnh Hòa Bình).

BÌNH LUẬN

Đơn đỏ (còn gọi là đơn hoa đỏ hay bông trang đỏ) vị nhạt, tính bình, thường dùng chữa chứng thiếu máu sinh nhức mỏi; nhân dân có nơi dùng lá đơn đỏ làm chè uống để tiêu hóa. Lá dứa ăn quả dùng để tiêu độc. Lá húng quế (còn gọi là lá é) hay được dùng để chữa dị ứng, mẩn ngứa (lấy lá giã nhỏ thêm nước lọi uống còn bã lá xoa đều khắp cơ thể nhất là những chỗ bị mẩn đỏ). Vỏ khế vị chua chát, tính bình.

thanh hỏa nhiệt, tiêu đờm trệ, trừ nhiệt tích, sát trùng, giải độc. Vỏ cây nữ trinh (trong tỉnh Hòa Bình, nhiều nơi còn gọi là cây hồ thẹn hay cây rụt) vị đắng, tính lạnh, thanh nhiệt, lương huyết, lợi tiêu. Có tác dụng làm ăn ngon, chóng lại sức. Kê huyết đằng vị ngọt nhạt, chát, tính bình, bổ khí huyết, thông kinh lạc mạnh gân cốt, thường được dùng trong chữa huyết hư; trong nhân dân thường dùng lá mít nấu uống làm thuốc lợi sữa. Lá mít và vỏ cây mít còn được dùng làm thuốc an thần.

Có thai từ 2 tháng trở lên mà hay đau bụng vặt, mất mề thường gặp ở những người gầy còm, xanh xao, mệt mỏi, kém ăn uống, nguyên nhân phổ biến là do thiếu máu, không những không có lợi cho dưỡng phụ mà còn không có lợi cho thai nhi. Bài thuốc này nhằm bổ huyết an thần giải độc, cơ thể đồng thời kích thích tiêu hóa, giúp cho ăn ngủ được hơn trước, từ đó, sức lực ngày càng được nâng lên làm bớt dần mề mất, đau bụng vặt cùng với một số triệu chứng khác do huyết hư thiếu máu gây nên.

CHỮA SỐT RAU THAI SAU KHI ĐẺ

Bài thuốc của mẹ Đinh Thị Dú ở xóm Xim Nội xã Hợp Đồng huyện Kim Bôi tỉnh Hòa Bình.

Công thức :

- Lá thầu dầu tía 3 lá.
- Vỏ nang tre gân rụng còn dính ở trên cây : 2 cái.
- Cỏ xước 1 nắm.
- Lá xang non (lá xang ăn trâu) 1 nắm.

Cách chế, cách dùng : Lá thầu dầu, lá xang non và cỏ xước cho muối vào giã, còn vỏ nang tre thì đem đốt. Xong rồi trộn đều 4 vị thuốc đó, đổ nước vào, lọc nước thuốc cho uống. Trong uống, ngoài lấy lá thầu dầu hơi nóng đắp vào rốn.

Kiểm kỵ: Không.

Phản ứng: Không.

Hiệu quả: Sau khi uống nước thuốc được 1 giờ đồng hồ thì rau thai sẽ ra.

BÌNH LUẬN

Vị thuốc chủ yếu dùng trong bài thuốc này là lá thầu dầu tía, không những dùng uống trong với các vị thuốc khác mà còn dùng đắp bên ngoài vào rốn. Lá thầu dầu tính bình, có độc; đó là một vị thuốc có tính chất kích thích thần kinh tương đối mạnh. Trong nhân dân có dùng lá thầu dầu và hạt thầu dầu tía để chữa bệnh sốt rau thai cũng là chữa dễ khó.

Trong tạp chí : "Y học thực hành" của Bộ y tế xuất bản tháng 10-1961 có phổ biến chữa sót rau thai bằng cách giã nhỏ 15 hạt thầu dầu đắp vào gan bàn chân; sau khi rau thai ra rồi, cần rửa chân tay (để khử chất độc của thầu dầu). Chữa đẻ khó bằng lá và hạt thầu dầu có được ghi cả trong sách thuốc xưa "Bản thảo đại minh", đắp lá thầu dầu có hơi nóng vào da ở ngay rốn là đẩy mạnh thêm tác dụng kích thích bộ phận sinh dục ở vùng hạ tiêu, nhất là sau khi sinh đẻ sản phụ thường bị yếu mệt. Vỏ nang tre cũng như lá tre hoặc đốt tre vị ngọt, tính mát, tả can hỏa, thanh tâm, an thần, trừ phong khỏi co cứng, thường được dùng trong chữa phụ nữ sau khi đẻ bị trúng phong. Trong bài chữa sót rau thai này, mẹ Đinh Thị Dú có phổ biến dùng vỏ nang tre gân rụng, còn dính một chút ở trên cây cho ta thấy đó là tàn dư của thủ thuật vu y mà không những các ông lang bà mẹ miền thượng du được truyền lại mà còn có tác dụng tâm lý trong chữa sót rau cho sản phụ (vỏ nang tre còn dính một chút ở trên cây được bứt đi dễ làm cho sản phụ liên tưởng trực tiếp đến mảnh rau thai còn sót lại trong dạ con và định ninh rằng trong cách uống thuốc - ngoài đắp lá thầu dầu hơi nóng như thế - nhất định sẽ làm tuột được rau thai ra ngoài bộ phận sinh dục). Cỏ xước (còn gọi là ngưu tất) vị chua, hơi đắng, tính bình, không độc, vào hai kinh can và thận; trong bài thuốc này dùng tươi nhằm tác dụng hành ứ. Trong nhân dân, cỏ xước vẫn được dùng sau khi đẻ mà máu hôi không sạch, hay đau bụng, kinh nguyệt khó khăn. Dược học hiện đại ở Trung Quốc cũng như ở Việt Nam ta - qua các công trình nghiên cứu thực nghiệm - đều nhận thấy ở liều cao, cỏ xước có tác dụng kích thích sự vận động của dạ con; đối với tử cung của thỏ có chửa hay không, ngưu tất đều phát sinh tác dụng co bóp. Theo lý giải của y học hiện đại thì vị cỏ xước dùng trong bài

thuốc này nhằm tác dụng kích thích dạ con co bóp thuận tiện cho việc thúc đẩy rau thai ra ngoài. "Xang non" thường dùng làm cọc rào ở miền thượng du, khi thấy phụ nữ đẻ khó nhiều bà mẹ ở rừng núi Hòa Bình thường lấy các nắm lá xang non vò pha với chút nước để sản phụ uống một bát cho dễ đẻ; ở miền thượng du còn dùng lá xang non để làm cho sảy thai khi muốn cho thai ra; tương tự với ý nghĩa như vậy mà lá xang non dùng trong bài thuốc này để chữa sốt rau. Cho thêm muối vào thuốc cho sản phụ uống là để thuốc được dẫn nhiều tới "hạ tiêu", tới tạng thận, tới bộ phận sinh dục (theo y học cổ truyền) mà theo y học hiện đại thì muối lại có được tác dụng sát trùng nhất là rau thai còn sót lại thường dễ gây sốt vì bị nhiễm vi khuẩn nữa.

Tóm lại, bài thuốc này mẹ Đinh Thị Dú đã dùng có hiệu nghiệm, rất nên phổ biến ở những nơi để kiểm được đầy đủ các vị thuốc nói trên.

CHỮA BỆNH ĐẺ RỒI ÍT SỮA

Bài thuốc của ông Phùng Văn Nghiêm ở Trung Hưng huyện Ba Vì tỉnh Hà Tây.

Công thức: Vây tê tê : 9 cái đốt cháy vàng, tán bột.

Cách dùng: Hòa bột vây tê tê với rượu cho sản phụ uống. Ngoài dùng lá mít non hơ chườm.

BÌNH LUẬN

Vây tê tê (còn gọi là xuyên sơn giáp) vị mặn, tính lạnh, khu phong, hoạt huyết, tiêu sưng, sát trùng, lợi sữa, trị phong tê cứng đau nhức, tắc tia sữa. Con tê tê sống ở núi rừng là nơi ông Nghiêm dễ kiếm, nhưng phần nhiều các hiệu thuốc y học dân tộc đều có bán xuyên sơn giáp. Trong nhân dân, lá mít được thông dụng làm thuốc lợi sữa cho người và cho trâu, bò, dê, lợn (phụ nữ đẻ ít sữa dùng lá mít nấu uống làm cho ra sữa hoặc thêm sữa : ngày dùng 30 đến 40 g lá tươi).

Bài thuốc của ông Nghiêm là hoàn toàn áp dụng kinh nghiệm sẵn có trong nhân dân nên chúng tôi thấy rất nên phổ biến. Dùng lá mít non hơ chườm; ngoài tác dụng được vật của lá mít, còn thêm tác dụng vật lý bằng cách chườm nóng để kích thích tuyến sữa tiết thêm sữa cho trẻ bú.

BÀI THUỐC CHỮA SA DẠ CON

1- Bài thuốc của mẹ Đinh Thị Ngâu tức mẹ Liễu ở xã Trung Minh huyện Kỳ Sơn tỉnh Hòa Bình.

Công thức:

- | | |
|----------------------------|-----------------------------|
| - Cây thẮng co. | - Dây cao su (nam đỔ trọng) |
| - Vỏ cây rỰt lá to. | - Cây sẬy. |
| - Lá rỄ quạt (xạ can). | - Thầu dầu tía. |
| - Củ thàng làng (tỏi voi). | - Vỏ cây vŏng. |

- **Cách chế:** Cây ướng, lá đắp; tất cả các thứ bằng nhau, băm nhỏ, phơi khô hoặc để tươi đun ướng.

Liều dùng: Ngày ướng 3 lần; mỗi lần 1 bát, ướng như nước chè.

Kiêng kỵ: Trong khi ướng thuốc, không làm việc nặng.

Kết quả: Mẹ Liễu đã chữa cho 30 người khỏi bệnh.

BÌNH LUẬN

Ở miền thượng du Hòa Bình, dùng cành, lá, rễ, cây thẮng co để chữa trĩ ngoại, để chữa vết đứt ở chân tay cho chóng liền da. Như thế nói lên "thẮng co" có tác dụng co rút trong chữa sa dạ con. Vỏ cây rỰt lá to hơi chát, có tác dụng giải độc, tiêu đỜm, thông kinh, dùng chữa viêm loét. Lá rỄ quạt vị đắng, tính mát, thanh nhiệt, giải độc, tiêu đỜm. Củ thàng làng (tức tỏi voi còn gọi là củ nẮng thường dùng trong chữa bó gãy xương : đó là một vị thuốc có tác dụng ít nhiều trong kích thích làm cho co rút. Dây cao su (còn gọi là đỔ trọng nam) tính

ôn, vào hai kinh can và thận, có tác dụng làm mạnh gân cốt. Y học hiện đại nhận thấy đồ trọng với liều vừa phải có tác dụng kích thích thần kinh. Cây sậy vị ngọt, tính lạnh, thanh nhiệt, giáng hỏa. Vỏ cây vông hơi chát, tính bình, có tác dụng an thần, thông huyết, tiêu độc, sát trùng.

Tóm lại, cả bài thuốc nhằm tác dụng làm mạnh gân cốt, kích thích thần kinh trong việc làm cho co rút, nâng dần da con lên trên; đồng thời có chú ý thêm đến thanh nhiệt, tiêu độc, sát trùng, thông huyết mạch, giúp cho da con sa ra ngoài tránh mắc viêm loét do dễ bị nhiễm khuẩn thứ phát. Trong khi uống thuốc, không làm việc nặng là để tránh sự mệt nhọc phản lại tác dụng của bài thuốc nhằm nâng da con lên.

2. Bài thuốc của ông Nguyễn Tấn Quang ở thị xã Sơn Tây, Hà Tây.

Công thức: - Hạt thầu dầu tía 39 hạt.

Cách dùng: Giã nhỏ 30 hạt thầu dầu đem trộn với dấm đắp lên đỉnh đầu, còn lại 9 hạt thầu dầu thì đem mài với dấm thanh đặc, bôi vào da con. Khi thấy da con tự kéo lên được thì phải rửa sạch chỗ bôi và đắp thầu dầu.

BÌNH LUẬN

Phương pháp chữa sa da con này của ông Nguyễn Tấn Quang phối hợp tác dụng của thuốc với tác dụng của huyết vị thuộc hệ kinh lạc. Hạt thầu dầu vị ngọt, béo, tính bình, có tác dụng co kéo thần kinh. Theo như kinh nghiệm nhân dân thường dùng hạt thầu dầu giã đắp trị méo miệng, lệch mắt

bằng cách đắp bên bị liệt. Y học cổ truyền thường dùng dấm thanh là dung môi để tăng công hiệu của thuốc (dấm còn có tác dụng tiêu sưng tấy, tán ứ huyết). Đắp thuốc lên đỉnh đầu là đắp thuốc vào huyết : "Bách hội" huyết hội của mạch Đốc với các kinh dương ở tay và chân; trong chữa sa dạ con bằng châm cứu, người ta thường có cứu huyết "Bách hội" để làm cho khí đang bị hãm ở phía dưới cơ thể được dẫn lên phía trên cơ thể. Hiệu lực của hạt thầu dầu già đắp vào đỉnh đầu làm cho dạ con được nâng lên, như thế là do qua tác dụng của đường kinh lạc. Còn hạt thầu dầu mài với dấm bôi vào dạ con thúc đẩy thân kinh cơ kéo dạ con lên phía trên. Đó là tác dụng của thuốc ngay tại chỗ, hỗ trợ làm cho mạnh thêm tác dụng nâng khí đi lên. Khi thấy dạ con đã trở vào khung chậu rồi thì phải rửa sạch thuốc thầu dầu vì để lâu nhiều hơn nữa sẽ không hay (bản thân thầu dầu cũng có độc).

CÁC BÀI THUỐC CHỮA TIỀN SẢN VÀ HẬU SẢN

1- Bài thuốc của ông Hoàng Văn Tứ, chi hội trưởng chi hội Đông y, xã Bình Hâm, huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình.

Lịch sử bài thuốc : Do cha mẹ ông Tứ truyền lại cho, nhưng ông Tứ biết phân tích thêm hàn nhiệt để chữa bệnh có kết quả hơn.

Triệu chứng : Đau ngang thắt lưng, gày còm yếu ớt, khát nước nhiều, ăn ngủ được, đại tiện bình thường, đa số tiểu tiện xen nhiều khí vàng, da nhợt nhạt, quầng mắt đen, môi thâm, kinh nguyệt không đều, có khi loạn huyết 7, 8 ngày mới sạch.

Chẩn đoán : Khí huyết hư, cần phân hàn nhiệt cho chính xác :

1. Hàn huyết đặc biệt là máu loãng nhợt.
2. Nhiệt huyết đặc biệt là máu ra hàng cục đen sẫm rất hôi.

Công thức : Bài điều kinh bổ huyết.

- a) **Nhiệt huyết :**
- Ích mẫu 20 g.
 - Nghệ đỏ 20 g.
 - Hy thiêm 16 g.
 - Củ gấu 20 g.

Cách chế : - *Củ gấu* : đốt cháy vỏ ngoài, cạo rửa sạch (không được dùng dao để đào).

- *Củ nghệ* : rửa sạch, đồ chín, thái mỏng, phơi khô.

- *Ích mẫu* : phơi khô.

Cách dùng : các thứ trên cho vào ấm đất, đổ 6 bát nước đun sôi gạn lấy 3 bát uống trong 1 ngày, chia làm 3 lần : sáng, trưa, tối (uống trước khi ăn cơm). Có thể pha đường cho dễ uống vì rất đắng.

b) *Hàn huyết* : cũng dùng công thức trên, nhưng chú ý :

- *Củ gấu* : đốt cháy vỏ ngoài, ngâm nước vớt ra bỏ trấu vào mà giã, rửa sạch, sao thật vàng (không nên sao cháy).

- *Củ nghệ* : thái mỏng, phơi khô, sao vàng.

- *Gừng sống* : 3 nhát thêm.

Cách chế, cách dùng : như trên.

Kiêng kỵ : *Hàn huyết* : kiêng các chất lạnh như ba ba, cá không vảy, lươn, ốc, thịt vịt, mắm tôm.

Nhiệt huyết : Gừng, ớt, rượu, thịt chó, riềng.

Phản ứng : Không.

Kết quả : Đã chữa nhiều người khỏi (trong đó có bà Bùi Thị Kiu ở huyện Kim Bôi, bà Quách Thị Dần ở xã Bình Hóm huyện Lạc Sơn tỉnh Hòa Bình).

BÌNH LUẬN

Ích mẫu vị đắng, mùi thơm, tính mát, hoạt huyết, điều kinh, tiêu máu ứ, sinh máu mới, hành khí, giảm đau, thường dùng trong chữa kinh nguyệt không đều, máu ứ, tích tụ, bệnh thai tiền sản hậu (trong chữa bệnh thai tiền sản hậu, người ta hay dùng chủ yếu và phổ biến cao ích mẫu với củ gấu). Củ gấu tức hương phụ; miền Nam còn gọi là cỏ cú hay cỏ gấm vị cay hơi đắng, mùi thơm, tính bình, có tác dụng điều khí, giải uất thông kinh, chữa các chứng đau bụng và tiêu

hóa, thường dùng làm thuốc điều kinh và trị các bệnh của phụ nữ. Nghệ đỏ dùng trong bài thuốc này là khương hoàng (tức nghệ vàng). Ông Hoàng Văn Tứ dùng danh từ nghệ đỏ để phân biệt với nghệ xanh (hoặc nghệ đen, nghệ tím) tức nga truật. Nghệ vàng vị cay, đắng, tính ấm, hành khí, phá ứ, thông kinh. Hy thêm vị đắng tính mát, bổ huyết, hoạt huyết, trừ thấp, dùng trong chữa phong thấp, đau lưng, mỏi gối, kinh nguyệt không đều.

Tóm lại : bài thuốc gồm 4 vị nói trên (chè mẫu, củ gấu, nghệ đỏ, hy thêm) tuy là bài thuốc gia truyền do cha mẹ ông Tứ truyền lại cho ông, nhưng thuộc thuốc thông dụng trong phụ sản khoa từ xưa đến nay nên dùng tất nhiên là có hiệu quả. Duy cách dùng bài thuốc đó nên phân biệt kẻ hàn, người nhiệt mà chế biến khác nhau như lời hướng dẫn của ông Tứ thì mới thu được hiệu quả tốt.

CHỮA PHỤ NỮ HẬU SẢN (SAU KHI SINH ĐẸ) ĐƯỢC MỘT VÀI THÁNG TỰ NHIÊN TRONG NGƯỜI THẤY NHƯ KIẾN BÒ CẢ NGƯỜI

2- Bài thuốc của ông Trần Đình Sơn ở phố Phương Lâm thị xã Hòa Bình.

Lấy một bát muối cho vào nồi đun sôi cho tan ra rồi tắm là khỏi (lấy khăn tay thấm nước muối lau cả người cũng được).

BÌNH LUẬN

Đây là phương pháp điều trị vật lý bằng cách tắm nước nóng có pha muối. Tắm hay lau mình là có tác dụng xoa trên da để thúc đẩy thêm hưng phấn thần kinh, do đó làm biến đổi hiện tượng kiến bò cả người. Dùng nước tắm đã được đun sôi với muối thì tốt hơn vì muối mặn có thêm công dụng sát khuẩn, tiêu sưng, sát trùng, tả hỏa, thanh tâm, nhuận táo.

3- Bài thuốc của lương y Khuất Văn Giảng, phó ban y tế xã Tích Giang huyện Ba Vì, tỉnh Hà Tây chữa phụ nữ sau khi đẻ rồi cơ thể suy yếu, kém ăn, mệt mỏi.

Công thức : - Hà thủ ô trắng : 1 lạng (ngâm nước vo gạo) thái mỏng sao vàng.

- Hà thủ ô đỏ : 1 lạng (tâm đậu đen cứu chung cứu sỏi) thái mỏng, phơi khô sao vàng.

- Sơn tra : 5 đồng cân (bỏ hạt) sao vàng.

Cách dùng : tất cả 3 vị trên tán thành bột, hoàn hồ viên bằng hạt ngô, mỗi ngày uống 50 viên; chia làm 2 lần uống vào lúc đói

BÌNH LUẬN

Hà thủ ô đỏ (còn gọi là da giao đằng). Vị đắng, chát, bổ can thận, liễm tinh khí, bổ huyết, trừ phong. Hà thủ ô trắng (còn gọi là giấy sữa bò) vị đắng, bổ khí huyết, mạnh gân cốt, thông huyết, tiêu độc. Sơn tra vị chua ngọt, hơi chát, kích thích tiêu hóa. Bài thuốc gồm 3 vị trên thúc đẩy ăn uống ngày một tốt hơn, thần kinh đỡ suy nhược, khí huyết lắng, sức khỏe dần dần hồi phục.

CÁC BÀI THUỐC CHỮA BỆNH CHO TRẺ EM TẠI NƠI RỤNG RÓN VÂN CHẢY NƯỚC VÀNG

Cách chữa của chi hội Đông y thị xã Hòa Bình.

Phương pháp : Dùng khoảng 1 đồng cân (tương đương với 4 g). "Xích thạch chi" tán nhỏ, đem rửa sạch rón đi rồi rắc vào là khỏi.

BÌNH LUẬN

Xích thạch chi là loại khoáng vật màu đỏ, tính rất ấm, thuộc thuốc thu liễm cố sáp, hút chất nước và giải độc cho nên dùng bột xích thạch chi rắc vào nơi rụng rón chảy nước vàng chỉ một vài lần tất nhiên sẽ khô mà không mắc nhiễm tái phát. Rửa rón cần dùng nước sôi pha muối để nguội mà dùng thì mới bảo đảm vô trùng. Lau khô rón bằng gạc vô trùng rồi hãy rắc thuốc.

PHÒNG NHIỄM TRÙNG RỒN

Phương pháp của cụ Nghĩa Sơn ở thị xã Sơn Tây,
Hà Tây

Trẻ sơ sinh lúc vừa rụng rốn, dùng lá ngải cứu khô, bỏ hết gân lá, giã thật nhỏ, lấy nguyên tợ (ngải nhung) băng vào rốn; 3 ngày sau bỏ ra lại thay miếng khác (băng lần thứ hai; nếu là con trai thì để 4 ngày, nếu là con gái thì để 7 ngày).

BÌNH LUẬN

Lá ngải cứu vị đắng, mùi thơm, tính hơi ấm, bổ hỏa trợ dương, trực hàn thấp, thông kinh, điều hoà khí huyết, giảm đau, sát trùng. Ngải nhung được ngành châm cứu chuyên dùng trong phép ôn bổ tại các huyết vị châm cứu. Đây là kinh nghiệm của cụ Nghĩa Sơn dùng một vị thuốc thông thường hoàn toàn không độc một chút nào nên chúng tôi phổ biến thêm để các bạn tiện sử dụng:

PHÒNG BỆNH TỀ PHONG

Bài thuốc của cụ Vọng Hạc ở thị xã Sơn Tây

Trẻ em mới đẻ, lúc rụng rốn, lấy một phần "hùng hoàng" và hai phần "hồng đơn", nghiền thật nhỏ thấm vào một ít bông vô trùng, đem băng vào rốn trẻ sơ sinh 3 ngày sau thì cời ra.

BÌNH LUẬN

Hùng hoàng vị the, tính ấm, sát trùng, chỉ dùng bôi ngoài vì độc (thành phần chủ yếu của hùng hoàng là asen-sulfua - As_2S_3 - trong đó asen chiếm 70%, sulfua 30%). Hồng đơn vị mặn the, tính hơi lạnh, giải độc, trừ đờm, giảm đau, an thần, không nên dùng lâu để tránh nhiễm độc chì (vì thành phần chủ yếu của hồng đơn là oxyt chì mà công thức hóa học là Pb_3O_4). Hai vị thuốc này phối hợp thấm vào rốn trẻ sơ sinh lúc vừa rụng rốn để tránh nhiễm trùng rốn, mà y học cổ truyền gọi là bệnh "tề phong" thì cũng dễ hiểu vì tác dụng chủ yếu của chúng là sát trùng giải độc; nhưng cũng chỉ nên để ở rốn nội trong 3 ngày thôi vì tính chất độc của cả 2 vị thuốc đó.

CHỮA : "KHẨU SANG" Ở TRẺ EM

(Tức là trong miệng có những nốt lở loét gây đau làm cho trẻ em không bú được).

Bài thuốc của cụ Nghĩa Sơn ở số nhà 40 đường Phùng Hưng - thị xã Sơn Tây - tỉnh Hà Tây.

Công thức :

- Nhân trung bạch	1 đồng cân
- Bồ hoàng	1 - nt -
- Hoàng bá	1 - nt -
- Thanh đại	1 - nt -
- Mai phiến	1 phân
- Hàn the	1 đồng cân rưỡi.

Cách chế, cách dùng : Các vị thuốc trên đều tán thành bột trộn lẫn với nhau cho đều, đem bôi vào những chỗ lở loét trong miệng bệnh nhi. Khoảng vài giờ sau khi bôi thuốc, trẻ có thể ngậm vú thấy dịu đau và bú được

BÌNH LUẬN

Nhân trung bạch là cặn nước tiểu của người, vị mặn tính mát, thanh nhiệt, giáng hỏa, tán ú, sát trùng, xưa nay y học cổ truyền vẫn dùng bôi ngoài chữa cam răng, lở mồm. Hàn the vị nhạt, hơi chua chát, tính mát, tiêu độc, sát trùng, hay dùng làm thuốc rà miệng, chữa tưa lưỡi trẻ em. Bồ hoàng (còn gọi là bông nển) vị ngọt, tính bình, sao đen có tác dụng cầm máu, dùng sống có tác dụng tiêu viêm, thông kinh lạc. Thanh đại là

bột màu xanh lam của cây chàm, vị đắng, tính mát, thanh nhiệt, lương huyết, giải độc, thường được dùng ngoài để chữa mồm miệng lở loét. Mai phiến (còn gọi là mai hoa băng phiến hay băng phiến) là chất đặc kết tinh cất từ lá và búp cây đại bi, vị the đắng, mùi thơm nồng, tán phong hàn, tiêu đờm, sát trùng, có tác dụng thông khiếu, chữa ngạt mũi, đau răng, đau bụng, thường được phối hợp với các vị thuốc khác dùng ngoài bôi chữa mụn nhọt lở loét. Hàn the vị the, chua, tính mát, trừ đờm nhiệt, sát trùng, tiêu độc, chống thối. Tuy thuốc có vị đắng, nhưng hầu hết các vị của toàn bài thuốc đều cộng đồng tác dụng thanh nhiệt, tiêu viêm, sát trùng với tính chất mát của chúng nên dùng bôi chữa lở loét trong miệng nói chung vẫn có thể thích nghi được với những trẻ còn đang trong giai đoạn bú mớm (đa số trẻ chịu được).

CHỮA SÀI VÔI TỬA LƯỚI Ở TRẺ EM

Bài thuốc của cụ Nguyễn Đình Kỳ ở số nhà 112, phố Ngô Quyền thị xã Sơn Tây.

Công thức : - Bằng Sa 3 phân
- Hồng đơn 1 phân

Cách dùng : Hòa bột hai vị thuốc trên với nước rau má bôi vào tưa lưỡi, vào những chỗ bị sài vôi.

BÌNH LUẬN

Bằng Sa, hồng đơn với rau má đều là những vị thuốc mát, thanh nhiệt giải độc. Đây là những vị thuốc thường hay được dùng trong chữa ngứa lở mụn nhọt. Dân gian mệnh danh sài vôi ở trẻ em là những điểm trắng dày như vôi ở trong họng, lưỡi, miệng, lợi, môi làm cho trẻ khi cho bú chỉ khóc mà không bú được, có khi bị rớm máu ở đầu lưỡi và môi. Bằng sa (còn gọi là hàn the) với tên khoa học là Natri borat, vị nhạt, hơi chua chát là một vị thuốc sát trùng nhẹ, thường dùng ngoài làm thuốc súc miệng, bôi họng, chữa tưa lưỡi trẻ em. Hồng đơn cũng gọi là duyên đơn với tên khoa học là Miniúm mà thành phần chủ yếu là oxýt chì (công thức Pb_3O_4) vị mặn the, sát trùng, cầm máu, giảm đau, an thần, thường dùng trong chữa chốc lở sưng tấy. Rau má vị đắng, hơi the, làm cho nhuận gan mát huyết. Ba vị thuốc trên hợp lại là nhằm làm róc tưa lưỡi, làm biến sài vôi, chóng lên da non.

CHỮA TRẺ EM KHÓC DẠ ĐỀ

1 - Bài thuốc của cụ Nguyễn Hữu Triệu ở bệnh viện nông trường Sông Bôi, tỉnh Hòa Bình.

Công thức: Hùng hoàng một tý bằng hạt gạo mài với máu mào gà trống.

Kết quả: Nhẹ uống 1 - 2 lần là khỏi, nặng độ 4 lần là khỏi. Đã chữa 4 ca đều hiệu nghiệm cả.

BÌNH LUẬN

Máu mào gà được Lãn Ông ghi rõ trong : "Lĩnh nam bản thảo" về tác dụng giải độc cơ thể và trấn phong như sau : "Kê quan huyết là máu mào gà, không độc, mẫn bình, khí vị hòa, giải độc, chữa mụn, người thất cố; mắt đỏ, méo lệch, trúng phong tà".

Hùng hoàng vị đắng, hơi cay, tính ấm, có tính chất ráo thấp trừ đờm, sát trùng, giải độc; y học cổ truyền hay dùng trong chữa kinh giãn. Thành phần chủ yếu của hùng hoàng là arsen sunfua (As₂S₃) thuộc loại độc hạng B. Vì vậy cụ Triệu hướng dẫn dùng rất ít. Tuyệt đối không nên dùng lâu ngày.

2-Bài thuốc của cụ Bùi Văn Long lương y bệnh viện huyện Tân Lạc tỉnh Hòa Bình.

Phương thuốc: viết 2 chữ Giáp Dần (chữ hán)

Viết bằng chu sa xuống chiều trẻ năm.

BÌNH LUẬN

Đây là một phương pháp chữa bệnh theo lối vu y (nghĩa là dùng phép huyền bí của thời kỳ thần quyền) : 2 chữ giáp dân là tượng trưng cho con cạp hay hổ làm cho giống người sợ, kết hợp với dùng thuốc "chu sa" là một vị thuốc an thần mạnh có thể thấm vào người bệnh nhi qua da, do đó mà trẻ em ngủ được hơn trước.

CHỮA SỞI MÓI MỘC

1 - Bài thuốc của cụ Vọng Hạc ở thị xã Sơn Tây, tỉnh Hà Tây.

- Công thức:**
- a) Thuốc uống
 - Kim ngân hoa.
 - Cát căn.
 - Kinh giới.
 - Vỏ quả vải khô.

Liều lượng các vị bằng nhau, bỏ vào ấm, cho nước vào, sắc uống.

b) Thuốc dùng ngoài : lấy hạt mùi ngâm với rượu rồi đem rượu ngâm hạt mùi đó phun vào cơ thể người bệnh.

BÌNH LUẬN

Kim ngân hoa vị ngọt, tính mát, thanh nhiệt, giải độc, sát trùng, dùng chữa mụn nhọt, mẩn ngứa, ban trái, sỏi đậu. Cát căn (tức sắn dây) vị ngọt, tính mát, giải nhiệt, lương huyết sinh tân dịch, làm dịu khát, dùng chữa ban sởi làm cho dễ mọc. Kinh giới vị cay, mùi thơm, phát tán, phong hàn, thông huyết mạch, thường dùng phối hợp với nhiều vị thuốc khác trong chữa cảm hàn, cúm, phong ngứa, sởi. Vỏ quả vải khô vị chát, điều khí, tiêu viêm, tán nhiệt độc. Hạt mùi vị cay, mùi thơm; trong nhân dân thường phổ biến giã nát ngâm rượu, xoa hoặc phun khắp mình rồi trùm chăn lại giúp cho sởi mau mọc. Xưa kia người ta rất sợ bệnh đậu mà coi

thường bệnh sởi. Do sởi có khi diễn biến ác liệt và có thể sinh nhiều biến chứng nguy hiểm, nhất là đối với trẻ em vốn gây còm sức yếu nên bây giờ cũng đã thấy độc của sởi và đầu đều ác liệt như nhau. Vì vậy nên cần chữa sởi ngay từ đầu như dùng bài thuốc trên nhằm tiêu trừ độc sởi, đề phòng không cho bệnh trở nên nguy kịch.

2 - Bài thuốc của cụ Phùng Văn Nghiên ở Văn Gia, Trung Hưng Hòa Bình

Công thức: Kinh giới, tía tô, sắc uống.

BÌNH LUẬN

Đây là một phương thuốc đơn giản rất dễ kiếm, dễ tìm để chữa sởi mới mọc. Dùng kinh giới để thanh nhiệt, tán ú, phá kết (kinh giới vào 2 kinh phế và can). Tía tô vào 2 kinh phế và tỳ có tác dụng lý khí, giải uất, giải độc. Theo ý chúng tôi, ở trường hợp bệnh nhẹ thì dùng được với liều lượng kinh giới bằng tía tô (mỗi thứ một nắm chặt). Trường hợp bệnh không phải nhẹ thì dùng bài của cụ Vọng Hạc mà chúng tôi đã phổ biến.

CHỮA TRẺ EM THỞ, ỈA CHẢY

Bài thuốc gia truyền của cụ Nguyễn Sơn ở thị xã Sơn Tây, tỉnh Hà Tây.

Công thức: - Hồng đơn : 6 đồng cân.
 - Phèn phi : 6 đồng cân.
 - Đại táo : 1 lượng rượu.
 - Đậu đen xanh lòng : 8 g (bỏ vỏ nấu chín)

Cách chế: Táo bỏ hạt, cạo sạch bỏ vỏ ngoài trộn với đỗ đen đã được nghiền nhỏ. Tán thành bột cả 2 vị hồng đơn và phèn phi rồi đem luyện lẫn với táo và đỗ đen đã chế sẵn như trên, viên to bằng hạt ngô, phơi khô đựng vào lọ kín.

Cách dùng: a) Trẻ em từ 2 tháng đến 1 năm mỗi lần dùng 1 - 2 viên.

b) Trẻ em từ 1 đến 5 tuổi mỗi lần dùng 3 viên. Lấy cái kim cắm vào đầu đũa để xiên viên thuốc mà hơi đốt trên than hồng hay lửa cho thuốc sùi phồng lên rồi mài thuốc vào nước cơm cho trẻ uống, mỗi ngày uống thuốc từ 3 đến 5 lần.

BÌNH LUẬN

Hồng đơn (còn gọi là hoàng đơn, duyên đơn, đơn phấn) vị mặn, the, tính hơi lạnh, uống trong có tác dụng long đờm, trấn tâm an thần, giảm đau, bôi ngoài da điều được đậu và làm cho mau lên da non. Thường dùng chữa nôn ọc, ăn vào nôn ra, trừ nhiệt độc, cầm máu. Tuy nhiên cần dùng cẩn thận: thời

gian dùng ngắn, không nên kéo dài để tránh nhiễm độc do chì vì thành phần chủ yếu của hồng đơn là oxýt chì mà công thức là Pb_3O_4 . Liều dùng hàng ngày nên giới hạn ở 1 - 2g (với tuổi thành niên) dưới dạng thuốc bột hay viên. Phèn phi tức phèn chua (bạch phèn) nung khô hết nước, vị chua, tính lạnh, ráo thấp, giải độc, giảm đau, thu liễm, cầm máu, sát trùng nên thường được dùng ngoài rắc tại chỗ để chữa vết thương, khí hư bạch đới, dùng uống trong để chữa ho, kiết lý, thổ tả. Đại táo (còn gọi là táo tàu hay táo đen) vị ngọt, tính ấm, bổ tỳ vị, an tâm thần, chữa cơ thể suy nhược, ăn ngủ kém, thường dùng thêm vào các bài thuốc cho ngọt, thêm tác dụng bổ. Đậu đen xanh lòng vị ngọt, nhạt, tính mát, bổ can thận, trừ phong nhiệt, được xếp vào loại thuốc bổ dưỡng chữa can thận hư yếu, suy nhược, thiếu máu (do đậu đen xanh lòng gồm đủ các chất dinh dưỡng : lipít, protit, gluxit); ngoài ra đậu đen xanh lòng còn có tác dụng giải độc, thường dùng giải độc "ba đậu", "ban miêu".

Cách sắp xếp bài thuốc chữa trẻ em thổ, ỉa chảy này là trong công bố : dùng hồng đơn, phèn phi chống nôn mửa, ỉa chảy đồng thời dùng đậu đen xanh lòng với đại táo để bồi bổ cơ thể, nhất là liều lượng đại táo gấp 3 lần liều lượng hồng đơn và phèn phi, giúp cho chức năng tiêu hóa và thần kinh của trẻ em được ổn định, hết bị rối loạn, hỗ trợ cho tác dụng ráo thấp, thu liễm, sát trùng, an thần, giảm đau của phèn phi và hồng đơn thêm phần hiệu lực, mà sự có mặt của đậu đen xanh lòng dùng làm thuốc bồi dưỡng lại thêm có công dụng giảm bớt độc tính của "hồng đơn".

CHỮA CẢM SỐT Ở TRẺ EM

Bài của cụ lương y Nghĩa Sơn ở thị xã Sơn Tây.

Công thức:

- Sắn dây	2 lượng.
- Hoạt thạch	1 lượng.
- Cam thảo	3 đồng cân.

Cách chế: Ba vị tán bột luyện thành viên.

Cách dùng: Trẻ em từ 3 đến 11 tháng mỗi lần uống từ 3 phân đến 5 phân, trẻ em từ 1 tuổi đến 5 tuổi uống từ 5 phân đến 1 đồng cân ta. Ngày uống từ 2 đến 5 lần.

Hướng dẫn thêm của cụ Nghĩa Sơn :

A - Phương thuốc này chữa các em mắc bệnh thuộc thực, thuộc nhiệt tùy chứng đôi thang rất tốt (tùy chứng đôi thang sẽ nói rõ dưới đây). Một số biểu hiện của thực nhiệt như ở bệnh nhi vốn khỏe, bệnh mới mắc, hở khẩu chỉ tay màu lía, mạch sắc có sức, râu lưỡi trắng, dày, khô hoặc giữa lưỡi hơi vàng, đầu lưỡi gai đỏ, tiếng khóc vang, sắc mặt đỏ, hơi thở nóng v.v... đều nằm trong loại bệnh cấp tính thể nhiệt nên dùng phương thuốc trên.

B - Cảm sốt nóng có mồ hôi, mắt đỏ khát nước, dùng nước lã đun sôi để còn âm ấm hòa với bột của 3 vị thuốc trên cho trẻ uống.

C - Sốt nóng, ho khan thì dùng rau má tươi đun nước làm thang.

D - Sốt nóng kèm khát, có hôi mồm, trần trọc không ngủ thì lấy lá tre đun nước làm thang.

E - Nếu sốt nóng, ho kèm theo ngạt mũi, sổ mũi, nhức đầu thì dùng bạc hà, kinh giới làm thang.

G - Nếu ăn vào lập tức mưa ra, tiểu tiện ít, vàng đỏ hoặc nếu ỉa ra hoa cà, hoa cải, mùi chua, ỉa ra hơi có gợn phân, bụng hay sôi róc mạnh, tiểu tiện đỏ, ít như thế nghĩa là có kèm theo nhiệt thổ, có kèm theo nhiệt tích thì đều dùng thang gồm : Râu ngô : một đồng cân, bông mã đề : hai bông, búp chè : 20 ngọn đun với nước sôi để nguội, hòa với bột sắn dây, hoạt thạch, cam thảo của bài thuốc trên cho trẻ uống. Cho uống như thế mà mưa hoặc ỉa vẫn chưa cầm được thì thêm cái tổ tò vò nung đỏ để nguội, rồi cùng đun với râu ngô, bông mã đề, búp chè làm thang.

Cấm kỵ: Trong thời gian chữa bệnh, kiêng cho ăn cơm và ăn các loại quả cây, bánh kẹo cùng chất béo nhờn. Nên cho trẻ em bú và ăn cháo.

BÌNH LUẬN

Sắn dây (còn gọi là cát căn) vị ngọt, tính mát, giải nhiệt, mát huyết, sinh tân dịch, khởi khát, vẫn thông dụng trong chữa cảm sốt : Cam thảo và hoạt thạch (với liều lượng hoạt thạch bằng sáu lần liều lượng cam thảo) là hai thành phần của bài thuốc : "Lục nhất tán" nhằm chữa sốt, đi tiểu khó khăn, nước tiểu đỏ (do hoạt thạch vị nhạt, tính lạnh, lợi tiểu, thanh nhiệt, trừ thấp nhiệt mà cam thảo vị ngọt, tính bình, ngoài tác dụng thanh nhiệt giải độc còn thêm tác dụng tiêu khát). Cụ Nghĩa Sơn vận dụng cổ phương : "Lục nhất tán" đem phối hợp thêm với bột sắn dây làm chủ được (do liều lượng sắn dây gấp đôi liều lượng hoạt thạch và gấp ngót bảy lần liều lượng cam thảo). Vì vậy cả bài thuốc gồm ba vị nói trên tất nhiên dùng thích hợp trong chữa cảm mạo cho

trẻ em thuộc thể lực nhiệt với những biểu hiện chứng bệnh như cụ Nghĩa Sơn đã cho biết. Cụ Nghĩa Sơn dùng rau má tươi làm thang để chữa sốt nóng kèm ho khan vì rau má vị hơi đắng, tính mát, tiêu viêm, sát trùng. Cụ dùng lá tre làm thang trong trường hợp sốt nóng kèm khát, hơi mồm, trần trọc không ngủ vì lá tre vị ngọt, tính mát, có tác dụng tả can hỏa, thanh tâm, an thần. Lá tre còn được dùng làm thang cả trong trường hợp trẻ em có đờm nhiệt, kinh giật mê man. Ở trường hợp sốt nóng ho kèm theo ngạt mũi, sổ mũi, nhức đầu, cụ dùng bạc hà kinh giới làm thang vì hai thứ thuốc đó đều có vị cay, mùi thơm (nhất là bạc hà) với tác dụng làm cho phát tán, thông kinh, thông huyết mạch. Búp chè vị ngọt chát, mùi thơm, tính mát, có tác dụng thu liễm, cố sáp, lợi tiểu. Bông mã đề vị ngọt, tính lạnh, thanh nhiệt, lợi thủy, trừ thấp, ngoài tác dụng chữa đái ít, còn dùng chữa cả đi tả trong mùa hạ. Râu ngô vị ngọt, tính mát, thanh nhiệt lợi tiểu. Ba vị, râu ngô, bông mã đề, búp chè hợp lại dùng làm thang tác dụng rất mạnh về lợi tiểu có thêm ngăn chặn bớt mửa và bớt đi tả. Nhưng về ngăn chặn mửa và đi tả thường không được mạnh nên cụ Nghĩa Sơn mới đề xuất dùng thêm tổ tở vò đã được Lãn Ông đúc kết kinh nghiệm như sau : "Thổ phương sào là tổ tở vò; không độc, khí bình mà vị ngọt; để khó, hoặc tả khỏi ngay; chữa phong đầu choáng, tiêu mụn nhọt" (trích : "Lĩnh nam bản thảo" của Lãn Ông).

KINH NGHIỆM CHỮA TRẺ EM MẮC CẢM MẠO PHONG HÀN

Bài thuốc của cụ Nghĩa Sơn ở thị xã Sơn Tây tỉnh Hà Tây.

Triệu chứng (cụ Nghĩa Sơn cho biết) : mới sốt, hơi sợ lạnh, không có mồ hôi, hắt hơi sổ mũi, chảy nước trong, ho, chỉ tay nổi hồng, rêu lưỡi trắng mỏng, tiểu tiện trong.

Công thức :

- Lá tía tô : 1 đồng cân.
- Vỏ rễ dâu : 1 đồng cân.
- Cam thảo đất : 1 đồng cân.
- Gừng sống : 1 lát.
- Kinh giới : 1 đồng cân.
- Vỏ quýt : 5 phân.
- Cây chỉ thiên : 1 đồng cân.
- Hành : 1 củ.

Cách dùng : Cho 1 bát nước đun sôi để nguội vừa, chắt ra cho uống: uống làm 3 lần: ủ ấm bệnh nhi cho ra mồ hôi, sẽ khỏi.

BÌNH LUẬN

Cùng là kinh nghiệm chữa sốt trẻ em nhưng kinh nghiệm của cụ Phan Phú Thai đóng khung trong phạm vi sốt trẻ em ở thể phong nhiệt dùng "Lục nhất tán" với thang là "bạc hà", "kinh giới" thì ở đây cụ Nghĩa Sơn cho biết kinh nghiệm

chữa của cụ trong phạm vi sốt trẻ em ở thể phong hàn (với những triệu chứng như cụ đã phổ biến ở trên). Chủ yếu ở 2 vị "lá tía tô và kinh giới, tức là 2 vị thuốc chuyên trị trong chữa cảm phong hàn vì :

a) *Tía tô* : Vị cay, mùi thơm, tính ấm, phát tán phong hàn, hạ khí, giải uất, hóa đờm, được dùng phổ biến chữa ngoại cảm phong hàn.

b) *Kinh giới* : Vị cay, mùi thơm, tính ấm, cũng dùng thông thường làm một vị thuốc phát tán phong hàn, thông huyết mạch. Còn 6 vị khác thì phối hợp với tía tô, kinh giới để tăng thêm tác dụng tuyên phế, giải biểu.

- Vô rễ cây dâu : (còn gọi là "tang bạch bì") vị ngọt, thanh nhiệt, làm mát phổi, lợi tiểu.

- Cây chỉ thiên : Vị hơi đắng, giải nhiệt, tiêu độc, tiêu đờm, sát trùng, lợi tiểu.

- Vô quýt : vị cay, đắng, the, mùi thơm, tính ấm, điều khí, hóa đờm, ráo thấp.

- Cam thảo đất : (còn gọi là dây cườm cườm, dây chu chỉ) vị ngọt, tính bình, để sống trừ nóng, giải độc, trị ho, giải cảm.

- Hành : Vị nồng, tính bình, giải cảm, hoạt huyết, sát trùng.

- gừng sống : Vị cay, mùi thơm, tính ấm, phát tán phong hàn làm ấm bụng, trừ khử hàn đờm, làm cho khỏi nôn.

KINH NGHIỆM CHỮA SỐT TRẺ EM DÙNG : "LỤC NHẤT TÁN"

Kinh nghiệm điều trị của lương y Phan Phú Thai ở thị xã Sơn Tây. Tỉnh Hà Tây.

Công thức : "Lục nhất tán" :- Bột hoạt thạch : 6 phần.

- Bột cam thảo : 1 phần.

Cách dùng : Trộn đều 2 thứ thuốc trên; mỗi lần cho trẻ uống từ 3 phân đến 1 đồng cân, tùy theo bé hay lớn, ngày uống 3 lần.

a) Nếu sốt nóng do cảm nắng : dùng lá "hương nhu" 3 ngọn đun nước làm thang.

b) Nếu do phong nhiệt gây sốt nóng, có mồ hôi, sợ gió, khát nước, dùng "kính giới" : 1 đồng cân, bạc hà : 3 ngọn. Đun nước làm thang.

c) Nếu do nhiệt thử, nhiệt tả gây khát nước, tiểu tiện không thông, dùng "cát căn" : 1 đồng cân, bông mã đề : 3 bông. Đun lấy nước làm thang cho uống.

BÌNH LUẬN

"Lục nhất tán" là một phương thuốc kinh điển chủ yếu dùng chữa sốt, đi tiểu khó khăn, nước tiểu đỏ, trong đó : "hoạt thạch" vị nhạt, tính mát, lợi tiểu, thanh nhiệt, còn "cam thảo" ở đây là cam thảo bắc, dễ sống (tức "sinh cam thảo") vị ngọt, tính bình, giải độc, tiêu khát, thanh nhiệt. Nhưng kinh nghiệm riêng chữa sốt trẻ em dùng "lục nhất tán" của lương

y Phan Phú Thai chủ yếu ở ba trường hợp như đã nêu ở trên là có dùng thêm một vài vị thuốc nam để kiểm làm thang. Đó là :

a) Dùng lá "huong nhu" ở trường hợp sốt nóng do cảm nắng vì lá hương nhu vị the, mùi thơm, tính ấm, giải cảm, lợi tiểu, chuyên trị trong chữa cảm nắng, gây sốt nhưc đầu, đau bụng đi ngoài.

b) Dùng "kinh giới", "bạc hà" ở trường hợp sốt nóng do phong nhiệt, nhưng theo ý chúng tôi thì nên bồi liều lượng "bạc hà" (thí dụ nâng "bạc hà" lên 6 ngọn, 8 ngọn v.v...) vì "bạc hà" vị cay, mùi thơm đặc biệt, mà tính lại lạnh, chuyên trị phong nhiệt gây sốt nhiều, có mồ hôi, sợ gió, miệng khô, họng ráo, lưỡi vàng, mạch sắc. Còn "kinh giới" dùng phối hợp thêm để ngăn ngừa có thêm đau họng, nhưc đầu, nhất là đề phòng tránh sốt nhiều dễ gây co giật ở trẻ non nớt.

c) Dùng "cát căn", "bông mã đề" ở trường hợp nhiệt thử, nhiệt tả vì nhiệt thử cũng gây nóng sốt, khát nước, tiểu tiện không thông hoặc ít mà đỏ giống như trong nhiệt tả, dùng "cát căn", (ức sắn dây) vị ngọt, tính mát, giải độc, làm mát huyết, sinh tân dịch, khỏi khát. Dùng "bông mã đề" vị ngọt, tính lạnh, có tác dụng thanh nhiệt, lợi thủy, trừ thấp, được dùng phổ biến trong chữa tiểu tiện không thông, mùa hè nóng đi tả.

CHỮA TRẺ EM TRÙNG TÍCH

Bài thuốc kinh nghiệm của cụ Nghĩa Sơn ở thị xã Sơn Tây Tỉnh Hà Tây.

Công thức :

- Bắc bạch chỉ	2 đồng cân.
- Sứ quân tử	2 đồng cân.
- Cam thảo	2 đồng cân.
- Đảng sâm	2 đồng cân.
- Bạch Truật	2 đồng cân.
- Bạch linh	2 đồng cân.

Cách dùng : Đem 6 vị thuốc trên sắc lấy nước cho uống; mỗi ngày uống một thang; cho uống thuốc vào sáng sớm, lúc đói. Uống liên tục 3 thang trong 3 ngày liền. Đối với trẻ em từ 5 tuổi trở lên thì liều lượng của mỗi vị thuốc trên là 3 đồng cân.

BÌNH LUẬN

Cụ Nghĩa Sơn vận dụng cổ phương : "Tứ quân thang" gồm có : sâm, linh, truật, thảo gia thêm bắc bạch chỉ và sứ quân tử để chữa trùng tích, mấu chốt là chữa bệnh giun đũa ở trẻ em. Sứ quân tử vị ngọt, tính ấm, bổ tỳ vị, nhuận tràng, tiêu cam, là một vị thuốc nam đặc hiệu đối với giun đũa. Bắc bạch chỉ vị cay, mùi thơm, tính ấm, vào 3 kinh : phế, vị, đại trường, có tác dụng trừ phong, thấp, giảm đau mà nguyên nhân trong trùng tích là do giun gây ra. Đảng sâm vị ngọt, tính bình, bổ tỳ vị, ích khí, sinh tân dịch, thường hay

dùng trong trường hợp tỳ hư, ăn kém, mỏi mệt. Bạch truật mùi thơm, tính ấm, bổ tỳ vị, trừ thấp, làm bớt đầy bụng, chữa viêm ruột mãn tính. Bạch linh vị ngọt nhạt, tính bình, bổ tỳ, hóa đàm, lợi tiểu tiện. Cam thảo mà cụ Nghĩa Sơn dùng ở đây là cam thảo bắc vị ngọt, tính bình, giải độc, thanh nhiệt, tiêu khát, bổ tỳ vị. Như vậy, cổ phương : "tứ quân thang" được dùng phổ biến trong chữa tỳ vị hư nhược, bổ hư cho những bệnh nhân mà khí lực bị suy yếu. Chữa trẻ em trùng tích theo bài thuốc cụ Nghĩa Sơn đề ra như trên là đồng thời với trừ giun đũa có nhằm đẩy mạnh thêm chức năng tiêu hóa, đẩy mạnh thêm sức lực cơ thể làm cho trẻ em không những đi đồng tẩy giun ra ngoài được mà còn ăn ngon, ngủ yên, cơ thể tốt hơn trước.

CHỮA TRẺ EM TỰ NHIÊN BỊ NÓNG SUNG DÁI

Bài thuốc của mẹ Nguyễn Thị Chìu 83 tuổi ở xóm Gai, xã Hòa Bình huyện Kỳ Sơn tỉnh Hòa Bình.

Lịch sử bài thuốc : Do bà mẹ để truyền lại

Công thức : Cua chết : 3 con (do cày ăn).

Nếu không có cua thì lấy cút con dái cá ở trốc hòn đá (ở suối hay bờ ruộng).

- Tỏ con lằm (đã được bươm cắn chui ra rồi).

Cách chế : Cả 2 thứ đốt thành than tán mịn (nghĩa là tán thành bột mịn).

Cách dùng : Lấy tay chà ngọc hành của trẻ em mắc bệnh. Xong rồi lấy nước bôi xuôi theo biau dái bị sung, kế tiếp là bôi thuốc bột vào luôn chỗ đó. Khi bôi xong thì nói : "thùng thảng chia lại đều nhau cho nó cân đều nhau", lần nào bôi cũng nói như vậy.

Kiên kỵ : Không.

Phản ứng : Không.

Gia giảm : Không

Kết quả : Đã chữa được 10 em (trong đó có cháu Lục con anh Cuối ở trong xã Hòa Bình, huyện Kỳ Sơn).

BÌNH LUẬN

Con cua (còn gọi là : "Điền giải") mùi tanh, tính lạnh, tán huyết, bỏ gân cốt. Lãn Ông đã ghi rõ tính vị và công dụng như thế trong : "Lĩnh Nam bản thảo" :

Điền giải là tên gọi cua đồng.

Ngọt lạnh, ít độc hay sinh phong.

Nổi gân, tiếp xương chữa phong nhiệt.

Trừ mụn độc lở, huyết kết thông.

Trong chữa bỏ ngã có ứ huyết, người ta thường dùng cua giã nát cho rượu vào, vắt lấy nước nấu sôi cho uống vài bát liền để chống ứ huyết. Như vậy thì tác dụng của các con cua dùng trong bài thuốc này nhằm giảm nhiệt, giải độc, tán huyết tiêu sưng qua thuốc bôi vào chỗ hòn đá bị sưng. Tác dụng giải độc tán huyết, tiêu sưng còn được thấy ở tổ con lằm (hay là "Tằm kiến") như Lãn Ông cũng đã cho biết :

Tằm kiến tục gọi là kén xác.

Ngọt, ấm, lành, thúc độc có công.

Băng, lậu, huyết lâm, cam, mụn lở.

Nhọt sưng không đầu hay phá thông.

Chính là tổ kén sau khi con ngài đã cắn chui ra (xem bản dịch : "Lĩnh Nam bản thảo" trang 57). Về con đá cá dùng làm thuốc (còn gọi là : "Thủy thất") cũng được biết từ lâu. Theo Lãn Ông thì : "Thủy thất gọi là con đá cá, ngọt, hơi lạnh dùng thấy hay lạ, thông huyết hải, tiêu sưng, nhuận tràng, phong, ôn nhiệt, nóng xương chữa cả" (trích : "Lĩnh Nam bản thảo"). Nhưng về phần dùng làm thuốc, chưa thấy nói đến nhiều như phân người, phân trẻ con, phân lợn, phân dê, phân chó, phân mèo, phân chuột. Có thể tác dụng của phân rái cá cũng tương tự như xác con cua nênμέ Chiu mới phổ biến là : "Nếu không có con cua thì lấy cứt con đá cá ở trong đầu hòn đá".

CHỮA ĐẬU LÀO

Bài thuốc của ông Định Thịnh Bản (tức bố Định ở xóm Trại xã Thái Bình huyện Kỳ Sơn tỉnh Hòa Bình. Bố Định có ghi chú chứng đậu lào giống như cảm cúm, đau xương, đau mình kèm theo sốt nóng.

Công thức :

- | | | | |
|--------------|------|-----------------------------|------|
| - Cây xả | 50g. | - Kim ngân (cả cây kèm hoa) | 50g. |
| - Cây chót | 50g. | - Niễng đực | 50g. |
| - Màng tang | 50g. | - Xông đất | 50g. |
| - Xạ vàng | 50g. | - Cỏ xước | 50g. |
| - Dây đỗ ván | 50g. | | |

Cách chế, cách dùng : Các thứ trên chặt băm nhỏ, rửa sạch, phơi khô, sắc uống ngày 1 thang (liều lượng như trên). Bệnh không nặng, uống khoảng 3 thang là có thể khỏi. Nếu như có nhức đầu nhiều thì gia thêm :

- Cối xay 50g.
- Cây đơn đỏ 15g.
- Kim giao 50g.

Hợp cùng các vị trên sắc uống.

BÌNH LUẬN

Cây xả vị cay, mùi thơm, tính ấm, có tác dụng giảm đau, trừ phong, thông kinh lạc, giúp tiêu hóa, tiêu đờm, thông khí,

sát trùng, khử uế. Kim ngân (cả cây kèm hoa) vị ngọt tính mát, thanh nhiệt, giải độc, sát trùng; Cây chót (còn gọi là mủ dỏ) vị nhạt, hơi chua kèm hơi đắng đắng, tính mát, thanh can giải nhiệt, tiêu khát, đồng thời là một vị thuốc lợi tiểu mạnh, thường được dùng trong chữa cảm sốt, môi rộp, khát nước nhiều. Trong chữa phù thũng, mủ dỏ làm cho đái nhiều, xop bớt phù nề. Niễng đực (còn gọi là ba chẽ) được nhân dân dùng để chữa lỵ (lá sao vàng sắc uống) và chữa rắn cắn (lá già, nuốt nước, bã đắp) : như thế nói lên niễng đực dùng trong bài thuốc này nhằm thêm tác dụng sát trùng, giải độc. Xông đất (còn gọi là xương xông) vị the, mùi thơm, tính mát, thanh nhiệt, làm giảm ho, tiêu thực, thông kinh lạc, thường dùng trong chữa cảm sốt, ho đờm, nôn mửa, bụng đầy, chân tay nhức mỏi. Xạ vàng có tác dụng thanh can, làm cho mát gan. Cỏ xước vị đắng, tính lạnh, thư cân, hoạt huyết, lợi tiểu, tiêu đờm, hay được dùng trong chữa phong tê thấp, tê bại; ngoài ra, kinh nghiệm nhiều nơi vẫn dùng chữa đau lòa (cả ở miền xuôi cũng như ở miền ngược). Dây đậu ván vị ngọt, tính hơi ấm có tác dụng giải cảm, trừ thấp, giải độc kiêm hồ tỳ. Cối xay vị đắng, tính bình, thanh nhiệt, mát huyết, lợi tiểu, giảm đau, tiêu độc, dùng phổ biến trong chữa cảm sốt, nhức đầu. Nhân dân hay sử dụng đơn đồ trị cảm sốt, đau nhức.

Tóm lại, bài thuốc bố Định phổ biến rất thích hợp trong chữa đau lòa thường gây đau xương, đau mình kèm theo sốt nóng.

CHỮA VÀNG DA (HOÀNG ĐẢN)

Bài thuốc của lương y Khuất Văn Giảng, phó ban y tế xã Tích Giang huyện Ba Vì tỉnh Hà Tây.

Công thức :	- Nhân trần	3 đồng cân
	- Chi tử	4 đồng cân
	- Mộc thông	4 - nt -
	- Thanh bì	2 - nt -
	- Chi thực	2 - nt -
	- Thạch cao	5 - nt -
	- Ý dĩ nhân (sao)	5 - nt -
	- Hoàng bá	2 - nt -

Cách chế, cách dùng : Tất cả tám vị thuốc trên đem tán thành bột, mỗi ngày uống hai lần, mỗi lần 4g thuốc bột, uống với nước sôi.

Lời ghi chú của lương y Giảng : Bài thuốc trên chủ trị vàng da, vàng mắt, can nhiệt, thấp nhiệt.

BÌNH LUẬN

Nhân trần vị đắng, hơi cay, mùi thơm, tính mát, thanh thấp nhiệt, thông tiểu tiện, rất thông dụng từ xưa đến nay trong việc chữa vàng da, đau nhức, chóng mặt, nhức mắt do can hỏa, được Lãn Ông ghi trong : "Lĩnh Nam bản thảo" là : "Nhân trần khu phong trừ thấp, thanh nhiệt khí; đầu đau, hoàng đản, bệnh rất cần". Chi tử (tức hạt dành dành) vị đắng, tính lạnh, thanh nhiệt, tả hỏa, thường dùng đi kèm với

nhân trần để tăng cường hiệu lực của nhân trần trong chữa hoàng đản, bệnh gan mật; cách phối hợp nhân trần với chi tử đã được Tuệ Tĩnh - thánh thuốc nam - thực hiện từ thế kỷ mười bốn, dưới thời nhà Trần có ghi rõ ràng trong : "Nam dược thần hiệu" để chữa chứng hoàng đản. Một thông vị nhạt, hơi đắng, tính mát, lợi tiêu, được sử dụng trong chữa tiêu tiện đi khó khăn do rối loạn chức năng. Thanh bì vị đắng, cay, mùi thơm, phá khí, tán uất kết, sơ can, tiêu thực, hóa tích trệ, được dùng để chữa hồng sừm đau nhức, trị khí nghịch đầy tức trong ngực. Chỉ thực vị đắng, mùi thơm, tính lạnh phá kết, tiêu tích, hạ khí, trừ đờm, thường dùng trong chữa đầy bụng, ăn uống không tiêu, thanh cao vị ngọt, cay, tính lạnh, thanh nhiệt, giáng hỏa, trừ phiền tiêu khát, rất hay dùng trong chữa bệnh thực nhiệt, nóng nhiều, miệng khô, lưỡi rào, khát nước, cuồng hoảng. Ý dĩ nhân (còn gọi là hạt bo bo) vị ngọt tính hơi mát, lợi thủy, thâm thấp, kiện tỳ. Hoàng bá vị đắng, tính mát, thanh nhiệt, ráo thấp, giải độc, nên từ xưa cũng đã hay dùng trong chữa hoàng đản cũng là chữa ung nhọt, sưng tấy.

Tám vị thuốc dùng trong bài thuốc này phần nhiều là tính mát, thanh nhiệt, trừ thấp, hành khí, nên dùng thích hợp trong chữa vàng da, vàng mắt do nguyên nhân thấp nhiệt, can nhiệt, nhất là ở chứng viêm gan truyền nhiễm do vi rút gây ra. Hiện nay y học hiện đại chưa tìm được thuốc đặc trị thì nên dùng thêm thuốc nam phối hợp với thuốc tây hay là sử dụng hoàn toàn thuốc nam như bài này ngay từ ngày đầu mắc bệnh thì có lợi hơn là chỉ dùng thuần túy y dược học hiện đại để chữa. (Đặc biệt khu lâm bệnh viện B ở Hà Nội đã có thông báo trong : "Y học thực hành" của Bộ Y tế về kinh nghiệm mấy năm điều trị bệnh viêm gan truyền nhiễm ở ngoại trú về các thể bệnh nhẹ và một số thể trung bình được chữa

khởi bằng si rô : "Nhân trần" cộng với sinh tố B, C, cao gan, men tiêu hóa, hiệu lực gấp 3 lần hiệu lực chữa khởi đơn thuần bằng y học hiện đại dùng Coctancyl thuốc gan với kháng sinh tây y - xem : "Y học thực hành" số 5/1963 và số 6/1964)

CHỮA RẮN CẮN VÀ CHÓ CẮN

Bài thuốc của cụ Hà Văn Tường ở bệnh viện huyện Mai Châu thuộc tỉnh Hòa Bình.

Công thức : - Hạt hồng bì 4 gam.
- Lá bông báo 4 gam.
- Lá bông vang 4 gam.

Rắn cắn và chó cắn dù dại hay không đều theo bài thuốc trên để chữa.

Cách chế, cách dùng : Các thứ rửa sạch, tán nhỏ thành bột cho vào lọ hoặc chai, khi có bệnh nhân đến thì đem hòa vào nước sôi hay có cồn rượu càng tốt để sệt sệt hoặc loãng. Lấy bông chấm thuốc đó bôi xung quanh theo kiểu chôn ốc vào vết thương (từ ngoài vào trong) là khỏi.

Lời dặn cần thiết : Tuyệt đối không được uống thuốc.

Ghi chú : Nếu bị ong đốt, rết đốt, cá ngạnh, cá trê, tay bị nó xiên vào thì lấy ngay thuốc đó bôi vào thẳng vết thương là khỏi.

Kiểm kỵ : Không.

Kết quả : Đã chữa trên 2000 người khỏi (trong số đó anh Kiu bộ đội đơn vị 3300 ở Thanh Hóa bị rắn cắn ở ngón tay giữa đã chữa ở quân y rồi mà không khỏi, khi tới cụ Tường chữa mới khỏi. Đồng chí Phạm Đức Trung phó chủ tịch huyện Mai Châu bị rắn cắn, chị Vi Thị Lục ở Mai Châu bị chó cắn vào đùi, chị Hà Thị Ún ở huyện Mai Châu bị chó cắn, cả ba người kể trên đều chữa khỏi cả).

BÌNH LUẬN

Kinh nghiệm nhân dân thường chỉ dùng một trong ba vị thuốc nói trên là đủ chữa rắn cắn. Về bông vang dùng độc vị thì người ta dùng hạt giống như hồng bì và khi dùng độc vị như thế thì người ta nhai hạt nuốt lấy nước. Tạp chí "Y học thực hành" Bộ Y tế xuất bản tháng 9-1961 có chỉ dẫn như sau về hạt bông vang (còn gọi là hạt vông vang) : lấy 50 hạt hoặc nhiều ít tùy theo nặng nhẹ. Khi bị rắn cắn nhai nhỏ nuốt nước, bã đắp lên vết rắn cắn. Cách dùng độc vị hồng bì cũng giống như cách dùng độc vị bông vang, nghĩa là cũng nhai nát hạt hồng bì nuốt nước, bã đắp lên nơi rắn cắn. Riêng về bông báo dùng độc vị chữa rắn cắn thì phổ biến là dùng lá tươi giống như cụ Trường dùng trong bài thuốc trên. Hiện nay cách dùng phổ biến độc vị bông báo chữa rắn cắn như sau :

Khi bị rắn cắn, dùng khăn buộc trên nơi rắn cắn để tránh cho nọc độc khỏi truyền khắp người, nặn chỗ vết cắn cho máu cùng nọc độc chảy ra. hái một nắm lá bông báo tươi, bỏ cuống rửa sạch, giã nhỏ thêm ít nước vào, vắt lấy nước. Lấy nước vắt đó xoa bóp từ trên xuống dưới nơi rắn cắn chừng 5 - 10 phút, bã đắp lên vết cắn. Ngày làm 2 lần cho đến khi khỏi thì thôi. Thường chỉ dùng 4 - 5 lần là thấy kết quả. Cụ Trường đã gộp cả 3 vị thuốc đều dùng chữa rắn cắn để nhằm cho tác dụng thuốc được mạnh hơn là dùng độc vị và do đó cụ mới hướng dẫn là chỉ dùng thuốc bồi ngoài mà không uống; mà kinh nghiệm nhân dân cũng chỉ dùng nước và bã bông báo xoa bóp và đắp bên ngoài thôi chứ không nuốt nước bông báo. Còn dùng bài thuốc trên chữa cả chó cắn thì mới được cụ Trường phổ biến thêm, cần được chú ý rút thêm kinh nghiệm chính xác.

CHỮA RẪN RẾT CẢN

Bài thuốc của mẹ Nguyễn Thị Chiu, hội viên đông y ở xã Hòa Bình, huyện Kỳ Sơn, tỉnh Hòa Bình.

Công thức : - Hành tằm 5 củ
- Lá Ớt 1 nắm

Cách chế, Cách dùng : giã nhỏ dặt vào chỗ rằn rết cắn là khỏi.

Lịch sử bài thuốc : do mẹ đẻ truyền lại.

BÌNH LUẬN

Trong nhân dân nhiều nơi vẫn thường dùng độc vị lá Ớt chữa rằn, rết cắn bằng cách giã nhỏ lá Ớt như kiểu mẹ Chiu đắp vào nơi bị rằn rết cắn hết đau nhức thì bỏ đi. Ngày làm 1 đến 2 lần cho đến khi hết đau; thường 15 đến 30 phút là hết đau, 2 đến 3 giờ là khỏi hẳn. Mẹ Chiu dùng thêm hành tằm để ngoài tác dụng giải độc thông kinh lạc của Ớt còn có thêm tác dụng hoạt huyết, sát trùng, lợi tiểu.

CHỮA RẮN CẮN

Bài thuốc của cụ Nguyễn Hữu Triệu, bệnh viện nông trường sông Bôi làm thành bài ca như sau :

Lá lưởi hùm, rễ cỏ may
Chữa rắn độc cắn, khôi ngay tức thì
Đều một nắm, giã nát đi
Nước sôi bảy chục' mi li pha rồi
Lắng trong cho uống một hơi
Còn bã đắp vết thương ngoài băng lên
Nửa giờ sau hết đau rên
Uống thêm lần nữa, bệnh liền đoạn căn
Tôi từng kinh trị bao lần
Để xin giới thiệu khi cần hiểm nguy

Kết quả : Đã chữa nhiều người khỏi

BÌNH LUẬN

Lá lưởi hùm tức là lá cây cam xưng (cũng gọi là lá lưởi hồ hay lá lưởi cọp) thường dùng chữa trẻ con cam xưng, phù nề, chữa cả đi ngoài và có tác dụng trong chữa dị ứng. Rễ cỏ may có tác dụng tiêu độc, giải nhiệt, lợi tiểu. Kết hợp lá lưởi hùm với rễ cỏ may chữa rắn cắn là một bài thuốc độc đáo của cụ Triệu đã chữa được nhiều người. Nọc rắn truyền vào con người là chất độc gây dị ứng cho cơ thể nên chỗ rắn cắn dễ bị sưng phù, đau đớn. Nọc rắn càng độc

càng làm cho trạng thái sưng phù lan rộng. Vì vậy bài thuốc nhằm tác dụng chữa dị ứng, tiêu độc và làm giảm phù nề qua đường bài tiết nước tiểu. Cụ Triệu rất tâm đắc với bài thuốc này nên cụ đã cố gắng làm thành bài ca mong phổ biến được sâu rộng trong quảng đại quần chúng.

CHỮA VỀ BỆNH ĐỘNG KINH

Bài thuốc của cụ Bùi Văn Long, lương y bệnh viện huyện Tân Lạc tỉnh Hòa Bình :

Bài 1 :

- Kinh giới hoa : 6 lượng.
- Phèn chua : 2 lượng (nửa sống nửa phi).
- Xuyên sơn giáp (vảy tê tê) : 1 lượng (sao với rượu, ngâm mềm hầy sao).
- Cương tâm chết khô : 5 đồng cân (tẩm rượu sao).
- Tạo giác (quả bồ kết) : 3 đồng cân (nướng tồn tính).

Cách chế, cách dùng : Các thứ đều tán bột, lấy nước trúc lịch hồ hoàn viên bằng hạt đậu đen. Mỗi lần uống 30 viên, ngày uống 2 lần : sáng và tối, với nước nóng.

Ghi chú : A - CẦN ĂN CÁC THỨ SAU ĐÂY :

1. Ốc lợn : cho 1/2 nước, 1/2 rượu nấu chín ăn vào lúc đói (ăn càng nhiều càng tốt).

2. Tim lợn : nấu chín chấm với một tý chu sa thủy phi, mỗi tuần dùng 3 lần.

B- KHI UỐNG THUỐC KẾT HỢP VỚI CHÂM CỨU NHƯ SAU :

1. Khi bệnh nhân phát lên cơn hôn mê thì dùng 3 huyệt :

- Nhân trung - Trung xung - Thiếu thương (đều châm tả)

2. Khi thường, không lên cơn thì dùng các huyệt :

- Phong long, Cửu vĩ, Thần môn, Giản xử, Cân xúc, Phong phủ, Trung quản, Dũng tuyến, Tâm du, Can du, Đều châm tả.

Chú ý : Khi châm huyết Cửu vĩ và Phong phủ, không được châm sâu (chỉ 3 phân).

Kiêng kỵ : Cá chép, thịt gà.

Phản ứng : Không.

Kết quả : Đã chữa nhiều người (trong đó có chị Bùi Thị Hiện xã Quy Mỹ) nữ hộ sinh mắc bệnh 13 năm, chỉ châm cứu một tuần khỏi; chị Bùi Thị Sắc ở xã Địch Giáo mắc bệnh 4 năm, chỉ châm cứu một tuần là khỏi; chị Lương Thị Linh là giáo viên trường cấp I Thành Hội bị bệnh 4 năm, phát bệnh 1 tháng 1 lần, uống bài thuốc trên là khỏi bệnh.

BÌNH LUẬN

Cương tâm hay bạch cương tâm còn gọi là con tâm vôi (tức là những con tâm tự nhiên bị bệnh mà chết, cho vào vôi rồi đem sấy khô làm thuốc) vị mặn, the, tính bình, vào các kinh : tâm, can, tỳ, phế, có tác dụng trừ phong, long đờm, rất hay dùng trong chữa động kinh, trúng phong, mất tiếng, đau cổ họng. Bồ kết vị cay, hơi mặn, tính ấm, có tác dụng thông khiếu, tiêu đờm, trừ phong, thông tiểu; quả bồ kết thường dùng trong chữa động kinh đờm suyễn, chữa trúng phong cảm khâu, đau tắc cổ họng. Kinh giới vị the, mùi thơm tính ấm, vào 2 kinh phế và can, có tác dụng phát tán phong hàn, thông huyết mạch: hoa kinh giới được dùng trong chữa phụ nữ sau khi đẻ bị trúng phong, hàm răng cắn chặt, chân tay cứng đờ. Có thể cụ Long căn cứ vào tác dụng này của hoa kinh giới mà sử dụng liều lượng cao nhất trong 5 vị của bài thuốc kể trên. Phèn chua vị chua chát, tính mát, ráo thấp, tiêu đờm, giải độc, sát trùng, dùng chữa cổ họng sưng

đau, động kinh đờm dãi nhiều. Xuyên sơn giáp vị mặn, tính mát, hoạt huyết, tiêu sưng, sát trùng, chữa phong tê cứng, đau nhức. Cách lấy nước trúc lịch là : dùng tre xanh non còn có phần trắng, chặt ra từng đoạn, kê lên gạch; dưới đốt lửa; vắn lấy nước hứng vào đồ sành (nồi hoặc bát) nếu không có trúc lịch thì dùng mầm tre non cũng được. Trúc lịch vị ngọt thêm chút đắng đắng, tính mát, hóa đờm, thông khiếu, tả can hoa, thanh nhiệt, thường dùng trong chữa cảm sốt, mê man, trúng phong cầm khâu. Chu sa vị ngọt, hơi hàn, vào kinh "âm", có tác dụng yên hồn phách, giải độc, hay dùng trong chữa động kinh. Y học hiện đại đã chứng minh chu sa an thần, chống co giật mạnh. Cụ Long đã tập trung nhiều vị thuốc dùng chữa động kinh lại thêm kết hợp châm tả ở những huyết nhiều nơi có dùng trong chữa động kinh. Do đó kết quả cũng đã chữa được nhiều người khỏi.

Bài 2

Công thức : - Kinh giới hoa 4 lượng

- Thanh đại 1 lượng

- Phèn chua 2 lượng (nửa sống nửa phi)

Cách chế, cách dùng : Ba vị đều tán thành bột, hồ hoàn viên bằng hạt đậu đen, lấy chu sa làm áo, phơi khô. Mỗi lần uống 30 viên, ngày uống 2 lần : sáng và tối, uống với nước nóng.

Kiên kỵ : cá chép, thịt gà.

Phản ứng : không

BÌNH LUẬN

Trong bài thuốc chữa bệnh động kinh này, cụ Long dùng kinh giới vì "quân" mà chỉ dùng hoa kinh giới thôi chứ không

phải dùng cả cây kinh giới vì tác dụng của hoa kinh giới mạnh hơn các thành phần khác của cây kinh giới. Trong dân gian gặp trường hợp sản hậu trúng phong hiện ra nhiều chứng nguy kịch, có khi chỉ dùng hoa kinh giới tán bột khoảng 12 - 16 g hòa với nước tiểu trẻ em mà cứu thoát. Vì lẽ hoa kinh giới mùi thơm, tính ấm, phát tán phong hàn, thông huyết mạch. Thanh đại là lá và cây chàm ủ chế mà ra (cây chàm đen ngâm nước cho lên men, gạn lấy nước cho sôi vào theo tỷ lệ 10% rồi khuấy đều trong vài giờ, chờ cặn lắng xuống thì vớt lấy lọc qua, bỏ bã lấy bột đem phơi trong dầm được bột thanh đại). Thanh đại vị đắng nhạt, tính mát, thanh nhiệt, tán uất, lương huyết, giải độc, chữa trẻ em nóng lên kinh; phèn chua tính mát, ráo thấp, tiêu đờm, giải độc, vẫn có dùng trong chữa kinh giản, đờm dãi nhiều. Chu sa vị ngọt, an thần, trấn kinh, giải độc, hay dùng trong cấp kinh, co giật, kinh giản điên cuồng. Tổng hợp cả 4 vị thuốc thấy bài thuốc thích hợp trong chữa động kinh, nhưng dùng phải thường xuyên, dài ngày và khi bệnh nhân phát lên cơn hôn mê thì phải kèm theo châm tả các huyệt : nhân trung, trung xung, thiếu thương v.v...

CHỮA UNG NHỌT (ÁP XE)

(Bài thuốc của cụ Hà Thị Hai (tức mẹ Lịch)

Công thức : Lá Ớt ăn quả : 1 nắm (quả to nhỏ đều được).

Cách chế và cách dùng : Lấy một nắm lá Ớt, giã nhỏ xào nóng đắp vào chỗ đau, băng lại. Mỗi ngày đắp lá 2 - 3 lần.

Kiêng kỵ : Không phải ăn kiêng gì cả.

Kết quả : Mẹ đã chữa cho hàng trăm người khỏi bệnh.

BÌNH LUẬN

Trong nhân dân vẫn có nhiều nơi dùng lá Ớt đơn độc để chữa mụn nhọt, lá giã vắt nước uống trong, bã đắp ngoài vì lá Ớt tính mát, giảm đau, thanh nhiệt, sát trùng, làm dịu và tiêu tan dần sưng tấy. Tùy theo nhọt to hay bé, sưng nóng nhiều hay ít mà lượng lá Ớt phải dùng nhiều hay ít mà phải giã thật nát. Đắp lá ngày đầu thấy đỡ thì tiếp theo ngày hôm sau cũng đắp 2 - 3 lần giống như ngày đầu cho đến khi khỏi bệnh.

CHỮA MỤN NHỌT, LỞ NGỨA

Bài thuốc của lương y Khuất Văn Giảng, phó ban y tế xã Tích Giang huyện Ba Vì tỉnh Hà Tây

Công thức :

- Kim ngân hoa 3 đồng cân.
- Nam mộc thông 3 đồng cân.
- Thổ phục linh 5 đồng cân.
- Hạ khô thảo 2 đồng cân.
- Khô sâm điệp 3 đồng cân.
- Nam ngư tử 3 đồng cân.
- Nam bạch chỉ 3 đồng cân.
- Hoàng lực 5 đồng cân.

Phơi khô sắc uống.

BÌNH LUẬN

Kim ngân hoa, vị ngọt, tính mát, thanh nhiệt, giải độc sát trùng, có tác dụng trong chữa mụn nhọt, mẩn ngứa. Thổ phục linh (còn gọi là khúc khúc) vị ngọt, tính bình, trừ phong thấp, giảm độc, sát trùng, thường được dùng trị mụn lở. Mộc thông chính danh là một vị thuốc ta phải nhập của Trung Quốc, người ta đã thống kê, phát hiện thấy trên 10 cây khác nhau thuộc các họ thực vật khác nhau, chủ yếu thuộc hai họ : mộc hương (Aristolochiaceae) và hoàng liên (Ranunculaceae) cho vị thuốc mang tên mộc thông. Về nam mộc thông mà lương y Khuất Văn Giảng dùng thay mộc thông bắc là dây ông lão với cái tên khoa học *Clematis smilacifolia* Wall thuộc

họ hoàng liên (Ranunculaceae) xưa nay vẫn thấy mọc hoang trong rừng núi Hòa Bình. Nhân dân ta dùng thân và rễ nam mộc thông dó thái mỏng, sao vàng, sắc uống cho dễ tiêu, thông tiểu và lợi sữa. Hạ khô thảo vị đắng hơi thè, lợi tiểu, mát gan, sát trùng, tiêu độc. Khổ sâm diệp mà ông Giảng dùng chính là cây khổ sâm cho lá với tên khoa học là *Croton Tonkinensis* khác hẳn cây khổ sâm cho hạt (còn gọi là sấu dậu cứt chuột) với tên khoa học là *Brucea sumatrana* Roxb. Hai cây khổ sâm này đều có vị đắng, tính mát, sát trùng, tiêu độc, nhưng cây khổ sâm cho hạt chủ yếu dùng trong chữa lỵ amíp và sốt rét, còn khổ sâm cho lá chủ yếu dùng trị ung nhọt sang lở loét, chốc đầu (có thể vừa sắc uống vừa rửa ngoài). Nam ngư tấu tức là cỏ xước, vị đắng kèm hơi chua, tính bình; ở đây, ông Giảng dùng nhằm tác dụng lương huyết, tiêu ứ. Nam bạch chỉ còn gọi là đậu chi vị đắng, tính lạnh, giải nhiệt, giảm đau, bổ tỳ, thẩm thấp, tiêu độc, lên da, thường dùng trong chữa sang độc, lở sorn. Hoàng lực còn gọi là cây sung, mọc hoang nhiều ở rừng núi Hoà Bình, vị cay, tính ôn, độc, có tác dụng tán hàn, trục thấp, ôn trung.

Tất cả 8 vị thuốc nam dùng trong bài này chữa mụn nhọt, lở ngứa bằng cách thẩm thấp sát trùng, tiêu ứ, điều hòa cơ thể.

CHỮA ÁP XE (ABCES) SỤNG TO CỨNG CHỮA CÓ MỦ

Bài thuốc của cụ Trường bệnh viện Mai Châu Hòa Bình.

- Công thức :**
- Lá rau răm.
 - Lá chì vôi.
 - Lá bỏng.
 - Lá xích đồng nam
 - Muối : 1 chút

Các thứ bằng nhau.

Cách chế, cách dùng : Các thứ bằng nhau rửa sạch, giã nhỏ với muối và nước. Lấy xoong con chưng lên thật sôi để hơi nguội. Rửa chỗ đau, rồi đắp thuốc vào băng bó, sau 4 miếng đồng hồ tháo ra thấy dịu đau chỗ cứng rồi dịu dần, không đỏ nữa, không nóng nữa thì rửa sạch đi. Cuối cùng thì đắp thêm một miếng nữa là khỏi.

BÌNH LUẬN

Về lá rau răm (còn gọi là thủy liễu), Lãn Ông xưa ghi rõ tính vị cùng là tác dụng giải độc ở ngoài da như sau :

"Thủy liễu tên gọi là rau răm

Khí vị ấm cay, trừ độc xâm

Ghê, lở, rấn cắn, tim đau lạnh

Trĩ, mụn, cước khí, nấu xông ngâm".

(Trích dịch "Lĩnh nam bản thảo" của Lãn Ông - quyển thượng).

Chìa vôi (còn gọi là bạch phấn đằng) vị đắng, chua, hơi the, tính lạnh, tiêu độc, thông huyết, thư cân, lợi tiêu, sát trùng, có thể vừa uống trong vừa đắp ngoài, giã với muối để chữa ung nhọt. Y học dân tộc vẫn dùng lá chìa vôi giã với muối, nhai nuốt nước, bã đắp để chữa các giống độc cắn. Lá bông (còn gọi là lá thuốc bông hoặc lá sống đời, lá trường sinh) vị ngọt, nhạt, hơi chua, tính mát, có nhớt, công dụng tiêu viêm, có thể uống trong hoặc đắp ngoài để chữa lở ngứa, sưng tấy, bỏng lửa, bỏng nước. Xích đồng nam (còn gọi là "vây đỏ") vị đắng, tính mát, thanh nhiệt, thông huyết, giải độc sát trùng, y học dân tộc vẫn dùng trong chữa khí hư bạch đới cũng là chữa mụn nhọt. Muối vị mặn, tính lạnh, có tác dụng tả hỏa, tán ứ, tiêu sưng, thành phần chủ yếu của muối là natri clorua, trong đó chất clo là chất sát trùng rất mạnh. Năm vị thuốc của cụ Trường tập hợp lại nhằm tác dụng thanh nhiệt, giải độc, tiêu viêm, hoạt huyết, sát trùng. Duy cụ Trường chỉ nói là các vị bằng nhau nhưng liều lượng của các vị đó là bao nhiêu thì chưa hướng dẫn cụ thể. Theo ý chúng tôi thì tùy theo áp xe (lức nhọt) ở ngoài da sưng to hay nhỏ mà dùng 4 thứ lá thuốc tươi nói trên và muối đều trên dưới một nắm thật chặt của người lớn.

CHỮA ÁP XE CÓ MỦ VÌ ĐỂ LÂU

Bài thuốc của cụ Tường ở bệnh viện Mai Châu Hòa Bình

Công thức : Cũng dùng 4 thứ lá thuốc và muối đều liều lượng bằng nhau, nhưng có gia thêm :

- Quả cà đại.
- Lá đu đủ (một phần nhỏ của lá)
- Hạt lai.
- Lá lốt.

Cách chế, cách dùng : Các thứ trên giã nhỏ thành một nắm đem nướng lên, sau lấy nước sôi để nguội rửa sạch vết đau, rồi đắp thuốc vào chỗ đau.

Phản ứng : Đắp thuốc vào độ 1 giờ thì thấy ngứa, tháo ra sẽ thấy mủ chảy ra không cần phải trích.

Ghi chú : Khi ra hết mủ, muốn cho liền da thịt thì lấy sâm đại hành (độ 2 củ) giã nhỏ đắp vào chỗ đau độ 3 ngày thì liền da. Tình thoảng phải tháo ra cho chóng lên da non.

Kiêng kỵ : mấm tôm, thịt chó, ớt, bí xanh trong khi chữa.

BÌNH LUẬN

Trong bài thuốc chữa nhọt có mủ, cụ Tường có dùng quả cà đại, nhưng không nói cụ thể là quả cà đại hoa tím hay quả cà đại hoa trắng. Về cà đại hoa tím làm thuốc, thường thấy dùng rễ, cây làm thuốc uống trong để chữa ho, chống nôn và tẩy nhẹ hoặc dùng rễ sắc đặc để ngâm chữa đau răng. Còn

cà đại hoa trắng thì thấy dùng rễ và dùng quả già hái lấy nước sôi ngoài chữa nứt nẻ ở bàn chân, nước ăn chân, sâu bọ đốt. Do đó chúng tôi nhận định quả cà đại cụ Tường dùng trong bài thuốc này là quả cà đại hoa trắng (cũng còn có cây cà đại hoa vàng nữa nhưng trong nhân dân ta chưa thấy dùng nó làm thuốc). Cây lai thuộc họ thầu dầu, có thể dùng hạt để gây tấy vì hạt lai có chứa 55 - 60% chất dầu béo. Lá đu đủ vị đắng, tính lạnh có tác dụng tiêu mụn nhọt. Lá lốt vị cay, mùi thơm, hạ khí, trừ thấp, trừ hơi tanh. Sâm đại hành (còn gọi là sâm cau hay tỏi lào, tỏi đỏ) vị ngọt nhạt, tính ấm, thường được dùng làm thuốc tiêu độc, bổ máu, chống mệt mỏi (trên lâm sàng, khoa đa liễu bệnh viện Bạch mai và quân y viện 108 nhận thấy sâm đại hành có tác dụng tốt đối với nhọt, đầu đinh, viêm da mủ). Điềm qua tính vị cùng công dụng của 5 vị thuốc đó phối hợp với lá rau răm, lá chìa vôi, lá bông, lá xích đồng nam, muối làm tăng thêm tác dụng tiêu độc, tiêu viêm sát trùng đồng thời xúc tiến thêm công dụng trừ thấp, rút mủ, làm bớt hơi tanh ở nơi có áp xe.

CÁCH CHỮA LẤY MẢNH ĐẠN TRONG NGƯỜI RA

Bài thuốc của mẹ Lịch

Công thức : - Cây thanh thiên quỳ (tức cây một lá).
- Huyết linh (tức máu khi).

Cách chế : Ngâm rượu huyết linh cho tan, rồi xoa bóp vào chỗ đau và trong ống huyết linh. Còn lá thiên quỳ lấy một nắm giã nhỏ đắp vào chỗ đau là mảnh đạn ra.

Cách dùng : Mỗi ngày uống rượu huyết linh hai lần. Sáng và chiều tối, đắp hai lần.

Kiêng kỵ : không

BÌNH LUẬN

Huyết linh là một vị thuốc nhân dân hay dùng làm thuốc bổ máu cho phụ nữ sau khi đẻ, cho những người xanh xao gầy yếu. Dùng ngoài dưới hình thức ngâm rượu để xoa bóp làm thuốc giảm đau trong những trường hợp đau nhức, ngã hay bị thương mà sưng đau. Thanh thiên quỳ có tính chất lợi phế, cảm ho, giải độc làm hết đau, dùng ngoài giã nát đắp lên nơi đau, mụn nhọt. Qua tìm hiểu kinh nghiệm thông thường trong nhân dân thì huyết linh và thanh thiên quỳ dùng ngoài nhằm giảm đau làm chủ yếu. Theo mẹ Lịch cho biết : xoa bóp chỗ đau bằng rượu huyết linh và đắp chỗ đau bằng

những lá thiên quỳ già nhỏ mà mảnh dạn ra được, phải chăng chỉ ở những trường hợp mảnh dạn trong người chỉ ở nông dưới da mà phải do cả tác dụng của phương pháp xoa bóp mới có thể được ? Về liều lượng rượu huyết linh dùng uống trong thì mỗi lần (sáng và chiều) có thể uống trên dưới một chén con tùy theo người uống được rượu nhiều hay ít.

CHỮA SUNG ĐAU DO BỊ ĐÒN, BỊ NGÃ

Bài thuốc của ông Bùi Đình Sơn lương y thị xã Hòa Bình

Công thức :

- Đu đủ 1 quả to
- Rau răm 0,2 kg tươi.
- Bột nghệ 0,2 kg
- Rượu 1/4 lít.

Cách chế : quả đu đủ (cần cắt 1 phút) để làm nồi đun. Cho bột nghệ lẫn vào rau răm sao vàng tán thành bột rồi cho vào quả đu đủ, đem đổ rượu vào đây nắp lại. Lấy cái xoong con đồ đầy nước, để cái bát ăn cơm xuống chôn nồi, đặt quả đu đủ vào bát đun độ 2 giờ rồi lấy ra.

Cách dùng : Nếu các vết thương tím bầm thì lấy rượu thuốc đó bôi vào chỗ đau.

- Nếu chỉ đau âm ỉ trong bụng, ngực, trong mình thì lấy một chén con rượu thuốc đó và lấy một chén con nước tiểu trẻ em pha lẫn vào cho bệnh nhân uống.

- Nếu vừa đau bên trong và sưng tím bên ngoài thì vừa bôi thuốc vào vết thương bên ngoài và cho uống thuốc bên trong (thuốc uống cũng pha với nước tiểu trẻ em như trên).

BÌNH LUẬN

Quả đu đủ vị ngọt, tính mát, tiêu đờm, giải độc, tiêu thũng. Quả đu đủ chứa nhựa mủ nhiều nhất ở quả xanh, nhựa mủ chứa men papain có tác dụng tiêu hóa chất prôit.

Quả đu đủ bọc lấy bột nghệ và rau răm ngâm trong rượu đun 2 giờ liền thì rượu đó tất nhiên có ngấm rất nhiều chất papain ở thịt đu đủ tiết ra, giúp ích thêm cho việc chạy chữa vết sưng đau. Tác dụng phá huyết tiêu trừ uất kết của bột nghệ (tức uất kim) được Lãn Ông ghi trong "Lĩnh Nam bản thảo" như sau : "uất kim củ nghệ vốn trong vàng; cay đắng, lạnh, bình, thuần hậu lương; chẳng nên ăn sống sao qua rượu; Phá huyết, lên da, nó sờ trướng; niệu huyết, lâm huyết dùng rất tốt; tiêu trừ uất kết chữa người khương" ở chữ "khương" đọc chệch đi nghĩa là chữa người có bệnh trở nên an khang, yên lành). Như thế bột nghệ cùng với rau răm sao vàng tán bột quả có thích hợp trong chữa thương tích do bị đòn, bị ngã. Rượu vị cay, hơi ngọt, thơm nồng, tính nóng, có tác dụng hành huyết, khai uất dùng để tăng sức mạnh của các vị thuốc cần dẫn vào kinh mạch, nhưng không nên dùng nhiều vì dùng nhiều có độc. Nước tiểu trẻ em máu huyết, tiêu ứ, y học cổ truyền thường dùng trong chữa sản hậu, choáng váng và các trường hợp chấn thương.

Tóm lại bài thuốc của ông Sơn đề ra có đủ căn cứ để tin tưởng trong chữa chạy thương tích do bị đòn, bị ngã v.v...

CHỮA BỆNH ĐAU RĂNG, NHỨC, RĂNG CÓ MỦ CÓ MÁU

Bài của cụ Hà Thị Hai tức Mế Lịch, xóm Mẻ, xã Chiềng Châu - Huyện Mai Châu tỉnh Hòa Bình (95 tuổi).

- Công thức:**
1. - Cây Ớt chỉ thiên loại nhỏ quả.
 2. - Cải cộc tức cây ngoi.
 3. - Lá khô sâm.

Cách chế và cách dùng: Tất cả các thứ bằng nhau, thái nhỏ, phơi khô, mỗi thang 200 g, đun ngậm. Đun để nước vừa ấm thì ngậm. Ngậm độ 1/2 giờ, lại nhỏ đi, ngậm miếng khác; ngậm càng nhiều càng chóng khỏi.

Kiêng kỵ: Kiêng ăn măng chua, thịt vịt, thịt gà, thịt chó, mè, đu đủ.

Kết quả: Mế Lịch đã chữa cho hàng trăm người khỏi bệnh. Bà cụ nội của mế truyền lại cho mế.

BÌNH LUẬN

Xin chú ý là trong công thức bài thuốc, về ớt, mế Lịch dùng cả cây loại chỉ thiên nhỏ quả. Theo ý chúng tôi, mế Lịch dùng cả cây ớt chủ yếu nhằm vào tác dụng của lá và cành và có thể không dùng quả vì quả ớt vị cay xé, tính rất nóng, gây xót da và niêm mạc (tay mó vào ớt cần tránh dụi vào mắt; bột ớt gây hắt hơi, rất khó chịu). Lá ớt cũng như

cành và thân cây ớt vị đắng, tính mát, có tính chất thanh nhiệt, giải độc sát trùng.

Cây ngoi có tính tiêu độc sát trùng (lá cây ngoi khi vò có mùi thơm phảng phất như mùi hồng bì).

Lá khổ sâm, vị đắng tính mát, tiêu độc sát trùng.

Tóm lại, 3 vị thuốc trên mà mế Lịch dùng chữa đau răng, nhức răng có mùi, có máu nhằm chủ yếu vào tác dụng tiêu độc, sát trùng, ngâm có mát nhưng đắng mà phải ngâm lâu mới có tác dụng (theo mế Lịch, phải ngâm nửa giờ lại nhỏ đi ngâm miếng khác, ngâm càng nhiều càng chóng khỏi) "Thuốc đắng dã tật", người có bệnh nên chịu khó một chút.

CHỮA QUAI BỊ

Bài thuốc của cụ Hà Văn Tường bệnh viện huyện Mai Châu, Hòa Bình.

Triệu chứng: Đau hai mang tai, sưng to nóng hai quai hàm. phát sốt, ăn ít, ngủ chập chờn.

Công thức:

- Lá hẹ 40 g
- Húng chó 50 g
- Hạt gấc 1 hạt.
- Rau răm 40 g.
- Tỏi 3 tép.

Cách chế, cách dùng: Các thứ trên rửa sạch, phơi khô, giã nhỏ thành bột, cất để dành trong lọ kín. Khi nào có bệnh nhân bị bệnh quai bị thì lấy một cùi đĩa bột đó hòa với nước sôi, lấy 1/2 đem ngâm, còn 1/2 đem xoa ngoài chỗ đau sẽ khỏi.

Kiêng kỵ: Thịt chó, mắm tôm, vịt, ớt.

Phản ứng: Không.

Kết quả: Đã chữa nhiều người khỏi, trong đó có bác sĩ Đỗ Đình Dương bệnh viện Mai Châu bị quai bị cũng được chữa khỏi.

BÌNH LUẬN

Hạt gấc vị ngọt, tính lạnh, sát trùng, tiêu sưng tấy. Trong dân gian nhiều nơi có dùng hạt gấc chữa quai bị và sưng vú

bằng cách mài với dấm xoa nhiều lần. Tỏi vị cay, tính nóng, thông khiếu tiêu ung nhọt, sát trùng. Rau răm vị cay nồng, thơm, tính ấm, tán hàn, tiêu thực, sát trùng. Húng chó (còn gọi là húng giồi, húng quế, é tía) có tác dụng chữa dị ứng, mẩn ngứa. Lá hẹ vị thè, hơi chua, mùi hăng, tính bình, có tác dụng tiêu viêm. Tạp chí : "Y học thực hành" Bộ y tế xuất bản năm 1961 có cho biết : nước ép tươi của hẹ có tính chất kháng sinh rất cao đối với nhiều loại vi trùng. Tổng hợp cả 5 vị thấy phương thuốc của cụ Trường nhằm làm dịu mẩn ngứa, sát trùng, tiêu viêm, làm tan dần sưng lấy.

CHỮA UNG NHỌT CÓ RÒI BỌ Ở NGƯỜI VÀ GIA SÚC

Bài thuốc của mẹ Đinh Thị Ngâu tức mẹ Liễu ở xã Trung Minh huyện Kỳ Sơn tỉnh Hòa Bình.

Công thức:

1. Măng tre.
2. Éch hoặc nhái (1 con).

Cách chế: Éch làm thịt, bỏ ruột, băm nhỏ. Giã nhỏ măng tre trộn đều, chưng chín đắp vào chỗ đau. Nếu không đắp được thì bôi, hàng ngày lấy lá đại bi nấu lên rửa sạch chỗ đau trước khi bôi thuốc.

Cách dùng: Mỗi ngày đắp thuốc 3 lần, sau khi rửa sạch nhọt bằng nước đại bi.

Kiêng kỵ: Kiêng mẻ, mắm tôm, cá, măng chua, thịt gà, thịt vịt, kiêng dấm bòn.

Kết quả: Đã chữa cho 50 người và trâu bò khỏi bệnh.

BÌNH LUẬN

Đây là một bài thuốc độc đáo của mẹ Liễu chữa ung nhọt đã chữa ròi bọ ở bên trong. Cách chữa này đơn giản, không cần đến tiểu phẫu thuật ngoại khoa. Độc đáo nữa là dùng éch nhái là loại thực phẩm dùng làm thuốc mà chưa thấy đề cập mấy trong mọi dược điển y học dân tộc Việt Nam viết vào cuối thế kỷ XX này. Tuy nhiên các danh y Việt Nam xưa kia đã từng ghi tính vị và công dụng của éch, nhái trong chữa

bệnh rất rõ ràng. Thí dụ như trong : "Lĩnh nam bản thảo", Lãn Ông hướng dẫn như sau về con ếch :

Điền oa tục gọi là con ếch

Không độc, ngọt, hàn, rất bổ ích

Trừ lao nhiệt, hư phiền, trùng chú

Yên thai, lợi thủy, mụn chữa sạch

(Trùng chú là chúng Iao truyền thi). Và về con nhái :

"Hà mô tục gọi là con nhái"

"Khí lạnh, vị cay, có độc rành".

"Tà tý, trung hà và cuồng nhiệt" (nóng phát điên cuồng), "Mụn nhọt, thũng độc, chữa dễ lành".

Măng tre vị ngọt, tính mát, có tác dụng thanh nhiệt, trừ đờm. Đại bi vị cay, đắng, mùi thơm nồng, tính ấm, tiêu đờm, sát trùng. Ở miền ngược và vùng rừng núi thuộc quê quán của mế Liêu thường muối không có nhiều như ở miền xuôi gần biển nên mế Liêu hướng dẫn hàng ngày lấy lá đại bi nấu lên rửa sạch chỗ đau trước khi bôi thuốc. Đó cũng là một phương pháp sát trùng, cho nên theo chúng tôi ở nơi nào không có lá đại bi thì dùng nước muối (hoặc có điều kiện thay bằng thuốc tím càng tốt) mà rửa sạch chỗ đau trước khi bôi thuốc cũng được. Éch nhái cùng măng tre không phải là khó kiếm, phương pháp điều trị lại đơn giản nên mạnh dạn áp dụng, nhất là ở những nơi cách xa bệnh viện hoặc là không gặp được cán bộ nhân viên thú y trong trường hợp gia súc bị bệnh.

CHỮA BỆNH RÒ XƯƠNG

Bài thuốc của mế Lịch ở xã Chiềng Châu huyện Mai Châu tỉnh Hòa Bình.

Công thức:

- Bùng phình (tức là cây bọ mây tấm ghè).
- Lá xóm hiệc (tức lá dây chìa vôi).
- Co phạt (tức lá nam mộc hương cũng là vỏ dọt).

Cách chế: Các thứ lá bằng nhau, giã nhỏ, xào nóng đắp vào chỗ đau.

Chú ý: Dùng cây và lá tươi có tác dụng hơn.

Cách dùng: Trong uống ngoài đắp hàng ngày như nước vối.

Kiêng kỵ: Kiêng thịt bò, thịt trâu, tôm, mè, thịt chó.

Kết quả: Đã chữa cho 10 người khỏi bệnh, do đó bà cụ nội truyền cho mế.

BÌNH LUẬN

Bọ mây, (còn gọi là đại thanh hay bọ nẹt), vị đắng, tính lạnh, thanh nhiệt, lương huyết, nhân dân thường dùng lá tươi nấu nước tắm chữa lở ghè. Chìa vôi (còn gọi là bạch phân đằng), vị chua, đắng hơi the, tính lạnh, tiêu độc, sát trùng thống huyết, thư cận, nhân dân thường dùng uống trong và đắp ngoài để chữa mụn nhọt. Vỏ rứt còn gọi là bìu tía, vị đắng, tính lạnh, tiêu đờm, giải độc, thông kinh. Tóm lại, bài thuốc nhằm tác dụng thanh nhiệt sát trùng, tiêu độc, lương

huyết. Chữa rò xương phải kiên trì theo dõi lâu ngày mới được. Vì vậy mẹ Lịch mới căn dặn đắp lá hàng ngày, đồng thời sắc 3 vị thuốc trên mà uống hàng ngày thay nước uống thường. Cố nhiên tùy theo trường hợp bệnh tình nặng nhẹ mà dùng số cây và lượng lá thuốc thích hợp. Nhưng như mẹ Lịch hướng dẫn là các thứ lá đều liều lượng bằng nhau.

CHỮA "SÂU QUẢNG"

Bài thuốc của ông Trần Danh Tường ở xóm
Đồi xã Sơn Đồng, huyện Kim Bôi tỉnh Hòa Bình.

Công thức:

- Lá thầu dầu.
- Lá đóm đắng.
- Măng vòi.

Cách chế, cách dùng: Đầu tiên lấy 2/3 lá thầu dầu nấu lên thành nước, còn 1/3 lá thầu dầu đem giã nát trộn vào với 2 thứ đóm đắng và măng vòi. Lúc đầu, lấy nước thầu dầu nấu lên rửa sạch vết thương, xong rồi, lấy bã đó đắp vào buộc thật chặt chỗ bị đau 3 giờ sau, mở bã thầu dầu vứt đi.

Lấy 3 thứ giã ở trên (thầu dầu, đóm đắng, măng vòi) buộc vào vết thương, để 24 giờ lại bỏ ra, lại tiếp tục làm như trên.

Ghi chú

- a) Đối với vết thương nặng : 1 tháng sẽ khỏi.
- b) Đối với vết thương nhẹ : 10 ngày sẽ khỏi.

Phản ứng: Không.

Kiểm kỵ: Không

Kết quả: Đã chữa một số người khỏi, trong đó có :

1/ Đồng chí Đinh Công Dư ở xóm Chanh, xã Vĩnh Đồng, huyện Kim Bôi, tỉnh Hòa Bình.

2/ Đồng chí Bùi Thị Vàng ở xóm Chợ, xã Hợp Đồng, huyện Kim Bôi, tỉnh Hòa Bình.

BÌNH LUẬN

Lá thầu dầu tính bình, có độc. Trong nhân dân thường thấy có dùng lá thầu dầu hay hạt thầu dầu chữa đở khó, chữa sốt rau thai nhi ở sản phụ, chữa méo miệng, lệch mắt bằng cách giã đắp. Như thế nói lên lá thầu dầu có tác dụng trực tiếp đến thần kinh. Nhưng ở đây ngoài tác dụng đến thần kinh còn thêm tác dụng ở tính chất độc trong lá thầu dầu để chữa sâu quầng. Y học hiện đại cho biết là lá thầu dầu và hạt thầu dầu có chứa chất rixinin là một chất rất độc (tỷ lệ rixinin trong hạt là 0,15%, trong lá non là 1,3% mà trong lá úa là 2,5% với liều lượng 0,002 mg đối với 1 kg cơ thể đủ làm chết 1 con thỏ). Rõ ràng lá thầu dầu có công dụng sát trùng giải độc trong rừa đắp. Lá đóm đắng (còn gọi là bộ mảy) vị đắng, tính mát, thanh nhiệt, lương huyết, tiêu thũng, trừ cốt chưng (tức ngây ngất sốt, ớn lạnh trong xương) rất thích hợp trong chữa sâu quầng. Măng vôi (tức là đọt tre rút ở đầu cành) vị ngọt, tính mát, thanh nhiệt, thanh tâm, an thần trừ phong, làm cho khỏi cơ cứng. Tổng hợp cả 3 thứ thuốc trên nhằm thanh nhiệt, lương huyết, sát trùng, giải độc, dùng nhiều ngày liên tục sẽ có tác dụng nhất định đối với sâu quầng. Duy ông Trần Danh Tường có hơi tùy tiện về liều lượng của từng vị thuốc dùng, dù là thuốc đắp ngoài da. Theo ý chúng tôi đứng về mặt tính vị và công năng của từng vị thuốc đó thì liều lượng lá đóm đắng nên gấp đôi và lá thầu dầu nên gấp 3 lần măng vôi, còn tùy theo vết thương nặng hay nhẹ ở trẻ con hay người lớn mà dùng số lượng gam của từng vị nhiều hay ít (thí dụ đối với vết thương nhẹ có thể dùng 15 g măng vôi, 30 g lá đóm đắng, 45 g lá thầu dầu v.v...)

ĐIỀU TRỊ "PHÚC THỐNG" (ĐAU BỤNG)

Bài thuốc của ông Lê Văn Hoàn, lương y phụ trách phòng công hiến, nằm trong ban nghiên cứu đông y trực thuộc tỉnh Hội đông y Hòa Bình.

Công thức:

- Đại bi	12 g.	- Đại hồi	4 g.
- Chi tử	12 g.	- Nam mộc hương	20 g.
- Đan bì	20 g.	- Rễ sim	20 g.
- Mộc miên	40 g.	- Khô sâm	12 g.
- Cát sâm	10 g.	- Nga truật	12 g.

Dùng mỗi ngày 1 thang liên tục trong một cho đến hai tuần lễ.

Cách chế, cách dùng: Đem sắc phương thuốc trên làm 2 lần :

- Lần thứ nhất đổ 4 bát nước đun cạn lấy 1 bát.
- Lần thứ hai đổ 3 bát nước đun cạn lấy 1 bát.

Đồn cả 2 lần sắc thành 2 bát thuốc (bát ăn cơm) uống làm 3 lần trong ngày (sáng và chiều giữa 2 bữa ăn, tối uống thuốc vào lúc đi ngủ).

Kiêng kỵ: Không ăn cơm tẻ, chất ngọt, chất chua và xa chồng vợ trong thời gian dùng thuốc.

Bồi dưỡng sử dụng: Cá mỗi ngày 1 kg luộc gỡ lấy nạc; còn xương giã lọc lấy nước nấu cháo với gạo nếp + cá nạc nấu nhừ, đói lúc nào ăn lúc ấy, ăn cháo chán thì ăn cơm nếp thôi nát ăn với cá luộc.

Kết quả: Chữa khỏi bệnh.

Xin đơn cử một bệnh án cụ thể chi tiết như sau :

Họ và tên bệnh nhân : Bùi Văn Tú 56 tuổi ở xóm Vọ, xã Cuối Hạ, huyện Kim Bôi tỉnh Hòa Bình.

Nghề nghiệp: Làm ruộng. Dân tộc : Mường.

Ngày đến khám : 24 tháng 11 năm 1968 tại phòng nghiên cứu Đông y trực thuộc tỉnh Hội Đông y Hòa Bình.

Vong : Sắc mặt đen, da xanh, hình thái người gầy yếu.

Vấn : Tiếng nói nhỏ, nói xong là bị mệt.

Vấn : Tiền sử đau bụng từ năm 41 tuổi, đau râm rỉ, hai năm uống thuốc các nơi không đỡ. Đến năm 43 tuổi ăn vào độ 4 giờ đồng hồ là đau bụng thổ ra cơm, ra nước chua. Đi khám bệnh viện cho là đau dạ dày, có dùng các loại thuốc tiêm đồng thời uống thuốc muối chỉ đỡ được một thời gian ngắn rồi lại đau như cũ, lại uống kavét đỡ rồi lại bị đau; lại uống cam thảo bột cũng có đỡ nhưng rồi vẫn trở lại đau như cũ, thêm đại tiện táo.

Thiệt : mạch trầm nhược.

Chẩn đoán: phúc thống (đau dạ dày kèm theo đau đường ruột).

Điều trị: Uống liên tục hàng ngày 6 thang thuốc theo công thức ghi trên; đồng thời dùng cá mỗi ngày 1 kg theo cách nấu cũng như trên, dùng liên tục trong 7 ngày thấy bệnh có đỡ; ăn thêm trong 15 ngày nữa thì thấy hết hẳn đau bụng. Người nhà ông Bùi Văn Tú đang học y sĩ đến cảm ơn và báo cáo đã khỏi hẳn.

BÌNH LUẬN

Có 3 loại khổ sâm dùng làm thuốc : khổ sâm cho rễ, khổ sâm cho hạt, và khổ sâm cho lá. Khổ sâm cho rễ với tên khoa

học là *Sophora flavescens* Ait thường được dùng trong chữa kiết lý ra nhiều máu. Khô sâm cho hạt với tên khoa học là *Brucea sumatrana* Roxb thường được dùng trong chữa lý amíp. Khô sâm mà ông Lê Văn Hoàn dùng trong bài thuốc này là khô sâm cho lá với tên khoa học là *Croton tonkinensis* vị đắng, mùi hơi hắc, tính mát, thanh nhiệt, tiêu độc, sát trùng, không những dùng trong chữa kiết lý có máu, mũi, mà dùng cả trong chữa viêm loét dạ dày hành tá tràng. Cát sâm vị ngọt tính bình, hỗ trợ trung ích khí, có tác dụng dưỡng tỳ trừ hư nhiệt. Mộc miên vị đắng, tính chất, thu sáp, thông huyết. Nam mộc hương vị đắng, tính lạnh, được dùng trong chữa đau bụng, đầy bụng, khó tiêu. Đại bì tính ấm, tiêu đờm, tán phong hàn. Đan bì hoạt huyết, giảm đau. Chi tử thanh nhiệt, tả hỏa. Đại hồi cay ấm, tán hàn, dùng trong chữa đau bụng, đầy chướng, nôn mửa. Rễ sim mát huyết. Nga truật vị đắng, cay, tính ấm, hành khí, tiêu tích, được dùng trong chữa ăn uống không tiêu, đau bụng, mửa nước chua. Tóm lại, bài thuốc gồm những vị kể trên chữa đau bụng ở một phạm vi rộng từ dạ dày cho đến đại trường; đồng thời có chú ý đến điều hòa cơ thể nên có thể dùng cho những bệnh nhân tương tự như trường hợp bệnh nhân Bùi Văn Tú được lương y Lê Văn Hoàn trình bày bệnh án cụ thể.

CHỮA KIẾT LY ĐAU BỤNG

Bài thuốc áp dụng hàng ngày của ông THIẾT tại phòng nghiên cứu đông y.

Công thức :	- Lá cây nhót	200g.
	- Lá bạc thau	300g.
	- Nam mộc hương	200g.
	- Bình lang	100g.
	- Rau dấp cá	200g.
	- Chi xác	100g.

Cách chế, cách dùng : Các thứ sao ròn tán bột, trộn hồ vào mật ong làm viên phơi khô, đun sáp ong làm vỏ bên ngoài, viên to bằng hạt ngô.

Ngày uống 3 lần, mỗi lần 15 viên, tiêu với nước chè vối (uống sáng, trưa và tối).

Kiêng kỵ : Các chất lạnh, mỡ, ốc, ếch, các thứ khó tiêu.

BÌNH LUẬN

Nhân dân có dùng lá nhót tươi hay phơi khô để chữa ỉa, cảm sốt. Lá bạc thau (còn gọi là bạc sau) vị đắng, tính mát, có tác dụng thanh nhiệt, giải độc, sát trùng, tiêu viêm. Nam mộc hương còn gọi là "rụt" vị đắng, tính lạnh, có tác dụng chữa đau bụng, đầy bụng, khó tiêu, kiết lý, trúng độc thức ăn. Bình lang tức "cau" dùng hạt vị chát, hạ khí, hành thủy, sát

trùng, cầm máu; rau dấp cá vị cay, mùi tanh, tính mát, trừ nóng, giải độc. tiêu viêm. Chỉ xác tức quả cháp già vị đắng, mùi thơm, tính hơi lạnh thông khí trệ, thông trường vị, trừ đờm, tiêu thực. Tóm lại 6 vị thuốc trên đây chủ yếu chữa kiết lý, đau bụng ở thể nhiệt.

CHỮA ĐAU BỤNG ỈA CHẢY

(cả người lớn và trẻ em)

Bài thuốc của ông Thiết ở phòng nghiên cứu Đông y, thị xã Hòa Bình.

Công thức :

- Nụ cây sim	500g.
- Hạt sa nhân	200g.
- Búp lá ổi	300g.
- Lá bông bong	300g.
- Lá cây nhót	500g.

Cách chế : Các thứ thuốc trên đều dùng khô, tán bột, hồ làm viên như hạt đậu, phơi khô bỏ lọ kín, dùng hàng ngày.

Cách dùng : Ngày uống 30 viên chiều với nước chè vối, chia làm 3 lần : sáng, trưa, tối, mỗi lần uống 10 viên.

Kiêng kỵ : Các chất tanh và các chất khó tiêu.

BÌNH LUẬN

Nụ sim vị chát, tính bình, cầm ỉa, giảm đau, có thể dùng độc vị cũng chữa được đau bụng đi ỉa như là : dùng 7 nụ tươi nhai nuốt với rượu hoặc nước ấm. Hạt sa nhân vị cay, tính ấm, hành khí, tiêu thực, an thai, giảm đau, thường được dùng trong chứng ăn không tiêu, đi tả, đau bụng, đầy chướng. Búp lá ổi vị đắng chát, tính ấm; búp ổi non và lá ổi non là một vị thuốc chữa đau bụng đi ngoài theo kinh nghiệm nhân dân từ lâu đời. Người ta hay dùng búp non hay lá non sắc độc vị.

mỗi ngày có thể dùng 20 - 30g (cho thêm 10 - 15g gừng - nếu có thì càng tốt). Lá bông bong (còn gọi là thông bong) vị hơi chua, tính lạnh, lợi tiểu, giải độc, tiêu sưng, cầm máu, thường dùng nhiều trong chữa đái dầm, đái buốt ở đây. Ông Thiết dùng lá bông bong nhằm thêm về mặt tiêu viêm, giải độc, cầm máu (nếu có) trong đau bụng đi ỉa. Lá cây nhót vị chua chát, tính mát, thanh nhiệt, tiêu độc, cầm máu, cũng thường được dùng trong chữa đau bụng đi ngoài, nhất là do kiết lỵ. Ông Thiết tập trung 5 vị thuốc ở trên có thể chữa được đau bụng đi ỉa do nhiều nguyên nhân xảy ra trong hệ thống tiêu hóa: nhưng nếu xét nghiệm phân nắm chắc được là nguyên nhân do giun đũa thì dùng thêm phương thuốc có *sứ quân tử* (tức quả giun). Nếu xét nghiệm phân nắm chắc được là nguyên nhân do ký sinh trùng a míp thì dùng thêm phương thuốc có *nhu đàm tử* (tức hạt sấu đầu cứt chuột) v.v... thì hiệu nghiệm càng rõ ràng hơn. Về liều lượng thuốc viên chế bằng 5 vị thuốc trên, ông THIẾT có hướng dẫn ngày uống 30 viên : đó là liều lượng dùng cho người lớn. Còn trẻ em thì nên bớt liều lượng dùng. Thí dụ với trẻ em dưới 10 tuổi thì dùng mỗi ngày 9 - 15 viên cũng chia làm 3 lần trong ngày.

CHỮA ĐẦY BỤNG, ĂN UỐNG KHÔNG TIÊU

Bài thuốc của mẹ Đinh Thị Ngâu tức mẹ Liễu ở xã Trung Minh huyện Kỳ Sơn tỉnh Hòa Bình.

Công thức :

- Vỏ cây biêu.
- Cây võng cách.
- Lá cà phê.

Cách chế : Các thứ rửa sạch, băm nhỏ, phơi khô sắc uống.

BÌNH LUẬN

Vỏ cây biêu (còn gọi là sơn tra) tính hơi ấm, có tác dụng tiêu thực; ngoài chữa đầy bụng, còn dùng chữa trong chứng đau bụng, đau dạ dày. Võng cách chỉ mới thấy được dùng trong phạm vi kinh nghiệm nhân dân, thông thường dùng lá chữa ỉa, thông tiểu tiện, giúp sự tiêu hóa; dùng rễ chữa đau bụng, ăn uống không tiêu, chữa sốt. Lá cà phê vị đắng, mùi thơm, tính ấm, có tác dụng giúp ăn uống mau tiêu. Xét công dụng của từng vị nói trên thì phương thuốc này dùng chữa đầy bụng, ăn uống không tiêu sẽ thu được hiệu quả nhanh chóng. Liều lượng cả 3 vị thuốc có thể bằng nhau (mỗi vị từ 20 - 50g tùy theo tuổi người lớn hay trẻ em).

CHỮA GIUN, BỤNG ỎNG DA VÀNG

Bài thuốc của mẹ Hà Thị Hai tức mẹ Lịch ở xóm Mỏ xã Chiềng Châu huyện Mai Châu tỉnh Hòa Bình.

Công thức :- Dây phèn phiến.

- Cây bông trang.

Cách chế : 2 thứ bằng nhau, thái nhỏ, phơi khô, đun uống.

Cách dùng : Đun uống hàng ngày thay nước chè với.

Kiêng kỵ : Kiêng ăn các chất bổ trong khi dùng thuốc này.

Kết quả : Đã chữa nhiều người khỏi.

BÌNH LUẬN

Dây phèn phiến là tên gọi của dây sử quân tử ở miền thượng du Hòa Bình, thuốc vị ngọt, tính ấm, bổ tỳ vị, nhuận tràng, tiêu cam, trị giun đũa là chủ yếu. Mẹ Lịch không nói rõ là bông trang trắng hay bông trang đỏ; theo chúng tôi thì đây là bông trang đỏ vì loại bông trang trắng ít dùng làm thuốc. Bông trang đỏ vị nhạt, thông huyết, tán ứ, xúc tiến chức năng tiêu hóa thêm tốt. Mỗi ngày dùng phèn phiến và bông trang khô mỗi thứ vào khoảng từ 12 - 20g. Sắc uống hàng ngày thay nước chè, liều lượng mỗi lần tùy theo tuổi.

CHỮA BỆNH ĐAU MẮT CÓ MỘNG THỊT ĐỎ VÀ CHỮA BỆNH MẮT ĐỎ VÀ NGỨA SUNG GỌI LÀ XÍCH DU PHONG

Bài thuốc của mế Lịch

Công thức : Cây cỏ xước tía.

Cách chế thuốc đau mắt : rửa sạch giã nhỏ huộc vào đầu ngón tay đeo nhẫn bên cạnh ngón tay út.

Cách chế thuốc sung đỏ mắt và lở ngứa :

Lá giã nhỏ vắt lấy nước, dùng bông tẩm nước thuốc bôi vào chỗ sung, lở ngứa.

Cách dùng : a) Về đau mắt : đắp mỗi ngày một miếng thuốc.

b) Về lở ngứa : lấy nước thuốc bôi vào càng nhiều lần càng chóng khỏi.

Kiêng kỵ : Kiêng ăn tôm, cua, ốc, mè, thịt trâu trắng, thịt bò đen, thịt chó.

Kết quả : Mế Lịch đã chữa cho hàng trăm người khỏi.

BÌNH LUẬN

Cỏ xước vị đắng, tính bình, chua, không độc. Đi vào hai kinh can thận. Để sống có tác dụng phá huyết tiêu ứ. Sao chín có tác dụng bổ can thận, mạnh gân cốt. Ở đây chữa đau

mắt có mộng thịt đỏ cũng là chữa bệnh mắt đỏ và ngứa sưng, dùng độc vị cỏ xước nhằm tác dụng phá huyết tiêu ứ nên tất nhiên là dùng cỏ xước tươi để sống giã nhỏ vắt lấy nước bôi vào chỗ sưng lở ngứa thì nghe cũng hợp lý để hiểu, nhưng tại sao giã nát cây cỏ xước tươi sống đem buộc vào đầu ngón tay đeo nhẫn lại chữa được đau mắt có mộng thịt mà không cần tra thuốc ngay vào mắt đau ? Trong nhân dân thường gọi là chữa "mẹo". Chữa "mẹo" là chữa bằng cách khác với thông thường, gần như bằng một bí quyết riêng. Bí quyết này xa lạ với những người chỉ biết có y học hiện đại thuần túy, còn với giới y học châm cứu cổ truyền nắm vững y lý, được lý đông y thì không ngỡ ngàng gì cả. Về được lý đông y thì vị cỏ xước chạy vào kinh "can" mà "can" thì khai khiếu ở mắt; về y lý đông y thì từ đầu ngón tay đeo nhẫn có huyết "quan xung" chạy lên mắt tận cùng ở huyết "ty túc không" tại đuôi lông mày là đường đi qua kinh thiếu dương "tam tiêu" dẫn "khí" cùng với thuốc "cỏ xước" giã nát thấm qua da đi đến nơi mắt đau có mộng thịt đỏ. Trong châm cứu, kinh thiếu dương "tam tiêu" được sử dụng rất phổ biến trong chữa đau mắt có màng, có mộng, nhất là các huyết nằm trên quầng từ ngón tay đeo nhẫn đến cổ tay : "dịch môn", "trung chử", "đương trì". Cây cỏ xước dùng rất phổ biến trong y học cổ truyền còn có tên gọi là "Hoài ngư tít" với tên khoa học chính xác là *Achyranthes bidentata*. Ta còn dùng một loài cỏ xước cũng gọi là ngư tít cùng một thông dụng với "hoài ngư tít" nhưng với tên khoa học chính xác là *Achyranthes aspera*. Lại còn có một loại ngư tít có thân lá và rễ đỏ cùng loại *Achyranthes bidentata* thường có tên là "hồng căn thảo", công dụng cũng như hoài ngư tít. Cây cỏ xước tía mà mế Lịch phổ biến có thể là loại ngư tít với tên là "hồng căn thảo"; mế Lịch cho biết là đã dùng

cây cỏ xước tía chữa được hàng trăm người khỏi bệnh. Vậy chọn được cỏ xước tía như mế Lịch phổ biến trụng hơn; bằng không thì dùng "hoài ngư tít" sống hoặc không có nữa thì dùng cây cỏ xước tướt với tên khoa học là *Achyranthes aspera* cũng được vì cả 3 loại ngư tít đó đều cùng thuộc họ rau dền (*Amaranthaceae*) và cùng công dụng như nhau.

CHỮA TRÀNG NHẠC

Bài thuốc của ông Đinh Văn Cẩn tức bố Bảy ở xóm Xây, xã Thái Bình, huyện Kỳ Sơn, tỉnh Hòa Bình.

Triệu chứng : thấy nổi hạch xung quanh cổ như vòng nhạc ngựa đeo cổ thì dùng bài thuốc sau :

Công thức :

- Thạch sùng
(nong nóc hoặc gọi là mối) 10 con trắng.
- Tắc kê 5 con.
- Gạo cẩm 500 gam.
- Đỗ đen 500 gam.

Cách chế : gạo cẩm, đỗ đen sao chín giã nhỏ xay bột; tắc kê và thạch sùng đập chết, xấy ròn tán bột giã nhỏ trộn lẫn đỗ đen và gạo cẩm; trộn đều (4 thứ cùng tán) giã thật kỹ. Cho 1 lít rượu hòa vào đủ dẻo viên được thì thôi; song đem viên bằng hạt ngô, rồi đem phơi khô bỏ vào lọ bịt kín.

Cách dùng : ngày uống 15 viên chia làm 3 lần : sớm, trưa, tối, uống vào lúc đói, mỗi lần 5 viên. Trẻ em uống bằng 1/2 người lớn.

Kiêng kỵ : toàn bộ chất chua, chất nóng và các thứ hoa quả.

Thời gian uống : bệnh nhẹ từ 1 tháng trở lên là khỏi bệnh nặng từ 3 đến 6 tháng là khỏi.

BÌNH LUẬN

Thạch sùng vị mặn, tính hàn, hơi có độc, có tác dụng trừ phong, tiêu hờn cục. Trong dân gian có thấy chữa bệnh tràng nhạc bằng cách bắt thạch sùng cho vào chuỗi mà nuốt sống, mỗi ngày nuốt 1 hoặc 2 con. Tác kè vị mặn, tính bình không để mất đuôi, có tác dụng tráng dương bổ toàn thân, thường dùng chữa yếu sức, yếu phổi ho hen, liệt dương. Gạo cẩm và đỗ đen vị ngọt nhạt, bổ khí huyết chống hư nhược. Bài này gồm có 4 vị, dùng thạch sùng làm "quân", tác kè làm "thần", gạo cẩm, đỗ đen làm "tả sử", thạch sùng dùng toàn con cả ruột. Chú ý bảo vệ lấy đuôi. Thạch sùng có nhiều loại; người ta thường dùng tất cả những con màu trắng bắt được ở trên tường và trần nhà.

Tràng nhạc thuộc loại lao hạch nên chữa phải kiên trì cần lâu ngày và phải kèm theo bồi dưỡng cơ thể. Trong bài thuốc có dùng gạo cẩm và đỗ đen cũng là góp một phần trong bồi dưỡng khí huyết cho cơ thể.

CHỮA VIÊM HẠCH HẠNH NHÂN (A-MI-ĐAN)

Bài thuốc của ông Nguyễn Văn Rội tức bố Núi ở xóm Đầm xã Dân Chủ, huyện Kỳ Sơn tỉnh Hòa Bình.

Công thức :	- Vỏ cây rụt đỏ	200g.
	- Hạt giổi	100g.
	- Cỏ xước	200g.
	- Mỡ gà	50g.
	- Mỡ con kỳ đà	10g.
	- Mỡ trăn	5g.

Cách chế : Các thứ giã nát trộn đều với nhau cho thêm đường và chút nước cho dễ uống.

Kết quả : Đã chữa nhiều người khỏi (trong số đó có cháu Ninh 8 tuổi ở xóm Đầm, cháu Dục 16 tuổi ở xóm Đầm xã Dân Chủ).

BÌNH LUẬN

Đây là một phát hiện của dân tộc miền thượng du Hòa Bình : cây thuốc dùng kết hợp với mỡ động vật để chữa viêm hạch hạnh nhân mà thấy có tác dụng tốt. Về liều lượng từng vị thuốc thì cây thuốc dùng nhiều hơn mỡ động vật. Cây rụt còn gọi là một hương nam hay bùi tía mọc hoang ở rừng núi. Dùng thứ vỏ cây sắc đỏ tía là tốt. Do đó bố Núi ghi rõ là vỏ cây rụt đỏ (thông thường người ta chỉ gọi đơn giản là vỏ cây rụt); không được vỏ rụt sắc đỏ tía thì dùng thứ

đen xanh nhiều thịt cũng tốt. Thứ vỏ xộp vàng là xấu. Nếu lấy tươi về thì khi dùng cạo bỏ lớp vỏ đất ở ngoài rồi thái mỏng, phơi khô. Vỏ rứt vị đắng, tính lạnh, thông kinh, tiêu thực, tiêu đờm giải độc. Cỏ xước trong bài thuốc này là cây thuốc mọc hoang ở nước ta chứ không phải cây ngưu tất của Trung Quốc (tức là cỏ xước Bắc). Cây cỏ xước của ta rất giống cây ngưu tất của Trung Quốc, nhưng rễ ngưu tất của Trung Quốc to và dài. Cỏ xước ở nước ta có ít rễ nên dùng làm thuốc thường phải dùng cả rễ lẫn gốc hay cả cây như trong bài thuốc này. Cỏ xước vị chua, hơi mặn, tính bình, không độc, dùng sống có tác dụng phá huyết, tiêu ứ, làm giảm sưng đau, tê nhức. Hạt giổi vị cay tê, tính ấm, không độc, có tác dụng tiêu trừ tích trệ, hoạt huyết, tiêu ứ, khu phong trừ thấp, tiêu hàn đờm. Độc đáo của bài thuốc này là có dùng mỡ gà, mỡ kỳ đà và mỡ trăn mà từ xưa đến nay, nhiều nơi trong nước chưa thấy dùng (đây là chỉ nói đến mỡ của 3 loại động vật ấy; còn nhiều bộ phận khác trong gà, kỳ đà và trăn lâu nay vẫn được dùng phổ biến trong chữa bệnh; riêng về mỡ trăn, thường thấy nói bôi lên da có tác dụng làm râu tóc không mọc ra ngoài mà lại mọc ngược vào trong, nhưng cho đến nay vẫn chưa thấy ai kiểm tra lại cho rõ thực hư nữa). Theo ý chúng tôi mỡ gà, mỡ kỳ đà, mỡ trăn dùng trong bài thuốc này nhằm tăng cường tác dụng hoạt huyết, tiêu ứ, giải độc và làm giảm sưng đau tê nhức của 3 vị thuốc thực vật là vỏ cây rứt đỏ, hạt giổi, cỏ xước.

CHỮA VIÊM MŨI CHẢY MÁU CAM

Bài thuốc của ông bố Núi (tức ông Nguyễn Văn Rọi) ở xóm Đầm, xã Dân Chủ, huyện Kỳ Sơn, tỉnh Hòa Bình.

Triệu chứng : Đau đầu, sổ mũi, hãm háp nóng, mũi sưng lên

Công thức : - Tổ bọ ngựa 50g (tổ tồ vờ)
- Đầu cá trạch 100g.
- Hương đen cạo ra 50g.

Cách chế, cách dùng : các thứ trên sao khô, tán ra thành bột, sau lấy 1/2 lượng gừng tán ra pha cùng với các thuốc trên vào rượu, đoạn lấy bông tẩm rượu thuốc xoa vào hai lỗ mũi, đánh vào hai thái dương và đỉnh đầu.

Kiểm kỵ : tránh ra ngoài nắng, còn thì ăn không cần kiêng kỵ gì cả.

Phản ứng : không

Kết quả : Đã chữa nhiều người khỏi. Cụ thể em Sâm 16 tuổi xóm Đầm và bà Dân xóm Bãi Yên.

BÌNH LUẬN

Cũng như con sên, các cuốn dược điển đông y phổ biến trong nước hiện nay không thấy nói đến "cá trạch" nhưng đại danh y Việt Nam Hải Thượng Lãn Ông xưa kia cho biết rõ là : "thu nư tục gọi là con trạch" mạnh dương, bổ huyết, khí tăng thêm, không độc, ngọt, bình, ở đầm trạch, nóng, mê, trĩ, khát,

chữa khỏi sạch ("Lĩnh nam bản thảo" - trang 65). Về tổ bọ ngựa, bố Núi cho thêm là tổ tò vò. Nhưng theo sách "Lĩnh nam bản thảo" thì tổ bọ ngựa và tổ tò vò là 2 vị thuốc khác nhau. Lãn Ông cho biết "thỏ phong sào là tổ tò vò", để khử hoặc loạn tả khỏi ngay, không độc, khí bình mà vị ngọt, chữa phong, đầu choáng, tiêu mụn nhọt. Còn "tang phiêu tiêu là tổ bọ ngựa" không độc, ngọt bình, hay bổ trợ, sát khối âm nuy, lưng nhức đau. Năm chứng lâm, mộng tiết, kinh ứ ("Lĩnh nam bản thảo" - trang 56). Căn cứ theo dược lý mà Lãn Ông cho biết về hai vị thuốc đó thì chúng tôi thiết tưởng ông bố Núi đã dùng tổ tò vò mà gọi lầm tên là tổ bọ ngựa.

CHỮA CẢM NGẮT ĐỘT NGỘT

Bài thuốc của ông Trần Doanh Tường xóm Đội xã Hợp Động huyện Kim Bôi tỉnh Hòa Bình.

Chứng bệnh : Đang khỏe, bỗng nhiên lặn ra, sùi bọt mép, người cứng đờ, mắt trợn ngược, mồm cắn chặt, thở rất yếu, mạch đập rất nhỏ gần như không bắt được, tim đập nhẹ.

- Công thức :**
1. Lá hương nhu.
 2. Lá trầu không.
 3. Lá ngải cứu.
 4. Lá diếp cá.
 5. Gừng gió.

Cách chế, cách dùng : Các thứ trên giã nát trộn với nước tiêu (bất cứ nước tiêu trẻ em, người lớn, nam nữ đều được) song lấy nước ấy xoa chân tay, đầu mặt, trong thân người ở toàn bộ cơ thể. Lấy bã buộc chặt vào 2 gan bàn tay và 2 gan bàn chân, rốn và trán đắp và buộc cho chặt, (những chỗ cần buộc chặt như rốn, trán, gan bàn tay, gan bàn chân để khỏi rơi thuốc ra). Lấy chăn quấn đắp vào người bệnh để một lúc thì người bệnh sẽ hồi lại, lúc đầu có thể sẽ nấc lên một tiếng, dần dần mắt sẽ đưa đi đưa lại được bình thường, khoảng nửa giờ sau sẽ bình phục như thường.

Kiên kỵ : Không.

Phản ứng thuốc : Không.

Kết quả : Đã chữa được nhiều người (trong đó có đồng chí Bùi Văn Nà ở xóm Đội và đồng chí Bùi Văn Khuyên ở

xóm Trại thuộc xã Hợp Động huyện Kim Bôi tỉnh Hòa Bình.
sau khi chữa khỏi lại lao động bình thường như trước).

BÌNH LUẬN

Lá hương nhu vị the, mùi thơm, tính ấm, giải cảm, thanh nhiệt. Lá trầu không vị cay, mùi thơm, tính ấm, tán phong hàn thấp, tiêu đờm, hạ khí, kích thích tiêu hóa và thần kinh, tiêu viêm, tiêu độc, sát trùng. Trong nhân dân, đầu tiên chữa cảm mạo, thường dùng độc vị trầu không đánh gió xương sống từ trên xuống dưới và chữa đau bụng lạnh, đầy hơi, nấc. Thấy nhiều nơi hay dùng độc vị lá trầu không hơi héo đắp lên rốn rồi nịt bụng lại cũng thấy có công hiệu. Lá diếp cá (có nơi gọi là đắp cá) tức ngư tính thảo, vị cay, chua, mùi tanh, tính mát, trừ nóng, giải độc, tiêu viêm. Gừng gió vị cay, mùi thơm hăng, tính nóng, phát tán phong hàn, ẩm tỳ vị, rất hay dùng trong chữa cảm phong hàn, nôn mửa, đau bụng trướng đầy. Nước tiều nói chung của người lớn, trẻ em đều vị mặn, mùi khai, tính mát, giáng hỏa, trừ phong, hay được dùng trong chữa choáng váng, cảm nắng, trúng phong. Từng vị thuốc ông Trường dùng cũng đã được nhân dân dùng có kinh nghiệm trong chữa cảm mạo nói chung. Có điều đáng chú ý là 5 vị thuốc ông Trường dùng già nát trộn với nước tiều đều có tỏa mùi kích thích thần kinh người bệnh bị ngất đột ngột do trúng phong (như mùi thơm của hương nhu, gừng gió, trầu không, ngải cứu, mùi tanh của đắp cá và nhất là mùi khai của nước tiều). Xoa khắp người bằng nước thuốc kể trên tức là có phối hợp thêm phương pháp xoa bóp cổ truyền đẩy thêm tác dụng kích thích làm cho bệnh nhân hồi tỉnh lại. Sau khi xoa thuốc xong, liền buộc chặt bã thuốc vào các gan bàn tay, bàn chân, trán và rốn là tiếp tục tác động

vào những nơi thần kinh dễ nhạy cảm, trực tiếp tác động nhanh vào não, vào các nội tạng ở trong khoang bụng và vào đầu tứ chi. Ông Tường chưa nói rõ liều lượng dùng của từng vị thuốc. Theo ý chúng tôi thì dùng gừng một củ (càng to càng tốt) còn 4 thứ khác thì mỗi thứ 1 nắm. Đổ nước tiểu ngập lên trên thuốc đã giã nát, trộn đều, rồi ép lấy nước thuốc đó xoa cho bệnh nhân. Nếu xoa thêm nước thuốc thì lại pha thêm nước tiểu vào bã thuốc lần thứ hai và cứ thế làm như lần thứ nhất.

CHỮA CẢM CÚM, NÓNG RÉT, NHỨC ĐẦU, HO, NGẠT MŨI, KHÓ THỞ

Bài thuốc của ông THIẾT ở phòng nghiên cứu Đông y thị xã Hòa Bình.

Công thức :

- Củ sả	500g	- Chàm cây khế	300g
- Lá cây duối	200g	- Bạch hà	100g
- Lá cối xay	300g	- Lá đại bi	200g.
- Tía tô	200g	- Quế thông	10g
- Kinh giới	200g	- Thạch xương bồ	200g.

Cách chế, cách dùng : Các thứ phơi khô, sao vàng, hạ thổ, tán bột hồ làm viên phơi khô bỏ lọ kín, ngày uống 3 lần : sáng, trưa, tối; mỗi lần uống 15 viên, chiêu với nước nóng, rồi đắp chăn đi nằm, kỵ gió.

Kiêng kỵ : Thịt gà, cá chép, trứng gà, trứng vịt.

BÌNH LUẬN

Củ sả vị the, mùi thơm, tính ấm, trừ phong, giảm đau, thông kinh lạc, giúp tiêu hóa, thông khí, dùng trong chữa cảm sốt, ho, no hơi sinh bụng. Lá cây duối vị đắng chát, tính mát, thanh nhiệt, giải độc, thông huyết, sát trùng, dùng trong chữa các chứng nhiệt có gây nóng rét. Lá cối xay vị đắng, tính bình, thanh nhiệt, tiêu độc, mát huyết, lợi tiểu, được dùng để chữa cảm sốt, nóng ho, nhức đầu. Tía tô vị cay, mùi thơm, tính ấm, phát tán phong hàn, hạ khí, giải uất, hóa đờm. Trong

bài thuốc này, chủ yếu dùng nhiều về lá để chữa ngoại cảm phong hàn, tức ngực nôn mửa. Quế thông vị cay, ngọt, mùi thơm, tính ấm, phát tán phong hàn, được dùng trong chữa ngoại cảm. Chàm cây khế thanh nhiệt, mát huyết. Bạch hà vị cay, mùi thơm đặc biệt, tính mát, phát tán phong nhiệt, trị cảm nóng, ho, nhức đầu, đau cổ họng. Lá đại bi vị cay, đắng, mùi thơm nồng, tính ấm, phát tán phong hàn, sát trùng, giải cảm, trị ho. Kinh giới vị cay, mùi thơm, tính ấm, phát tán phong hàn, thông huyết mạch, thường được dùng chữa cảm hàn, cúm. Thạch xương bồ vị thè, mùi thơm, tính ấm, khai khiếu, thông khí, trục đờm, giải độc, sát trùng, giúp tiêu hóa, vào hai kinh tâm và can, trị tâm thống, tay chân quyết lạnh. Ông THiết phối hợp 10 vị thuốc nói trên để dùng bao quát cho được mọi người mắc tứ thời cảm mạo nói chung với những triệu chứng chủ yếu đã nêu lên ở phía trên công thức của bài thuốc. Nếu viên bằng hạt ngô thì mỗi lần dùng 15 viên là liều lượng dùng của người lớn; với trẻ em thì nên giảm bớt liều lượng tùy theo tuổi.

CHỮA ĐAU ĐẦU

Bài thuốc của ông Đinh Văn Cận tức bố Bảy ở xóm Xây xã Thái Bình huyện Kỳ Sơn tỉnh Hòa Bình.

Công thức :

- | | |
|---------------------|------------------------|
| - Hạt bí đỏ sao 20g | - Lá cỏ đinh 20g. |
| - Củ gừng gió 20g | - Lá cây chót 20g. |
| - Lá guồng chi 20g | - Bồ kết đốt cháy 15g. |
| - Lá trầu không 20g | - Lá quả gấc. |

Cách chế, cách dùng : Các thứ trên giã nhỏ, dồn lại cho ít nước, sào nóng, bỏ vào khăn đắp vào đầu. Khi nguội thì sào lên đắp đi đắp lại 3 lần, sau thay thuốc khác.

Kết quả : Đau đầu đầu đắp thuốc vào thấy dịu ngay.

BÌNH LUẬN

Chữa đau đầu, nhân dân thường dùng dùng thịt quả bí đỏ nấu canh ăn, hơn là dùng hạt có tác dụng chữa sán nhiều hơn. Có thể do chất cucurbitin trong hạt ít nhiều làm tê thần kinh nên giảm được đau đầu. Cỏ đinh (còn gọi là cỏ dùi trống hay cỏ tình thảo) có tác dụng nhuận gan, chữa đau mắt, nhức đầu. Lá trầu không tán phong hàn thấp, hạ khí, thường được dùng trong chữa cảm mạo (như dùng trầu đánh gió) và chữa sưng nhức đau (như giã lá trầu đắp chung quanh chỗ nhiễm trùng, sưng nhức). Bồ kết trừ phong phá tích, thông khiếu, giảm đau. Cả bài thuốc này nhằm tác dụng khu phong tán hàn, trừ thấp, chỉ thống nên làm dịu dần đau đầu mỗi lần đắp thuốc.

CHỮA SỐT RÉT

Bài thuốc của lương y Khuất Văn Giảng, phó ban y tế Tích Giang huyện Ba Vì tỉnh Hà Tây.

Công thức : - Thổ phục linh 1 lượng sao.
- Thảo quả 3 đồng cân (không sao).
- Bình lang 5 đồng cân (sao).
- Thường sơn 5 đồng cân (tẩm rượu sao).

Cách chế, cách dùng : 4 vị thuốc trên đem tán thành bột mịn viên bằng hạt đậu.

Người lớn mỗi ngày dùng 30 viên, chia làm 2 lần, uống với nước nóng.

Đối với trẻ em vào khoảng 5 - 10 tuổi, chỉ dùng mỗi ngày 10 viên, cũng chia làm 2 lần uống.

Chú ý : a) Uống thuốc trước khi lên cơn sốt.

b) Trẻ em dưới 5 tuổi và phụ nữ có thai không nên dùng.

BÌNH LUẬN

Thảo quả vị cay, mùi thơm, tính ấm, trục hàn, ráo thấp, trừ đờm, tiêu tích, ấm bụng, xưa nay vẫn được dùng trong chữa sốt rét, chữa bụng, ngực chướng đau do tích đờm, tích nước (đàm ẩm). Bình lang tức là cau dùng hạt, vị chát, hơi cay kèm đắng đắng, tính ấm, hạ khí, hành thủy, sát trùng, cầm máu, xưa nay vẫn được dùng trong chữa sốt rét phối hợp với thường sơn. Thường sơn vị đắng, tính lạnh, hành thủy, triệt sốt rét, làm thổ đờm. Vào tháng 5, người ta hái lá

thường sơn tước bỏ sống, đồ chín phơi khô, khi dùng thái nhỏ, tẩm rượu sao để loại chất gây nôn. Ở đây ông Giảng dùng thổ phục linh với liều cao hơn cả 3 vị thuốc khác (liều gấp đôi thường sơn và bình lang, gấp hơn 3 lần thảo quả) là nhằm nhiều về tác dụng tẩy độc cơ thể, bỏ dạ dày, khử gân cốt, làm cho ra mồ hôi, chữa đau khớp xương (theo các sách đông y, đông dược thì thổ phục linh vị ngọt, tính bình vào hai kinh can và vị). Riêng về vị thường sơn, ngoài tẩm rượu sao để loại chất gây nôn. Lãn Ông có đề xuất một cách bào chế để có thể dùng được cả cho trẻ em và phụ nữ có thai khi cần thiết. Ông ghi trong : "Y trung quan kiện" : "Chữa bệnh sốt rét bất cứ ông già hay trẻ em, người có thai hay sản phụ đều có công hiệu trong chốc lát, chỉ một vị thường sơn là thánh dược chữa sốt rét. Tôi thấy phép bào chế của người đời không đúng ... đến nổi uống vào là nôn ngay. Nôn nhiều thì hại dương, nguyên khí càng bị hao tổn; ngược lại tà sẽ mạnh thêm, làm cho người bệnh khát nhau mà sợ như sợ độc "nhân ngôn" thật là không xét đến nơi. Mỗi khi tôi dùng thường sơn là lấy dấm thanh thật chua nấu kỹ sao chín thời công liễm nạp càng thấy rõ, không thể nôn thốc lên được. Hãy cố gắng làm như thế vì nó là thuốc tiên cứu người; lâu nay bị bọn mù điếc gièm pha, nên tôi phải nêu ra đây để biết rõ ràng" (xem bản dịch : "Y trung quan kiện" của Lãn Ông - trang 33 và 34). Bài thuốc gồm 4 vị nói trên là một bài thuốc làm dịu được cơn sốt rét khi thiếu ki-nin.

CHỮA CHỨNG PHÙ THŨNG

Bài thuốc do cụ Bùi Văn Long, lương y bệnh viện Tân Lạc, tỉnh Hòa Bình cống hiến.

Lịch sử bài thuốc : Bài này do cụ Long trích trong pho sách "Hành giản trên nhu" của cụ Hải Thượng Lãn Ông

Công thức, cách chế :

- Diêm tiêu 1 lượng.
- Khương hoàng 1 lượng.
- Mộc thông 1 lượng.
- Hương gạo 1 lượng (lấy cả cây, lá, rễ).

Ba vị dưới bỏ vào nồi đất, đổ 3 bát nước đun cạn lấy 1 bát rồi bỏ bã đi, lấy bát nước ấy lại bỏ diêm tiêu vào đun sôi lên cho tan diêm tiêu.

Cách uống : Mỗi ngày 2 lần uống : 8 giờ sáng và 4 giờ chiều. Khi uống phải pha 1/2 chén rượu, uống xong ăn ngay 4 khẩu mía, uống 1 thang mà khỏi rồi thì không phải uống nữa. Nếu chưa khỏi thì tiếp tục uống 2 thang nữa là khỏi.

Kong kỵ : Dấm mẻ, đồ chua, muối, cá chép, không kiêng nước mắm.

Kết quả : Bài này chữa có kết quả rất tốt.

BÌNH LUẬN

Diêm tiêu (còn gọi là tiêu thạch) vị đắng, tính lạnh, trực thủy, phá tích là thứ thuốc thuộc chất khoáng (loại muối), y học cổ truyền vẫn dùng trong chữa phù thũng. Mộc thông vị

nhạt, hơi đắng, tính mát, lợi tiểu, thông tia sữa. Hương mao (tức là cây sà) vị the, mùi thơm, tính ấm, có tác dụng làm cho ra mồ hôi, thông lợi tiểu tiện đồng thời làm tiêu thức ăn. Khương hoàng tức là nghệ vàng vị cay, đắng, mùi hắc, tính ấm, có tác dụng hành khí, phá ứ, thông kinh, tiêu thực. Tóm lại cả bài thuốc gồm 4 vị nói trên thúc đẩy chức năng bài tiết nước tiểu đồng thời kích thích chức năng tiêu hóa. Theo ý chúng tôi cả bài thuốc đó nhằm chủ yếu chữa chứng phù thũng do thiếu dinh dưỡng (thiếu Prô-tê-in); vì vậy mà trong phần kiêng kỵ cụ Bùi Văn Long theo Lãn Ông là bảo phải kiêng muối do muối giữ nước lại trong cơ thể mà bảo không kiêng nước mắm do trong nước mắm (nhất là nước mắm cốt) có rất nhiều chất Prô-tê-in (nhưng dầu có dùng nước mắm cốt mỗi lần cũng nên vừa phải thôi vì trong nước mắm có muối). Ngoài chữa chứng phù thũng do thiếu Prô-tê-in, bài thuốc của Lãn Ông còn có tác dụng chữa phù thũng do thiếu ka-li vì thế nên trong hướng dẫn cách uống thuốc, cụ Bùi Văn Long theo Lãn Ông là bảo uống xong thuốc ăn ngay 4 khẩu mía do nước mía ngoài chất đường sacaroda 20% có chứa đến 35 - 40% per-oxyt ka-li (K_2O). Bài thuốc này cũng có tác dụng trong chữa phù thũng do dị ứng hoặc phù do nội tiết (hormôn). Lãn Ông có ghi lại trong "Hành giản trân nhu" - ở mục "phù thũng" - là một phương thuốc đã kinh nghiệm (trong chữa phù thũng) và còn ghi : "nước mắm, thịt lợn, rau cải có thể ăn được; thuốc này nấu để dành càng lâu càng tốt".

CHỮA BỆNH LỞ NGỨA, CHÀNG ÉCH DI MA (eczema)

Bài thuốc của mế Lịch (tức bà Hà Thị Hai) ở xã
Chiềng Châu huyện Mai Châu tỉnh Hòa Bình.

- Công thức :**
1. Co xóm hiệc (dây chìa vôi).
 2. Co pùng pính (cây bọ nẹt hay bọ mảy
tắm ghè)
 3. Co pạt (cây nhội).

Cách chế : Lấy lá giã nhỏ bôi vào chỗ đau.

Cách dùng : Hàng ngày bôi thuốc, càng nhiều càng chóng
khỏi hoặc dùng các lá này rửa sạch chỗ đau rắc vào.

Kiêng kỵ : Mẻ, tôm, cá, thịt gà, thịt trâu trắng và bò đen,
đủ đủ.

Kết quả : Mế Lịch đã chữa cho hàng trăm người khỏi
bệnh.

BÌNH LUẬN

Ba vị mà mế Lịch nêu ra đây đều thấy phổ biến dùng
trong nhân dân chữa lở ngứa. Như là dùng cao lá nhội bôi vào
âm đạo lở ngứa nguyên nhân do trùng roi âm đạo (*trichomonas
vaginalis*) hoặc dùng nước sắc lá nhội ngồi ngâm. Hoặc như
là dùng lá bọ nẹt hay bọ mảy nấu nước tắm chữa lở ghè.
Hay như là dùng dây chìa vôi uống trong và đắp ngoài giã với
muối để chữa ung nhọt. Vì 3 vị này đều tính mát, thanh nhiệt,
lương huyết, sát trùng, chỉ về dược vị là có khác nhau. Bọ

mây còn gọi là đại thanh, vị đắng. Nhội còn gọi là thu phong, vị chua chát; còn chia vôi (còn gọi là bạch phấn đắng) vị đắng, chua mà hơi the. Nhưng ngoài chữa ung nhọt, dây chia vôi hay được dùng nhiều trong chữa đau xương nhức với được tính nó có nhiều hơn bọ mây và nhội là trừ phong thấp, lợi tiểu, phá huyết, thông kinh cho nên mế Lịch đã phối hợp nó với bọ mây và nhội để chữa cả chàm ếch-di-ma vốn hay rỉ nước. Và chúng tôi cũng cho là những thể bệnh lở ngứa mà mế Lịch đã chữa với bài thuốc này phần nhiều cũng hay bị rỉ nước cho nên trong cách dùng mế Lịch mới có hướng dẫn thêm hoặc rửa sạch chỗ đau rồi dùng các lá của 3 cây thuốc nói trên mà rắc vào (tất nhiên là lá thuốc cũng phải giã nhỏ hay tán thành bột). Duy mế Lịch chưa nói rõ liều lượng của từng vị trong bài thuốc là bao nhiêu. Theo ý chúng tôi thì có thể dùng liều lượng của 3 vị thuốc đó ngang nhau mà nên dùng lá tươi thì tốt hơn.

CHỮA LIỆT DƯƠNG

Bài thuốc của ông Nguyễn Văn Rọi tức bố Núi ở xóm Đầm, xã Dân Chủ, huyện Kỳ Sơn, tỉnh Hòa Bình.

Công thức :	- Láo ma (mộc tặc)	200g.
	- Ngô trâu (mọc mạch)	300g.
	- Rễ cây khế (sậy)	300g.
	- Rễ cây chung (tức cây lau đá)	300g.
	- Lá màng tang	200g.
	- Lá đừa ăn quả	200g.
	- Lá hồi	300g.

Cách chế, cách uống : Các thứ băm nhỏ, rửa sạch, phơi khô nấu như nước chè, uống thường xuyên.

Kiêng kỵ : Không.

Phản ứng : Trong khi uống thuốc, có thể sốt hoặc rét nhưng không việc gì.

Kết quả : Đã chữa nhiều người khỏi (trong đó có ông Lụi ở xóm Bãi Yên, ông Thực cũng ở xóm Bãi Yên xã Dân Chủ huyện Kỳ Sơn, tỉnh Hòa Bình).

BÌNH LUẬN

Láo ma (tức mộc tặc) vị ngọt, hơi đắng, tính bình, có tác dụng phát tán phong nhiệt, bổ can đờm; trong nhân dân

thường dùng làm thuốc lợi tiểu và cầm máu, như thế nói lên vị thuốc láo ma (hay mộc tặc) ít nhiều có công dụng kích thích thần kinh. Ngô trâu (mọc mạch) còn gọi là ý dĩ, vị ngọt nhạt, tính mát, có tác dụng lợi tiểu, làm mạnh tỳ vị, thường dùng làm thuốc bồi dưỡng cơ thể. Rễ cây khế (còn gọi là rễ cây sậy) vị ngọt, tính lạnh, thanh nhiệt, giáng hỏa. Rễ cây chung (tức cây lau đá) thường dùng trong điều chỉnh chức năng bất thường ở hạ tiêu, nhất là kinh nguyệt không đều, khí hư bạch đới. Lá màng tang được dùng trong chữa trạng thái bệnh lý ở trung tiêu như đầy bụng, đau bụng trên, có khi dùng để chữa cả nhức đầu. Lá dứa ăn quả là một vị thuốc giải nhiệt. Lá hồi vị cay, tính ôn, có tác dụng kiện tỳ khai vị, thường được dùng trong chữa nôn mửa, bụng đầy chướng, đau bụng.

Liệt dương do nhiều nguyên nhân gây ra. Xét về tính vị và tác dụng chủ yếu của tuyệt đại đa số những vị dùng trong bài thuốc này là nhằm chữa liệt dương do tâm tỳ bị thương tổn mà trạng thái liệt dương thường đi kèm với các triệu chứng hay gặp như tinh thần mệt mỏi, lòng phiền muộn, sắc mặt vàng vọt, tiểu tụy, ăn uống kém sút khó tiêu, giấc ngủ nhiều mộng寐, mạch thường nhu tế. Nếu liệt dương do mệnh môn hỏa suy là một thể liệt dương cũng thường hay gặp với các triệu chứng kèm theo như : dễ bị đau lưng, hoa mắt, chóng mặt, hay quên, tay chân mệt mỏi, sắc mặt mờ ám, mạch tế nhược; như thế thì dùng bài thuốc này không thích hợp.

Mục lục

	<i>Trang</i>
Lời nói đầu	3
* Các bài thuốc chữa nắn bó gãy xương.	5
* Các bài thuốc chữa bong.	12
* Các bài thuốc chữa phong thấp.	17
* Các bài thuốc chữa hen suyễn.	27
* Các bài thuốc chữa đau dạ dày.	33
* Các bài thuốc chữa khí hư.	44
* Các bài thuốc chữa phụ nữ kinh nguyệt không đều. khi hành kinh bị đau bụng.	48
* Chữa hành kinh bị đau lưng.	52
* Chữa đau buồng trứng và dạ con và trẻ em ít ngủ.	53
* Chữa băng huyết rong kinh kéo dài.	54
* Chữa sưng vú.	56
* Chữa tắc sữa ở vú bằng châm cứu.	57
* Chữa vú tắc sữa bằng thuốc uống.	59
* Chữa tắc vú do cai sữa cho con.	60
* Chữa phụ nữ có thai 2 tháng đau bụng vật, mất mồi.	61
* Chữa sốt rau thai sau khi đẻ.	63
* Chữa bệnh đẻ rồi ít sữa	66
* Các bài thuốc xa dạ con	67

* Các bài thuốc chữa tiền sản - hậu sản.	70
* Các bài thuốc chữa bệnh cho trẻ em tại nơi rừng rốn vẫn chảy nước vàng.	75
* Phòng nhiễm trùng rốn.	76
* Phòng bệnh tê phong.	77
* Chữa "khẩu sang" ở trẻ em.	78
* Chữa sài với tưa lưỡi ở trẻ em.	80
* Chữa trẻ em khóc dạ đề.	81
* Chữa trẻ em thổ tả, ỉa chảy	85
* Chữa cảm sốt ở trẻ em.	87
* Kinh nghiệm chữa trẻ em mắc cảm mạo phong hàn.	90
* Kinh nghiệm chữa sốt trẻ em dùng "Lục nhất tán".	92
* Chữa trẻ em trùng tích.	94
* Chữa trẻ em tự nhiên bị nóng sưng đái.	96
* Chữa đậu lào.	98
* Chữa vàng da.	100
* Chữa rần cần và chó cần.	103
* Chữa rần rết cần.	105
* Chữa rần cần.	106
* Chữa về bệnh động kinh.	108
* Chữa ung nhọt.	112
* Chữa mụn nhọt, lở ngứa.	113
* Chữa áp xe sưng to cứng chưa có mũ.	115
* Chữa áp xe có mũ vì để lâu.	117
* Cách chữa lấy mảnh đạn trong người ra.	119
* Chữa sưng đau do bị đòn, bị ngã ...	121
* Chữa bệnh đau răng, nhức, răng có mũ, có máu.	123
* Chữa quai bị.	125
* Chữa ung nhọt có rồi bọ ở người và gia súc.	127
* Chữa bệnh rò xương.	129
* Chữa sâu quầng.	131

* Điều trị Phúc thống (đau bụng).	133
* Chữa kiết lỵ đau bụng.	136
* Chữa đau bụng ỉa chảy.	138
* Chữa đầy bụng, ăn uống không tiêu.	140
* Chữa giun, bụng ửng da vàng.	141
* Chữa bệnh đau mắt có mộng thịt đỏ và chữa bệnh mặt đỏ và ngứa sưng gọi là xích du phong.	142
* Chữa tràng nhạc.	145
* Chữa viêm hạch hạnh nhân.	147
* Chữa viêm mũi chảy máu cam.	149
* Chữa cảm ngạt đột ngột.	151
* Chữa cảm cúm, nóng rét, nhức đầu, ho, ngạt mũi, khó thở.	154
* Chữa đau đầu.	156
* Chữa sốt rét.	157
* Chữa chứng phù thũng	159
* Chữa bệnh lở ngứa, chàm ếch-di-ma	161
* Chữa liệt dương	163

**NHỮNG BÀI THUỐC KINH NGHIỆM BÍ TRUYỀN
CỦA CÁC ÔNG LANG BÀ MẾ MIỀN NÚI**

N.X.B VĂN HÓA DÂN TỘC

Chịu trách nhiệm X.B

NÔNG HOÀNG HỤ

Tổng biên tập

ĐẶNG NAM

Biên tập :

HOÀNG TUẤN

Bìa :

Trình bày :

Sửa bài :

In 1000 cuốn. Khuôn khổ 13 x 19 cm

In tại Nhà in Bộ Lao động - TBXH Giấy phép XB: 216/cXB/2H

Số X.B

In xong và nộp lưu chiểu tháng 8 năm 1994